

RÉSERVE

Lê-thần TRẦN TRỌNG KIM

儒 教

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N^o 29797

NHO-GIÁO

LES ÉCOLES CONFUCÉENNES — MENCIOUS ET SON
ENSEIGNEMENT — TUÂN-TU (SUNN-TSEU) ET SON
ENSEIGNEMENT — LES DISCIPLES DE TUÂN-TU :
HÀN - PHI (HAN-FEI) ET LÝ-TU (LY-SEU)

QUYỂN II

Tái bản lần thứ hai
Sửa lại rất cẩn thận



貫之(論語) 曰吾道一以

ÉDITIONS LÊ THĂNG

Imprimerie du Nord, 133-135, Rue du Colon

HANOI

M.16778(1)

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

儒 教

NHO - GIÁO

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHEQUE NATIONALE DU VIETNAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

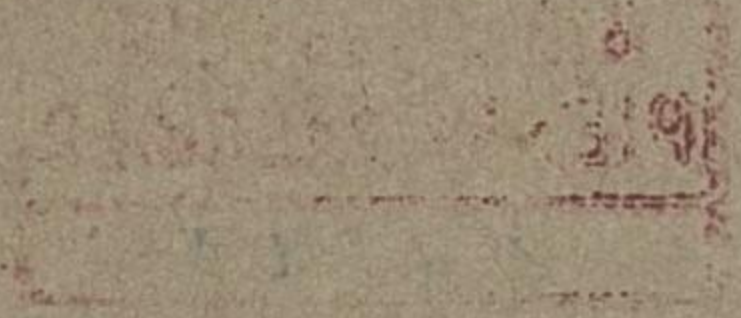
THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

4292

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM



Lê-thần TRẦN TRỌNG KIM

儒 教

NHO-GIÁO

LES ÉCOLES CONFUGÉENNES — MENCIOUS ET SON
ENSEIGNEMENT — TUÂN-TU (SUNN-TSEU) ET SON
ENSEIGNEMENT — LES DISCIPLES DE TUÂN-TU :
HÀN PHI (HAN-FEI) ET LÝ-TU (LY SEU)

QUYỂN II

Tái bản lần thứ hai

Sửa lại rất cẩn thận

DEPT OF LEGAL
INDOCHINE
N° 29797

子曰吾道一以
貫之(論語)

ÉDITIONS LÊ THĂNG

Imprimerie du Nord, 133-135, Rue du Coton

HANOI

BIBLIOTHEQUE
PIERRE PASQUIER
86068

TU' A

SÁCH Nho - giáo, quyền thứ nhất, in lần đầu, nói đến cái học của Mạnh-tử. Nhưng sau vì có sửa lại thêm nhiều đoạn vào cái học-thuyết của Khổng-tử, thành ra in lần thứ hai, số trang tăng lên, phải rút bớt ra để đem vào quyền thứ hai này.

Quyền thứ hai này nói về Nho-giáo trong đời Chiến-quốc, kể từ các học-phái do môn-đệ Khổng-tử lập ra, trải qua Mạnh-tử, Tuân-tử, cho đến hết đời nhà Tần. Chủ-đích là để bày tỏ sự biến-thiên của Nho-giáo trong thời-kỳ ấy. Độc-giả xem sẽ thấy ngay từ lúc đầu, Nho-giáo đã chia ra làm mấy phái khác nhau, nhất là xem cái học-thuyết của Mạnh-tử và cái học-thuyết của Tuân-tử, thì thấy mỗi bên theo riêng hẳn một chủ-nghĩa.

Mạnh-tử xưng lên cái thuyết tính thiên và chủ lấy lượng-tri lượng-năng làm căn-bản mà lập thành cái mối tâm-học, thiên trọng về những điều nhân nghĩa lễ trí; Tuân-tử xưng lên cái thuyết tính ác và chủ lấy tư trí, mà

biên-luận, thiên trọng về mặt dùng lễ-nghi và hình-pháp, gây thành cái mối chuyên-chế của những người quân-chủ.

Dem hai cái học ấy so với nhau, thì cái học của Mạnh-tử gần với cái học của Khổng-tử, nhưng không có ảnh-hưởng gì mấy ở đời Chiến-quốc, mà cái học của Tuân-tử thì sai nhiều, nhưng lại có thế-lực rất mạnh, kết-quả thành ra có cái hà-chính đời nhà Tần.

Đó là nói cái đại-cương về những điều sẽ xét ở quyển thứ hai này, để độc-giả thấy rõ cái chân tướng của Nho-giáo trong đời Chiến-quốc vậy.

TRẦN TRỌNG KIM

NHO-GIÁO

QUYỀN II

THIÊN I'

CHIẾN-QUỐC THỜI-ĐẠI

(479-220 trước Tây-lịch)

CÁC HỌC PHÁI CỦA NHO-GIÁO

Đời Xuân - thu tuy các nước Chư - hầu cường-thịnh lên, tranh nhau làm bá ở nước Tàu, nhưng nước nào có thể-lực vẫn tồn-phủ nhà Chu và vẫn mượn tiếng thiên-tử mà sai khiến các nước khác. Đến đời Chiến-quốc thì nước Tàu chia ra làm bảy nước là nước Tần 秦, nước Sở 楚, nước Tề 齊, nước Yên 燕, nước Hàn 韓, nước Triệu 趙, nước Ngụy 魏. Vua những nước ấy đều xưng vương cả và không ai biết đến vua nhà Chu nữa. Sự chiến-tranh trong thời ấy lại càng kịch-liệt hơn trước và sự loạn-ly cũng đến

cực-điểm vậy. Song cũng bởi thời-cực như thế, cho nên các nhà tư-tướng mới đem phát-huy ra các học-thuyết để cứu đời, vì vậy thuở ấy Nho-giáo, Lão-giáo và Mặc-giáo đều chen vai mà thịnh-hành lên ở nước Tàu.

Nho-giáo thì từ khi Khổng-tử mất rồi, hết ba năm tang chế, các môn-đệ mỗi người đi một nơi. Người thì đi làm quan, người thì về dạy học, đem cái đạo của Ngài truyền-bá ra thiên-hạ.

Nay ta không biết đích-xác ngay từ lúc đầu Khổng-giáo chia ra làm mấy phái, vì các sách đời ấy không nói rõ. Mãi đến cuối thế-kỷ thứ ba trước Tây-lịch kỷ-nguyên, tức là hơn hai trăm năm sau Khổng-tử, Hàn-Phi mới chép ở trong thiên Học-hiến sách Hàn-Phi-tử rằng: « Tự Khổng-tử chi tử giả, hữu Tử-Trương chi nho, hữu Tử-Tư chi nho, hữu Nhan thị chi nho, hữu Mạnh thị chi nho, hữu Tắt-điều thị chi nho, hữu Trọng-Lương thị chi nho, hữu Tôn thị chi nho, hữu Nhạc-chính thị chi nho 自孔子之死也, 有子張之儒, 有子思之儒, 有顏氏之儒, 有孟氏之儒, 有漆雕氏之儒, 有仲良氏之儒, 有孫氏之儒, 有樂正氏之儒: Từ khổng-tử mất rồi, có bọn nho-học của Tử-Trương, có bọn nho-học của Tử-tư, có bọn nho-học của họ Nhan, có bọn nho-học của họ Mạnh, có bọn nho-học của họ Tắt-điều, có bọn nho-

học của họ Trọng-Lương- có bốn nho-học của họ Tôn, có bốn nho-học của họ Nhạc-chính.»

Trong tám phái ấy, thì phái Tử-Tư (học-trò Tăng-tử), phái họ Mạnh (Mạnh-tử, thuộc phái Tử-Tư), phái họ Nhạc-chính (Nhạc-chính Khắc, học-trò Mạnh-tử) đều thuộc về phái Tăng-tử. Phái Tử-Trương và phái Tất-điều Khai thì không biết rõ truyền cho những ai. Phái họ Tôn, tức là phái của Tuấn-Khanh, không biết thuộc về phái nào. Còn phái họ Nhan và phái họ Trọng-Lương thì không biết là ai.

Dẫu thế nào mặc lòng, sau khi Khổng-tử mất rồi, Nho-giáo chia ra phái Tăng-tử, phái Tử-Hạ, phái Tử-Trương, phái Tử-Du, phái Trọng-Cung, phái Hữu-tử, phái Thương-Cổ, phái Tất-điều Khai, kê ra như biểu sau này:

	Tăng-tử, Tử-Tư, Mạnh-tử	} Nhạc-chính Khắc } Công-tôn Sửu } Vạn - Chương	
	Tử-Hạ		} Công-dương Cao } Cốc-lương Xích
KHỔNG-TỬ	Tử-Trương		
	Tử-Du		
	Trọng-Cung	Tuân-tử } Hàn-Phi } Lý - Tư	
	Hữu-tử		
	Thương-Cổ		
	Tất-điều Khai		

Trong bấy nhiêu phái, thì có phái Tử-Trương, phái Tử-Hạ và phái Tăng-tử là có thể-lực hơn cả. Phái Tử-Hạ học về đường van-chương, phái Tăng-tử học về đường đạo-đức.

Phái Tử-Trương — Trong các môn-đệ Khổng-tử có Tử-Trương là người có cái thái-độ ung-dung hoành-đại. Ông nói rằng : « Sĩ kiến nguy trí mệnh, kiến đắc tư nghĩa, tế tư kính, tang tư ái, kỳ khả dĩ hỹ 士見危致命, 見得思義, 祭思敬, 喪思哀, 其可已矣 : Kẻ sĩ thấy nguy bỏ mình, thấy tai-lợi nghĩ đến điều nghĩa, tế nghĩ đến sự kính, tang nghĩ đến sự thương-xót, thế là khả-rồi ». *Luận-ngữ : Tử-Trương, XIX*). Ý ông muốn điều gì cũng cốt giữ cái linh-thần, chứ không cần phải cầu-chấp những điều vụn-vặt, miễn là lúc nào bụng mình cũng thực, đức mình cũng rộng, thì việc mình làm mới hay được. Vậy nên ông nói rằng : « Chấp đức bất hoảng, tín đạo bất đốc, yền năng vi hữu, yền năng vi vô 執德不弘, 信道不篤, 焉能爲有, 焉能爲無 : Giữ đức không rộng, tin đạo không dày, sao hay là có, sao hay là không ? » (*Luận-ngữ : Tử-Trương, XIX*). Cái học của ông rộng-rãi, bao-dung cả người hay người dở, cho nên hậu-nho cho là cao quá, không vừa làm cho

người thường theo được. Một hôm có người học-trò Tử-Hạ đến hỏi ông về việc giao-kết với người. Ông hỏi lại rằng: « VẬY THÌ TỬ-HẠ NÓI THẾ NÀO? » — Người học trò trả lời rằng: « TỬ-HẠ BẢO: *Khả giả dữ chi, kỳ bất khả giả cự chi* 可者與之, 其不可者拒之: giao-kết với người khá, cự tuyệt với người không khá. » — Ông nói: « *Dị hồ ngô sở văn. Quân-tử tôn hiền nhi dung chúng, gia thiện nhi cũng bất năng. Ngã chi đại hiền dư, ư nhân hà sở bất dung? Ngã chi bất hiền dư, nhân trung cự ngã, như chi hà kỳ cự nhân giả?* 異乎吾所聞. 君子尊賢而容眾, 嘉善而矜不能. 我之大賢與, 於人何所不容? 我之不賢與, 人將拒我, 如之何其拒人也: Khác với cái nghe của ta. Người quân-tử tôn người hiền mà dung mọi người, khen người giỏi mà thương người không có tài. Nếu ta thật là hiền, thì ai mà chẳng dung được? Nếu ta không hiền, thì người ta cự-tuyệt ta, ta còn cự-tuyệt được ai nữa? » (*Luận-ngữ: Tử-Trương, XIX*). Ông có cái khi-tượng khoáng-dãng như thế, cho nên thường không hợp với những người như bọn Tăng-tử, Tử-Hạ và Tử-Du.

Tăng-tử nói rằng: « *Đường đường hồ Trương giả, nan dữ lĩnh vi nhân hỹ* 堂堂

乎張也，難與竝爲仁矣： Trương là người có tư-cách đường đường, nhưng khó giúp người làm điều nhân vậy. » (Luận-ngữ : Tử-Trương, XIX).

Tử-Du nói rằng : « Ngô hữu Trương giả vi nan năng giả, nhiên nhi vi nhân 吾友張也，爲難能也，然而未仁： Ta bạn với Trương là vì Trương giỏi không ai bằng, nhưng chưa phải là bậc nhân. » (Luận-ngữ : Tử-Trương, XIX).

Hai ông chê Tử-Trương chưa thật là bậc nhân, vì cái học của Tử-Trương có phần phóng-khoảng thái quá, nhưng hai ông lại tỉ-mỉ và câu-nệ những điều tiểu-tiết. Như một khi đi điếu người chết, Tăng-tử « tập cứu nhi điếu 襲裘而弔 : mặc áo phủ ngoài áo thường đi điếu », mà Tử-Du thì « tích cứu nhi điếu 裼裘而弔 : mặc áo thường đi điếu ». Tăng-tử thấy vậy chỉ Tử-Du mà bảo người ta rằng : « Gã kia tập lễ, sao lại mặc áo thường mà đi điếu ». Đến khi làm lễ khâm-liệm xong rồi. Tử-Du chạy ra mặc áo phủ ngoài và thắt dây mà vào, Tăng-tử nói rằng : « Ta làm rồi, gã kia theo đúng lễ. » (Lễ-ký Đán-cung thượng).

Xem thế thì biết cái học của bọn Tăng-tử hay câu-nệ những điều vụn-vặt, khác với cái học khoáng-dãng tự-nhiên của Tử-Trương. Nhưng vì sau đời Chiến-quốc cái học của

Tử-Trương không truyền nữa, cho nên không biết rõ cái tôn-chỉ hay dở thế nào.

Phái Tử-Hạ. — Sau khi các môn-đề của Khổng-tử ở nước Lỗ giải tán đi các nơi, Tử-Hạ về dạy học ở phía Tây-hạ, tức là ở vùng tỉnh Hà-nam bây giờ. Vua nước Ngụy là Văn-hầu (423-387) tôn ông làm thầy và đặt quan bác-sỹ để học các kinh. Nho-giáo thành ra quốc giáo khởi đầu từ đó.

Học-trò Tử-Hạ là bọn Công-dương Cao 公羊高, Cốc-lương Xích 穀梁赤 chuyên-trị kinh Xuân-thu.

Phái Tử-Hạ chú trọng về văn-chương và lễ-nghi, và lại có quân-chủ bảo-hộ, có quan bác-sỹ coi giữ các kinh. Cho nên về sau càng ngày càng phát đạt lên. Hết đời Chiến-quốc, qua đời Tần, đời Hán, đời Đường, Nho-giáo tuy có châm-chước với các phái khác, nhưng thường là do phái này mà thịnh hành ở đời vậy.

Phái Tăng-tử. — Khổng-tử mất rồi, Tăng-tử nổi chân mở trường dạy học ở nước Lỗ. Ông học rộng và thành-thực, chắc-chắn hơn cả, cho nên người đời sau cho học-phái của ông là chính truyền.

Cái học của ông chú-trọng về dương đạo-đức, nhưng cái tôn-chỉ đã hơi khác cái đạo

của Khổng-tử. Khổng-tử chủ lấy nhân làm cốt, dùng hiếu để, lễ nhạc, để gây thành đạo nhân; mà bọn Tăng-tử thì lấy hiếu làm gốc cho các đức-tính khác. Những người đồng ý với ông như Hữu-tử nói rằng: « *Hiếu-để* giả giả, kỳ vi nhân chi bản dư 孝弟也者, 其爲仁之本 興: Hiếu để làm cái gốc cho đạo nhân. » (*Luận-ngữ: Học-nhi, I*). Xem thế thì biết đạo của Khổng-tử ngay từ lúc đầu đã biến thiên đi rồi. Tăng-tử rất chú ý về sự giảng đạo hiếu. Ông nói rằng: « *Hiếu hữu tam: Đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phát nhạc, kỳ hạ năng dưỡng: 孝有三: 大孝尊親, 其次弗辱, 其下能養: Hiếu có ba bậc: Bậc đại-hiếu là làm tôn-trọng cha mẹ, bậc thứ là không làm nhục đến cha mẹ, bậc dưới cùng là có thể nuôi được cha mẹ. » (*Lễ-ký: Tể-nghĩa*). Làm tôn-trọng cha mẹ, là phải « *liên ý, thừa chí, dụ phụ mẫu ư đạo 先意承志, 諭父母於道: hiếu trước cái ý của cha mẹ, vâng theo cái chí của cha mẹ, để đem cha mẹ đi theo đạo phải » (*Tể-nghĩa*), hay là « *lập thân hành đạo, dương danh ư hậu-thế, dĩ hiển phụ mẫu: 立身行道, 揚名於後世, 以顯父母: gây dựng thân mình đem thi-hành cái đạo ra, rõ tiếng về đời sau, để cho vinh-hiến cha mẹ. » (*Hiếu-kinh*). Không làm nhục đến cha mẹ là phải giữ cái danh-giá của***

mình cho trọn vẹn. Ông nói rằng : « Thân
 già già, phụ mẫu chi di thể già. Hành phi
 mẫu chi di thể, cảm bất kính hồ ? Cư xử bất
 trang, phi hiếu già ; sự quân bất trung, phi
 hiếu già ; li quan bất kính, phi hiếu già ; bằng
 hữu bất tín, phi hiếu già ; chiến trận vô dũng,
 phi hiếu già. Ngũ giả bất toại, tại cập ư thân
 cảm bất kính hồ ? 身也者, 父母之遺體也。
 行父母之遺體, 敢不敬乎 ? 居處不莊,
 非孝也 ; 事君不忠, 非孝也 ; 涖官不敬,
 非孝也 ; 朋友不信, 非孝也 ; 戰陣無勇,
 非孝也 ; 五者不遂, 災及於親, 敢不敬
 乎 : Thân là cái di-thể của cha mẹ. Dem cái
 di-thể của cha mẹ mà làm công nọ việc kia,
 dám nào không kính hay sao ? Cư-xử không
 nghiêm, không phải là hiếu ; thờ vua không
 trung, không phải là hiếu ; làm quan không
 kính, không phải là hiếu ; bầu bạn không
 tin, không phải là hiếu ; đi trận-mặc không
 mạnh-bạo, không phải là hiếu. Năm điều ấy
 không thành, thiệt hại đến cha mẹ, dám nào
 không kính hay sao ? » (Tể-nghĩa) Kính cái
 di-thể của cha mẹ là phải giữ cái thân mình
 cho trong sạch và không hư hỏng, như lời
 ông đã dạy học trò : « Phụ mẫu toàn nhi sinh
 chi, tử toàn nhi qui chi, khả vị hiếu hỹ. Bất
 khuy kỳ thể, bất nhục kỳ thân, khả vị toàn hỹ.
 父母全而生之, 子全而歸之, 可謂孝矣。
 不虧其體, 不辱其身, 可謂全矣 : Cha mẹ

sinh con ra trọn-vẹn, con trọn-vẹn mà đem về, khá gọi là hiếu. Không hư-hồng thân-thể, không nhục thân danh, khá gọi là trọn-vẹn vậy.» (*Tế-nghĩa*). Lấy hai cái lẽ tôn thân và phất nhục mà hiểu nghĩa chữ hiếu, thì cũng có phần cao-minh, vì có ý khuyến - khích người ta cố-gắng học-tập cho hay hơn tốt hơn, để xứng cái công-đức cha mẹ. Nhưng hậu-thế lại nệ về chữ « toàn nhi sinh, toàn nhi qui » mà hiểu ra cách giữ cái tóc, cái móng chân, móng tay, nghĩa là chỉ hiểu cách tho-thiên về đường giữ thân-thể, thành ra nhút-nhát nhu-nhược không ra thể-cách con người trượng-phu nữa. Về phần cao-minh mà còn hiểu lầm như thế, huống chi người đời lại chú ý về việc *nuôi* mà thôi, rồi bày ra những trò trẻ con như làm truyện trong « *Nhi-thập-tứ-hiếu* » thì lại càng vô-lý lắm nữa.

Đạo hiếu vốn là cái nền luân-lý rất tốt, nhưng vì người đời quá thiên về đường thiên-cận làm thành ra mất cả ý-nghĩa cao xa đi, ấy cũng là một điều đáng tiếc cho Nho-giáo vậy. Tuy cái học của phái Tăng-tử không được đúng như tôn-chỉ của Khổng-tử cho lắm, nhưng phái ấy có cái công rất lớn với Nho-giáo là đã giữ được những lời giảng-dụ của Khổng-tử, chép ra ở sách *Luân-ngữ* và lại làm ra sách *Đại-học* và sách *Trung-dụng* để bày tỏ cái chủ-đích sự học và những lẽ

uyên-áo của Khổng-giáo. Hậu-thế nhờ có mấy quyển sách ấy mà biết rõ cái đạo của thánh-nhân. Cái công ấy khá đáng cho phái ấy là chính truyền vậy.

Luận-ngữ 論語. — Phái Tăng-tử cùng với các môn-đệ góp nhặt những lời giảng-dụ của Khổng-tử xếp thành sách Luận-ngữ, để truyền về sau. Sách này hình như môn-đệ Khổng-tử ai nhớ được điều gì thì chép ra, rồi góp lại mà thành, cho nên không có thứ-tự gì cả. Có chỗ là bọn đồng-môn với Tăng-tử chép ra, có chỗ lại là bọn học-trò của Tăng-tử và Hữu-tử chép thêm vào. Cũng vì thế cho nên các đệ-tử của Khổng-tử đều đề chữ tử 子 lên trên tên tự, như: Tử-Lô, Tử-Trương, Tử-Du, Tử-Hạ, Tử-Cống v. v., duy chỉ có Tăng-tử và Hữu-tử thì đề chữ tử xuống dưới tên họ, là để tỏ cách tôn-kính vậy.

Trong sách ấy, cùng một chữ nhân, chữ hiếu, chữ chính mà mỗi nơi nói một khác, là vì cách lập-giáo của Khổng-tử cứ tùy tu-cách, hoặc tùy cái sở đắc, sở thất, của từng người mà dạy bảo, cho nên cái nghĩa không đồng. Tuy hình-thức thì không có trật-tự phân-minh, nhưng văn-từ thì thật rõ, thật đúng, ý-tứ rất sáng, rất gọn, mà câu nào cũng hàm-súc, ung-dung, đích-đáng là lời

của thánh-nhân vậy. Nay ta nhờ có sách ấy mới biết rõ cái học-thuyết của Khổng-tử và mới hiểu cái vi ý của Ngài về các sự-lý. Thật là quyển sách rất quý của Nho-giáo. Song học giả phải lập chí học mà suy nghĩ cho kỹ, thì mới biết là hay, và sự học đạo của thánh hiền mới có ích lợi. Trình Y-xuyên đời Tống nói rằng : « Có người đọc xong sách *Luận-ngữ* rồi sau không thấy gì cả, có người đọc xong rồi sau thích một vài câu, có người đọc xong rồi sau lấy làm thích lắm, có người đọc xong rồi thích đến nỗi múa tay múa chân lên mà không biết ». Ông lại nói rằng : « Ai đọc xong sách *Luận-ngữ* mà vẫn còn những tính nết như trước khi chưa đọc, thì người ấy chưa hiểu đọc sách vậy ».

Đại-học 大學 — Sách này với sách *Trung-dụng* khi xưa vốn là hai thiên chép ở trong sách *Lễ-lý*. Đến đời Tống, các nho-gia mới đem in riêng ra để cùng với sách *Luận-ngữ* và sách *Mạnh-tử* làm bốn sách gọi là *Tứ-thư*.

Cứ theo ý-kiến của các nhà nho-học xưa nay, thì thiên *Đại-học* là của Tăng-tử giải-diễn mấy lời của Khổng-tử truyền lại. Khổng-tử nói rằng : « *Đại-học* chỉ đạo, tại mình mình đức, tại thân dân, tại chỉ u chí-

thiện. Trí chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc. Vật hữu bản末, sự hữu chung thủy, trí sở tiên hậu, lặc căn đạo hỹ.

Cổ chi dục minh minh đức ư thiên-hạ giả, tiên trí kỳ quốc; dục trí kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm; dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý; dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ trí. Trí trí tại cách vật.

Vật cách nhi hậu trí chí; trí chí nhi hậu ý thành; ý thành nhi hậu tâm chính; tâm chính nhi hậu thân tu; thân tu nhi hậu gia tề; gia tề nhi hậu quốc trí; quốc trí nhi hậu thiên-hạ bình.

Tự thiên-tử dĩ chí ư thứ-nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. Kỳ bản loạn nhi末 trí giả, phủ hỹ; kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu giả.

大學之道, 在明明德, 在親民, 在止於至善. 知止而後有定, 定而後能靜, 靜而後能安, 安而後能慮, 慮而後能得. 物有本末, 事有終始, 知所先後, 則近道矣.

古之欲明明德於天下者, 先治其家; 欲治其國者, 先齊其家; 欲齊其家者, 先修其身; 欲修其身者, 先正其心; 欲正其心者, 先誠其意; 欲誠其意者, 先致其知. 致知在格物.

物格而後知至；知至而後意誠；意誠而後心正；心正而後身修；身修而後家齊；家齊而後國治；國治而後天下平。

自天子以至於庶人，壹是皆以修身爲本。其本亂而末治者，否矣；其所厚者薄，而其所薄者厚，未之有也。

Cái đạo của bậc đại-học là ở sự làm cho sáng cái đức sáng, ở sự thân yêu người, ở sự đến chí-thiện mới thôi. Có biết đến cùng thì sau mới có định, định thì sau mới có thể tĩnh, tĩnh thì sau mới có thể yên, yên thì sau mới có thể tư-lự tinh-tường, tư-lự tinh-tường thì sau mới có thể được cái hay cái phải. Vật có gốc ngọn, sự có cuối có đầu, biết rõ trước sau thì gần đạo vậy.

Đời xưa người muốn làm sáng cái đức sáng ở thiên-hạ, thì trước phải trị nước mình; người muốn trị nước mình, thì trước phải tề nhà mình; người muốn tề nhà mình, thì trước phải sửa thân mình; người muốn sửa thân mình, thì trước phải chính cái tâm của mình; người muốn chính cái tâm của mình, thì trước phải làm cho tinh-thành cái ý của mình, người muốn làm cho tinh-thành cái ý của mình, thì trước phải biết đến chỗ cùng-cực. Biết đến chỗ cùng-cực là ở sự suốt tới chỗ uyên-thâm của sự vật.

Suốt tới chỗ uyên-thâm của sự-vật, thì sau mới biết đến chỗ cùng-cực; biết đến chỗ cùng-cực, thì sau cái ý mới tinh-thành; cái ý đã tinh-thành, thì sau cái tâm mới chính; cái tâm đã chính, thì sau cái thân mới tu; cái thân đã tu, thì sau nhà mới tề; nhà đã tề, thì sau nước mới trị; nước đã trị thì sau thiên-hạ mới bình.

Từ đấng thiên-tử cho đến kẻ thứ-nhân, ai cũng phải lấy sự sửa mình làm gốc. Cái gốc loạn mà cái ngọn trị thì chưa có vậy; cái gốc mình đáng hậu mà bạc, cái ngọn mình đáng bạc mà hậu, là chưa có bao giờ ».

Tăng-tử đem những lời trong kinh *Thư* và kinh *Thi* mà diễn thêm cho rõ cái ý của *Khổng-tử* vừa nói ở trên để dạy học-trò. Sau khi ông mất rồi, học-trò ông mới chép ra thành mười chương nữa. Trong mười chương ấy thì bốn chương đầu nói tóm ba cái cương-lĩnh là minh minh đức, thân dân, chỉ ư chí thiện, còn sáu chương sau nói kỹ tám điều-mục là *cách vật, trí tri thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*. Chương thứ năm thích rõ nghĩa sự cách vật và trí tri, song chương ấy về sau mất mất, người ta đem cái ý của *Trình-tử* đời nhà Tống mà bổ thêm vào. Chương thứ sáu nói sự giữ cái ý của mình cho thành.

Nói rút lại, cái chủ đích sự học của người ta là đem cái đức sáng của Trời phú cho, mà sửa mình cho hoàn-toàn, rồi mới trị được người. Muốn sửa mình thì phải chính tâm, thành ý và trí tri. Đã trí tri là cách vật. Khi đã trí tri và cách vật, thì ý thành, tâm chính, tức là sửa được thân. Thân đã sửa được, thì có thể tề được gia, trị được quốc, bình được thiên-hạ. Vậy trước sau phải lấy sự sửa mình làm gốc. Sửa mình để trị nước và bình thiên-hạ. Thành thử cái học của Nho-giáo rất quan-hệ đến việc tiến-hóa của quốc-gia và xã-hội.

Đại-đề sách *Đại-học* cốt có bảy nhiều mà thôi. Cách lập-ngôn thì theo lối cổ, thường hay nói lặp đi lặp lại, nhưng rất có thống-hệ, văn-lý tiếp-tục, ý-nghĩa tinh-mật, thật là một sách thời cổ rất có giá-trị.

Trung-dung 中庸. — Tăng-tử mất, truyền cái học lại cho học-trò là **Khổng-Cấp 孔伋**, tự là **Tư 思**, cháu đích tôn **Khổng-tử**. **Tử-Tư** nổi nghiệp dạy học-trò, đem cái phần uyên-áo của **Khổng-giáo** mà nói rõ ở thiên **Trung-dung**

Sách *Hán-thư* chép rằng sách của **Tử-Tư** có 23 thiên, nhưng sau chỉ có thiên **Trung-dung** truyền ở đời. Thiên này trước chép ở trong sách **Lễ-ký** cũng như thiên **Đại-học**,

mãi đến đời nhà Tống mới in riêng ra thành sách.

Sách *Trung-dụng* nói cái chủ-nghĩa chấp-trung của thánh hiền đời xưa và thuật-lại cái ý-chỉ của Khổng-lữ. Trước hết nói cái bản-nguyên của đạo là tự Trời mà ra, không thể thay đổi đi được, và cái thực-thể của đạo ấy có đủ cả ở mình, không thể xa lìa ra được. Thứ nói cái cốt-yếu *lôn, dương, linh, sát*. Sau nói cái cùng-cực của *thánh, thần, công, hóa*. Ai muốn học những điều ấy, thì tìm lấy trong mình mình mà tự hiểu lấy, đừng bỏ những điều thiên-tự của những sự ngoại-dụ, mà sung-khoảng cái thiện bản-nhiên của Trời phú cho.

Tử-Tư dẫn những lời của Khổng-lữ đã giảng về đạo trung-dụng. Ngài nói rằng : «Trung hòa là cái tính tình tự-nhiên của trời đất, mà trung-dụng là cái đức-hạnh của người ta. Trung là giữa, không lệch về bên nào, dung là thường, nghĩa là dùng đạo trung làm đạo thường. Đạo trung dung thì ai cũng có thể theo được, thế mà không mấy người chịu theo. Khác nào như ai cũng ăn uống cả, nhưng ít người ăn mà biết rõ mùi vậy. Chỉ có thánh-nhân mới theo được mà thôi. vì theo đạo ấy cốt phải có ba cái đạt-đức là trí, nhân và dũng. Trí là để biết rõ các sự-lý,

nhân là để hiểu điều lành mà làm, dũng là để có cái khí cường-khện mà theo làm điều lành cho đến cùng. Ba cái đạt-đức ấy là ba cái cửa vào đạo, cho nên nói rằng « *Hiếu học cận hồ trí, lực hành cận hồ nhân, trí sĩ cận hồ dũng* 好學近乎智, 力行近乎仁, 知恥近乎勇: Thích học là đã gần có trí, cố sức mà làm là đã gần có nhân, biết thẹn là đã gần có dũng. » Có ba điều ấy thì mới sửa được mình, trị được người và trị được thiên-hạ và quốc-gia.

Đạo ấy là đạo của người quân-tử, dùng ra thì rất rộng, mà cái bản-thể thì rất tinh-vi. Dem thi-thổ ra thì ai cũng có thể biết được, làm được, mà biết cho đến cùng, làm cho đến hết, thì dầu bậc thánh-nhân cũng không biết và làm hết được. Đạo ấy bao-quát cả cái lớn vô cùng và cái nhỏ vô cùng. « *Ngữ-đại, thiên-hạ mạc năng tái yên; ngữ-tiểu, thiên-hạ mạc năng phá yên* 語大, 天下莫能載焉, 語小, 天下莫能破焉: Nói cái lớn, thì cả thiên-hạ không thể chở được; nói cái nhỏ, thì cả thiên-hạ không thể phân-phá ra được. »

Tử-Tư lại dẫn lời của Khổng-tử nói về chữ thành 誠: « Thành là đạo Trời, học cho đến bậc thành là đạo người. Cái tính của Trời phú cho người là tự nó thành và minh, mà cách

dạy người là làm cho mình cái thành. Đã thành là mình, đã mình là thành. » Ông theo cái ý - kiến ấy mà giải rõ nghĩa đạo Trời và đạo người. Đạo Trời là đạo vô thượng, cho nên mới nói rằng: « Thành giả tự thành giả, nhi đạo tự đạo giả 誠者自成也, 而道自道也 : Thành là tự thành-tự lấy mình, mà đạo là tự đạo-đạt lấy mình. » Thành là cái thể của Trời, đạo là cái dụng của Trời. Vạn vật nhờ có cái thành mới sinh hóa ra được : « Thành giả vật chi chung thủy, bất thành vô vật 誠者物之終始, 不誠無物 : Thành là trước sau của muôn vật, không có thành thì không có sự vật gì cả. » Vậy nên người quân-tử lấy đạo thành làm quý. Thành là không những tự thành-tự lấy mình mà thôi, lại thành-tự cho vạn vật nữa. Thành được mình là nhân, thành được vật là trí. Vậy thành là cái đức của tính và là cái đạo hợp cả trong lẫn ngoài.

Cái đức của chí-thành là cứ biến động và hóa cực mãi không nghỉ, tức là bao-hàm cả cái ý du-cửu 悠久 và du-viễn 悠遠. Đã du-cửu thì không có lúc nào là không có, và đã du-viễn thì không có chỗ nào là không khắp. Bởi vậy cho nên mới nói ; « Không đâu là không có Trời. »

Trời đã ở khắp mọi nơi, thì không đâu là hư là giả, nghĩa là đâu đâu cũng có sinh hóa, có sự vật, chứ không chỗ nào trống không và không chân-thực ; mà đã lúc nào cũng có, thì không gián-đoạn, nghĩa là sự sinh hóa không bao giờ đứt khúc. Du-cửu thuộc về phần trong, du-viễn thuộc về phần ngoài. Phần trong, mà có mãi, thì phần ngoài chứng-nghiệm ra rất rộng, rất xa. Du-viễn thì vô-cùng, du-cửu thì vô-cương, cho nên cái tích-lực quảng-bác mà thâm-hậu ; đã quảng-bác, thâm-hậu thì cái phát-lực cao đại mà quang minh. Vậy đạo Trời là du-cửu, du-viễn, bác-hậu, cao-minh. Bác-hậu để chở vật, cao-minh để che vật, du-cửu để thành vật : « *Bác-hậu sở dĩ tải vật giả, cao-minh sở dĩ phủ vật giả, du-cửu sở dĩ thành vật giả* 博厚所以載物也, 高明所以覆物也, 悠久所以成物也. » Bởi thế cho nên « *Bất hiện nhi chương, bất động nhi biến, vô vi nhi thành* 不見而章, 不動而變, 無爲而成 : Không hiện ra mà rõ, không động mà biến, không làm gì mà thành. »

Đạo Trời như thế, đạo người phải thế nào ? Đạo người là phải cố gắng hết sức để cho đến bậc chí-thành. Phải học cho rộng, xét hỏi cho kỹ, nghĩ-ngợi cho sâu, biện-biệt điều phải trái cho rõ, và dốc lòng làm điều thiện cho đến cùng. Hễ ai làm được như thế thì rồi ngu

thành ra sáng, yếu thành ra mạnh, tức là dần dần lên đến bậc chí-thành. Ở trong thiên-hạ duy chỉ có bậc chí-thành tức là bậc thánh, thì mới biết rõ cái tính của Trời; biết rõ cái tính của Trời, thì biết được rõ cái tính của người; biết rõ cái tính của người, thì biết được rõ cái tính của vạn vật; biết rõ cái tính của vạn vật, thì khả dĩ giúp được sự hóa dục của trời đất và có công ngang với trời đất vậy. Còn bậc thứ là bậc hiền giả, thì phải học-tập mất nhiều công-phu, mới đến được bậc chí-thành.

Tử-Tư tin cái đạo chí-thành linh-diệu như thần, cho nên ông nói rằng: « Đạo chí-thành có thể biết trước được mọi việc. Nước nhà sắp hưng-thịnh, tất có điềm lành, nước nhà sắp mất, tất có điềm dữ, những điềm ấy hiện ra ở cỏ thi, mai rùa, hoặc động ở chân tay. Khi có họa phúc sắp đến, thì điều lành cũng biết trước, điều dữ cũng biết trước. » Đạo của bậc thánh-nhân cao-diệu như thế, cho nên ông mới tán-thán rằng: « Đại tại thánh-nhân chi đạo! Dương dương hồ, phát dục vạn vật, tuần cực ư thiên! 大哉聖人之道! 洋洋乎, 發育萬物, 峻極於天! » Đạo của thánh-nhân lớn vậy thay! Rộng-rãi mệnh-mông, sinh nuôi muôn vật, cao sánh với trời! » Người quân-tử học đạo ấy, xét từ cái nhỏ đến cái lớn, suy từ cái mảy đến cái rõ, ở ngồi trên không kiêu, làm người dưới

không trái, nước trị thì lời nói có thể hưng-khởi được điều hay, nước loạn thì ngồi im có thể dung được thân. Động có thể đời đời làm đạo cho thiên-hạ, hành-vi có thể đời đời làm khuôn-phép cho thiên-hạ, nói năng có thể đời đời làm mực-thước cho thiên-hạ, người ở xa trông mong, người ở gần không bao giờ chán.

Trong bốn chương sau cùng: XXX, XXXI, XXXII, XXXIII, Tử-Tư nói cái đạo của Khổng-tử cao xa sâu dày như trời đất, sáng rõ như mặt trời, mặt trăng. Ông kết-luận rằng: « Duy chỉ có bậc chí-thành mới thông-minh tuệ-trí, đủ soi xét được cả thiên-hạ; khoan dụ, ôn nhu, đủ bao-dung thiên-hạ; phát cường, cương-ng nghị đủ quyết đoán việc trong thiên-hạ; trai trang, trung-chính, đủ làm cho thiên-hạ kính-trọng; văn lý mật sát, đủ biện-biệt mọi việc trong thiên-hạ. Bao giờ cũng rộng-rãi sâu-xa và cứ tùy thời mà phát-niên ra. Duy chỉ có bậc chí-thành mới kinh-tuân được cái mối lớn của thiên-hạ, lập được cái gốc lớn của thiên-hạ, biết được sự hóa dục của thiên-hạ, mà không phải nương tựa vào gì cả. Cái nhân của bậc ấy rất thuần-túy, cái lượng của bậc ấy rất sâu rộng, cái trí của bậc ấy to lớn như trời. Những người ấy nếu vốn không phải là bậc

thông minh, thánh trí, đạt được cái đức của Trời, thì còn có ai là người biết được nữa!»

Ông dẫn những lời trong kinh Thi để chứng rõ cái đức của người quân-tử cốt ở cái tinh-thần vô-hình. Cái tinh-thần ấy có thể-lực rất mạnh, khiến mình không động mà người ta kính, không nói mà người ta tin, không thưởng mà dân nức lòng làm điều lành, không giận mà dân sợ hơn búa rìu. Ông lại dẫn lời của Khổng-tử để chứng rõ cái đạo của Ngài chú-trọng ở phần tinh-thần. Ngài nói rằng : « Thanh sắc chi ư dĩ hóa dân, mạt giã. Thi viết : Đức do như mao. Mao do hữu luân, thượng thiên chi tái, vô thanh, vô khíu, chi hỹ ! 聲色之於以化民, 末也. 詩曰: 德輶如毛. 毛猶有倫, 上天之載, 無聲無臭, 至矣. Dùng tiếng nói to, cái sắc mặt nghiêm mà hóa dân, là thuật kém hơn cả. Kinh Thi nói rằng : Cái đức của người trên nhẹ như cái lông mao. Cái lông mao còn có ví với vật khác có sức nặng, chứ việc sinh hóa tái bởi của Trời là không có tiếng, không có hơi. Đạo ấy mới thật là rất mực vậy ! »

Sách Trung-dụng nói cái đạo của thánh-nhân căn-bản ở Trời, rồi giải-diễn ra hết mọi lẽ, khiến người ta phải giữ mình cho kính-cần trong khi hành-động và khi im lặng một mình. Suy cái lý ấy ra cho đến sự

nhân nghĩa, để khiến cho cả thiên-hạ được bình-trị, và lại tán-dương cái công-hiệu linh-diệu của đạo ấy cho đến chỗ tinh-thần vô thanh, vô sắc, mới thôi. Thật là một quyển sách triết-lý rất cao, tưởng các sách đời cổ truyền lại chưa có sách nào bàn đến cái lý-học siêu-việt như thế.

Giá hậu-thế cứ theo cái ý-nghĩa trong sách *Trung-dung* mà bồi-bổ và khoáng-trương cái phần thuần-lý triết-học ra, thì có lẽ Nho-giáo thành ra một môn triết-học uyên-áo vô cùng. Nhưng vì cái tinh-cách người Tàu quá thiên về đường thực-tế, các học giả thường chỉ chuyên trị những việc chính-trị và những sự thực-hành luân-lý, cho nên cái học của Nho-giáo càng ngày càng thấp xuống. Ấy cũng là một điều đáng tiếc cho sự học ở phương Đông ta vậy.

THIÊN 11

MẠNH - TỬ

Phái đạo - đức của Tăng - tử ở nước Lỗ, truyền đến cuối thế-kỷ thứ IV, trước Tây-lịch kỷ-nguyên, thì có một nhà đại hiền-triết đem Nho giáo làm cho sáng rõ hơn trước. Nhà đại hiền-triết ấy là Mạnh Kha 孟軻, tự là Dư 輿, người đất Châu 鄒, nay là huyện Châu, thuộc tỉnh Sơn-đông.

Cứ theo sách *Mạnh-tử-phả*, thì ông sinh vào ngày mồng 2, tháng tư, năm thứ tư đời vua Chu Liệt-vương (372 trước Tây-lịch) và mất vào ngày 15 tháng mười một, năm thứ hai-mười - sáu, đời vua Chu Noãn - vương (289 trước Tây-lịch). Thuở ông lên ba tuổi, thì cha mất, nhờ có mẹ hiền dạy - dỗ, sau theo học về phái thầy Tử-Tư, hiểu được rõ cái đạo của Khổng - tử. Ông lại có tài hùng - biện, thường đi du - lịch nước Tề, nước Lương, nước Tống, nước Đằng, muốn đem cái đạo của thánh - nhân ra cứu đời, nhưng vì thuở ấy vua các nước chỉ lo việc chiến - tranh, không ai để ý đến việc nhân nghĩa. Sau

đã gần già, ông thấy cái đạo không thi-hành được, ông về ở nhà cùng với môn - đệ là bọn Nhạc-chính Khắc 樂正克, Công-tôn Sưu 公孫丱 và Vạn Chương 萬章 ghi chép những điều ông đã đối-đáp với vua các nước Chu-hâu, hoặc là với bọn môn-đệ của ông, cùng những lời ông phê-bình những sự chéch-lệch của các học-thuyết khác mà làm thành bảy thiên sách *Manh-tử*.

Nay xem sách ấy ta có thể thấy rõ cái đạo của ông, và thiết tưởng nên chia ra làm ba mục như sau này :

- I. Tâm-học triết-lý
- II. Chính-trị triết-lý
- III. Tài-nghệ của *Manh-tử*.

I. — TÂM-HỌC TRIẾT-LÝ

Tính thiện. — Cái học uyên-nguyên của *Manh-tử* là ở tâm-học, trước sau chú-trọng ở chữ tâm và chữ tính. Ông lý-hội được lời Khổng-tử nói ở thiên *Hệ-tử* trong kinh *Dich* rằng : « Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả thiện giả, thành chi giả tính giả, » ở sách *Luận-ngữ* rằng : « Tính tương cận giả, tập tương viễn giả », và ở sách *Trung-dụng* rằng : « Thiên mạnh chi vị tính », mà biết

rằng tuy Ngài không nói tính thiện hay tính ác, nhưng đã gọi tính là cái của Trời phú cho, thì tính tất là phải thiện. Đây ta phải hiểu rõ chữ tính của Khổng-giáo khác nghĩa chữ tính của người ta thường dùng. Người ta thường nói tính là nói gồm tất cả các nét tốt, nét xấu tự-nhiên ở trong tâm-thần của một vật nào, tức là nói cả cái toàn-thể sinh-hoạt của vật ấy. Khổng-giáo không hiểu như thế, cho tính là cái phần thiên-lý của Trời phú cho, có đủ nhân nghĩa lễ tri, tức là cái minh đức nói ở đầu sách Đại-học vậy. Mạnh-tử theo cái ý-chỉ ấy mà lập ra cái thuyết tính thiện.

Thuở ấy có người nói rằng: « Hữu tính thiện, hữu tính bất thiện 有性善, 有性不善: Có tính thiện, có tính bất thiện ». Có người nói rằng: « Tính khả dĩ vi thiện, khả dĩ vi bất thiện 性可以爲善, 可以爲不善: Tính có thể làm thiện, có thể làm bất thiện ». Cáo-tử thì nói rằng: « Tính vô thiện, vô bất thiện 性無善, 無不善: Tính không thiện, không bất thiện ». Nghĩa là tính không thiện không ác gì cả. Cáo-tử lại nói: « Sinh chi vị tính 生之謂性: Sinh-hoạt ở đời là tính » và lại ví: « Tính do kỹ liễu giả, nghĩa do bôi quyền giả. Dĩ nhân tính vi nhân nghĩa, do dĩ kỹ liễu vi bôi quyền 性猶杞柳也, 義猶杯棬也. 以人性爲仁義, 猶以杞柳爲杯棬: Tính như cây kỹ cây liễu, nghĩa như cái chén cái

thìa, lấy tính người làm việc nhân việc nghĩa, cũng như lấy cây kỹ cây liễu làm cái chén cái thìa». Cái cây mọc lên, lớn lên, theo lẽ tự-nhiên, rồi ta chặt cây lấy gỗ làm các thứ đồ dùng; dùng làm cái gì thì nó ra cái ấy, cũng như là tính thì cứ theo lẽ tự-nhiên mà sinh-trưởng, rồi bắt theo nhân nghĩa thì là nhân nghĩa, bắt theo bạc ác thì là bạc ác. Cáo-tử lại ví tính như nước: « *Tính do thoan thủy giả, quyết chư đông phương, tắc đông lưu, quyết chư tây phương, tắc tây lưu* 性猶湍水也, 決諸東方, 則東流, 決諸西方, 則西流: Tính như nước chảy, khiến chảy về phương đông, thì chảy về phương đông, khiến chảy về phương tây, thì chảy về phương tây». Vậy tính không phân thiên hay bất thiên gì cả. (Cáo-tử, thượng).

Manh-tử phản-đối những ý-kiến ấy và nói rằng: « Nếu sinh-hoạt ở đời là tính, thì tính con chó cũng như tính con trâu, tính con trâu cũng như tính người hay sao? Nếu ví tính như cây kỹ cây liễu, nhân nghĩa như cái chén cái thìa, thì có chặt đẽo cây kỹ cây liễu mới làm được cái chén cái thìa, cũng như phải chặt đẽo người ta mới làm được việc nhân việc nghĩa. Như thế chẳng hại cho nhân nghĩa làm ru? Nếu ví tính như nước, thì tuy nước không phân đông tây, nhưng có

phân cao thấp không? Tính người ta làm lạnh như nước chảy xuống chỗ thấp vậy: Người không ai là không thiện, nước không lúc nào là không chảy xuống chỗ thấp. (Nhân tính chi thiện giả, do thủy chi tựu hạ giả: Nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ 人性之善也, 猶水之就下也: 人無有不善, 水無有不下). Giá có vầy lên thì nước có thể té lên quá trán, ngăn lại thì có thể ở trên núi được. Đó là bị cái thế ép, chứ không phải là cái tính của nước. Tính người cũng vậy, có thể khiến làm điều bất thiện được».

Ông giải rõ cái nghĩa tại sao mà nói là thiện: « Nãi nhược kỳ tính (1), tắc khả dĩ vi thiện hỹ, nãi sở vị thiện giả. Nhược phục vi bất thiện, phi tài chi tội giả 乃若其情, 則以爲善矣, 乃所謂善也. 若夫爲不非才之罪也: Cứ theo cái bản-năng của người ta, thì ai cũng có thể làm lạnh, cho nên mới nói là thiện. Nếu có làm điều bất-thiện là không phải cái tội ở cái bản-năng của người ta ». — « Người ta ai cũng có lòng trắc-ân, ai cũng có lòng tu-ố, ai cũng có lòng cung-kính, ai cũng có lòng thị-phi. Lòng trắc-ân là nhân, lòng tu-ố là nghĩa, lòng cung-kính là lễ, lòng

(1) Trong sách Mạnh-tử thường dùng chữ tình với chữ tài đồng một nghĩa. Chữ tình ở đây cũng nghĩa như chữ tài.

thi-phi là tri. Nhân nghĩa lễ tri, không phải là ở ngoài mà đúc lên đầu, ta vốn có sẵn cả, chỉ vì không nghĩ đến mà thôi. Cho nên nói rằng: « Tim thì thấy, bỏ thì mất ». Có người hay hơn hoặc dở hơn gấp hai, gấp năm, gấp số không kể được, đều là vì không biết dùng hết cái bản-năng của mình vậy. Năm được mùa, thì con em làm điều hay, năm mất mùa, thì con em làm điều bậy. Đó không phải Trời phú cho cái bản-năng khác nhau như thế, chỉ tại ta để cái tâm của ta hăm đắm vào vật-dục, cho nên mới hóa ra thế. Xem như gieo hạt lúa xuống đất rồi bón xới vào, hạt lúa cùng ở một chỗ, cùng gieo một lúc, mọc lên ngùn-ngụt, đến ngày hạ-chí, đông-chí, đều chín cả. Nếu có hạt tốt hạt xấu là tại màu đất, mưa móc và công việc người ta làm không đều. Phàm vật đồng loại, thì giống như nhau cả, sao đến người thì lại ngờ là không giống. Bậc thánh-nhân với ta cũng là đồng một loài như nhau. Bởi vậy Long-tử nói rằng: Không trông thấy chân người ta mà làm giày, thì biết là không làm cái sọt. Giày má giống nhau, là vì chân người ta ai cũng thế cả.

« Miệng đối với vị ngon đều giống nhau, người sành ăn như Dịch Nha là người biết trước cái thích của miệng ta. Nếu khiến cái miệng của Dịch Nha đối với vị ngon mà lại không giống như mọi người, tựa như giống

chó giống ngựa, không đồng loại với ta, thì sao đối với vị ngon thiên-hạ lại theo cái sành ăn của Dịch Nha? Đối với vị ngon mà thiên-hạ theo Dịch Nha, là vì cái miệng thiên-hạ thích vị ngon ai cũng như ai. Cái tai nghe cũng vậy. Như tiếng âm-nhạc thì ai cũng theo người giỏi đàn như Sư Khoáng. Vì rằng cái tai người ta ai cũng như ai. Cái mắt trông cũng vậy. Đẹp như Tử-Đô, thì thiên-hạ ai chẳng biết là đẹp. Người mà không biết Tử-Đô là đẹp, là người không có mắt. Bởi vậy cho nên nói rằng: Miệng đối với vị ngon, thì đều thích như nhau, tai đối với tiếng đàn hay, thì đều nghe như nhau, mắt đối với sắc đẹp, thì đều trông thấy như nhau. Thế mà có một cái tâm lại không giống nhau là có sao? Những cái mà tâm của người ta đều thích như nhau là những cái gì? Là cái lý, cái nghĩa. Thánh - nhân là bậc đã tìm được trước ta những cái mà tâm của ta đều thích. Cho nên lý và nghĩa làm cho thích cái tâm của ta, cũng như thịt giống thú ăn cỏ, ăn cám, làm cho thích miệng ta vậy.

« Xưa kia những cây ở trên núi Nguu-sơn thường dườm-dà rất đẹp. Vì núi ấy ở vào cõi một nước lớn, riu búa chặt mãi đi, thế thì những cây ấy có đẹp được nữa không? Những cây ấy đã bị chặt rồi, ngày đêm nghỉ ngơi, mưa móc tưới vào, lại đâm chồi ra. Song

trâu dê lại đến phá hại, cho nên núi ấy mới trụi đi như ngày nay. Người ta thấy núi ấy trụi cả cây, bảo là núi ấy không mọc cây được. Há có phải là cái tính của núi như thế hay sao?

« Người ta dầu thế nào mà lại không còn có cái bụng nhân nghĩa. Người nào để bỏ mất cái lương-tâm, thì cũng như lấy rìu búa mà chặt cây vậy. Cứ ngày ngày chặt phá đi, thì cây còn đẹp thế nào được nữa. Cái lương-tâm của người ta, ví như mầm cây, ngày đêm nghỉ ngơi và lại có cái khí yên lặng buổi sáng, thì lòng hiếu ố của mình cũng hơi gần như của mọi người. Song những việc làm trong ban ngày lại làm hư-hỏng đi, rồi cứ hỏng đi hỏng lại mãi, thì cái khí ban đêm không đủ mà giữ cho còn lại được. Đến khi cái khí ban đêm không giữ còn lại được nữa, thì người với cầm thú có xa gì. Người ta thấy giống như cầm thú, thì cho là không có cái bản-năng gì. Há có phải là bản tính của người ta như thế hay sao?

« Cho nên, nếu được cái nuôi, thì không có vật gì là không lớn lên; nếu mất cái nuôi, thì không có vật gì là không mất đi. Khổng-tử nói rằng: « *Thảo tắc tồn, xả tắc vong, xuất nhập vô thời, mạc tri kỳ hương* 操則存, 舍則亡, 出入無時, 莫知其鄉: Giữ lấy thì còn, bỏ đi thì mất, ra vào không có thời,

không biết ở nhất-định chỗ nào ». Đó là ngài nói cái lương-tâm của người ta vậy ». (Cáo tử, thượng).

Nói rút lại là Manh-tử cho cái tính của Trời phú cho người ta là thiện. Nếu có thành ra bất thiện, là vì người ta không biết giữ lấy cái bản tâm, chứ cái nguồn gốc của tính là không thể không thiện được. Ông nói rằng: « *Nhân giai hữu bất nhân nhân chi tâm* 人皆有不忍人之心: Người ta ai cũng có cái lòng thương người... Giá bất-thình-linh người ta trông thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, thì ai cũng có lòng bôn-chồn thương-xót. Bôn-chồn thương-xót, không phải là vì trong bụng có ý muốn cầu thân với cha mẹ đứa trẻ ấy, không phải là vì muốn cho người làng xóm bè bạn khen, không phải là sợ người ta chê cười. Xem như thế, thì ai không có lòng trắc-ân, không phải là người; ai không có lòng tu-ố không phải là người; ai không có lòng từ-nhượng, không phải là người; ai không có lòng thị-phi, không phải là người. Lòng trắc-ân là cái mối của nhân, lòng tu-ố là cái mối của nghĩa, lòng từ-nhượng là cái mối của lễ, lòng thị-phi là cái mối của trí. Người ta có bốn mối ấy như có tứ thê vậy. Có bốn mối ấy mà tự bảo không sửa mình được, là tự mình hại mình vậy. Đã có bốn mối ấy ở trong mình mình, mà biết mở rộng ra cho thông,

thì như lửa mới bắt đầu cháy, như suối mới bắt đầu chảy ». (*Công-tôn Sưu thượng*).

Đã nói ở trên rằng Mạnh-tử nói tính thiện là nói cái bản-nguyên tính-thuần, tức là cái thiên-lý của Trời phú cho, chứ không phải là nói cái tính gồm cả tính-dục của Người ta.

Những nhà tâm-lý-học ngày nay xét cái tính của khí chất, cho nên mới nói cái tính của người ta có sẵn cả thiện đoan và ác đoan. Thiện đoan là lòng vị-tha bác-ái, lòng yêu sự hay, sự đẹp và sự thực ; ác đoan là lòng vị-kỷ, lòng thị-dục v. v. Theo cái học ngày nay thì người thiện hay ác là tùy cái giáo-dục, cái tập-quán và cái hoàn-cảnh làm cho thiện đoan phát-triển ra, hay là ác đoan bành-trướng lên.

Cũng một chữ tính, song chữ tính của ta đúng có nghĩa khác. Nếu xét không kỹ, thì ta không hiểu rõ cái thuyết của Mạnh-tử vậy.

Tâm. — Mạnh-tử cho tính là cái bản-nguyên của Trời phú cho, tức là cái thiên-lý chí linh chí diệu. Bởi cái lý-tưởng ấy mà ông lập ra cái tâm-học triết-lý rất cao. Ông cho là người có tính ấy, tất là có tâm ấy. Tâm với tính là một vậy. Tâm là phần chủ-tể trong người ta. Hiểu rõ cái tâm, thì ta biết rõ cái tính, biết rõ cái tính, thì biết rõ trời đất và vạn vật, tức là cách vật tri tri đó vậy. Ông nói rằng : « Tân kỳ tâm giả, tri kỳ tính giả. Tri kỳ tính

tắc tri thiên hỹ. Tôn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên giã. Yêu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh giã 盡其心者, 知其性也. 知其性, 則知天矣. 存其心, 養其性, 所以事天也. 夙壽不貳, 修身以俟之, 所以立命也. Biết hết cái tâm của mình, là biết cái tính của mình vậy. Biết cái tính của mình là biết trời vậy. Giữ cho còn cái tâm của mình, nuôi cái tâm của mình, là đề thờ Trời vậy. Yêu thọ không thay đổi, sửa mình mà đợi, là đề lập mệnh vậy. » (*Tân-tâm thượng*)

Tâm là cái thần-mình có đủ mọi lý đề ứng với vạn sự, tính là cái lý hoàn-toàn của tâm. Trời là nguồn gốc của lý ấy. Người ta có tâm ấy mà hiểu hết được cái toàn - thể của nó, đừng để cái tư-ý che lấp mắt, thì ta biết rõ cái tính; biết rõ cái tính là biết rõ Trời vậy. Biết rõ tính là biết nhân với lễ là cái đức « nguyên » và đức « hanh » của Trời, nghĩa với trí là cái đức « lợi » và đức « trinh » của Trời. Biết rõ bốn đức ấy là đạt được cái diệu-dụng của Trời vậy.

Tâm là cái thần-mình của Trời, Trời cho ta cái tâm ấy để làm tâm, thì tâm của ta với Trời là một thể. Đó thực là cái đạo nhất-quán của Khổng-tử vậy.

Biết cái tâm của ta là Trời, giữ cái tâm cho ngay chính, nuôi cái tính cho hoàn-toàn sáng.

suốt, nhất động nhất tĩnh đều thuận cái thiên-lý tự-nhiên. Ấy là sự chân thực thờ Trời vậy.

Ta đã biết tĩnh, biết Trời, thì ta chỉ chuyên nhất ở sự nuôi tính và sự sửa mình cho toàn cái của Trời đã phú cho ta, rồi cứ an vui mà đợi mệnh Trời, chứ không lấy sự thọ yểu mà hai cái bản-nguyên chí thiên. Ấy là cách lập mệnh vậy.

Lập mệnh là lập theo cái chính-mệnh, chứ không phải làm can làm bậy mà gọi là lập mệnh. Mạnh-tử nói rằng : « Ở trong thiên-hạ không có việc gì là không có mệnh Trời, ta thuận mà theo cái chính. Người biết theo mệnh là người không đứng dưới cái tướng sắp đổ, nhưng cố sức làm cho hết đạo mà chết, thế là chính mệnh. Người làm điều gian ác đến nỗi gông cùm mà chết, không phải là chính mệnh. » Học để giữ lấy cái tâm nuôi lấy cái tính, biết rõ lẽ trời mà theo cái chính mệnh của mình, ấy là cái tinh-thần của Nho-giáo vậy.

Bởi cái học duy-tâm ấy, cho nên Mạnh-tử rất chú trọng sự tồn tâm, tồn tính, dưỡng khí và tri chí.

Tồn-tâm. — Người ta sở chủ có cái tâm. Vạn sự hay dở đều ở cái tâm cả. Vậy nên sự học của quân-tử cần phải tồn tâm, nghĩa là giữ

cho còn cái bản tâm hư linh của mình.
 « Quân-tử sở dĩ dĩ ư nhân giả, dĩ kỳ tồn tâm
 giả. Quân-tử dĩ nhân tồn tâm, dĩ lễ tồn tâm
 君子所以異於人者, 以其存心也. 君子
 以仁存心, 以禮存心: Quân-tử sở dĩ khác
 người ta là chỉ có sự giữ cho còn cái tâm
 mà thôi. Quân-tử lấy nhân mà giữ cho còn
 cái tâm, lấy lễ mà giữ cho còn cái tâm ». (Ly-
 Lâu, hạ). Giữ lấy cái tâm rồi nuôi nó lên cho
 càng ngày càng sáng suốt. Muốn nuôi cái
 tâm thì không gì bằng quả dục: « Dưỡng
 tâm mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân giả
 quả dục, tuy hữu bất tồn yên giả, quả hỹ. Kỳ
 vi nhân giả đa dục, tuy hữu tồn yên giả, quả
 hỹ 養心莫善於寡欲. 其爲人也寡欲, 雖
 有不存焉者, 寡矣. 其爲人也多欲, 雖
 有存焉者, 寡矣: Nuôi cái tâm thì không
 gì hay hơn quả dục. Làm người mà quả dục,
 thì tuy có người không giữ được cái tâm,
 nhưng ít lắm. Làm người mà đa dục, thì tuy
 có người giữ được cái tâm, nhưng cũng ít
 lắm ». (Tận-tâm, hạ).

Cái tâm của Mạnh-tử nói đây, là cái lương-
 tâm của người ta. Có lương-tâm thì mới biết
 điều nhân điều nghĩa, lẽ phải lẽ trái. Có
 lương-tâm, là có lương-năng và lương-tri,
 tức là cái giỏi cái biết rất tự-nhiên, rất mẫn-
 tiệp. « Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ

lương-năng giả; sở bất lự nhi tri giả, kỳ
 lương-tri giả 人之所不學而能者, 其良
 能也; 所不慮而知者, 其良知也: Người
 không học mà giỏi, là lương-năng; không
 suy nghĩ mà biết, là lương-tri ». Hãy xem
 như đứa trẻ-con ẵm trên tay, không đứa nào
 là không biết yêu cha mẹ nó. Đến lúc lớn
 lên, không đứa nào là không biết kính anh
 nó. Thân yêu cha mẹ là nhân, kính trọng kẻ
 huynh-trưởng là nghĩa. Khắp trong thiên-hạ
 đâu đâu cũng thế. Vậy nhân nghĩa là vốn có
sẵn trong lương-tâm của người ta. Chỉ vì ta
 đắm-đuối vào vật-dục, cho nên cái lương-
 tâm mới mờ tối đi, thành thử ta bỏ mất
 nhân nghĩa. Bởi thế cho nên người quân-tử
 lấy sự giữ cái tâm hồn-nhiên thuận-hậu như
 cái tâm của đứa trẻ-con làm quy. « Đại nhân
 giả, bất thất kỳ xích-tử chi tâm giả giả 大人
 者, 不失其赤子之心者也: Bậc đại-nhân
 không bỏ mất cái tâm hồn-nhiên của đứa
 con đỏ ». (Ly-Lâu, hạ).

Theo cái lý-thuyết ấy thì sự học-vấn cần
 nhất là phải tìm lấy cái tâm của mình đã dễ
 xô ra mất. Người ta để con gà, con chó xô ra,
 thì biết đi tìm về, lẽ nào mình để cái tâm của
 mình xô ra mà không tìm hay sao? Bởi vậy
 Mạnh-tử nói rằng: « Học vấn chi đạo vô tha,
 cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ 學問之道無他,
 求其放心而已矣: Cái đạo học-vấn không

có điều gì khác, chỉ có tim cái tâm đã xò ra mà thôi. » (Cáo-tử, thượng). Sự « câu-kỳ-phóng-tâm » của Mạnh-tử cũng như sự « lịch-nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên-hạ chi cố » của Khổng-tử, đều theo một ý-tưởng, chủ lấy sự giữ cái bản-nguyên cho hoàn-toàn để có cái minh-giác linh diệu mà ứng với vạn sự cho hợp đạo trung, ✓

Đạo nhất nhi dĩ hỹ. — Mạnh-tử đã cho cái tâm là một, thì dấu thánh-nhân với người thường cũng không khác nhau. Có người bảo ông rằng : « Vua nước Tề sai người đi dò xem quả thật ông có điều gì khác hơn người không. Ông nói rằng ; « Hà dĩ dĩ ư nhân tại, Nghiêu Thuấn dĩ nhân đồng nhĩ 何以異於人哉, 堯舜與人同耳 : Ta có gì khác người đâu, vua Nghiêu vua Thuấn cũng giống như mọi người vậy, » (Ly-Lâu, hạ). Dấu vua Nghiêu vua Thuấn là bậc thánh-nhân, nhưng cũng bầm-thụ một lý, một khí, tức là cùng đồng một tâm như mọi người cả, chỉ có một điều là những bậc ấy giữ được cái bản-tính tinh-thuần và cái khí hạo-nhiên mà thôi. Vậy, nếu ai cũng giữ được như thế, thì chắc là chẳng khác gì những bậc ấy. Cái thuyết ấy có thể khiến người ta lúc nào cũng nghĩ đến cái bản-thể, hoàn-toàn của mình, làm cho ai cũng có lòng tự tin rằng mình có thể hay hơn

tốt hơn được. Người ta đã có cái lòng tự tin ấy, thì rồi cái phần sáng suốt ngay chính càng ngày càng phát-triển ra, mà cái phần mờ tối là khúc dần dần biến cái đi. Thật là một lối giáo-hóa có cái chủ-nghĩa lạc-quan, khuyến miễn mọi người ai cũng cố sức cho thành người hoàn-toàn.

Mạnh-tử tin rằng người hiền kẻ ngu, chỉ khác nhau có một điều là giữ được cái tâm hay không mà thôi. Người ta sở dĩ không làm được điều nhân nghĩa như bậc thánh hiền, là vì ta để vật-dục làm hại mất cái tâm. « Người đói thì ăn gì cũng ngon, người khát thì uống gì cũng ngon, như thế chưa phải là biết rõ cái thực ngon của sự ăn sự uống, vì sự đói sự khát làm hại vậy. Có phải là sự đói sự khát chỉ làm hại cái miệng cái bụng mà thôi đâu, nó làm hại đến cả cái tâm nữa. Nếu người nào không để cho cái hại của sự đói sự khát làm hại được cái tâm, thì dầu không kịp người cũng không lấy làm lo. » (Tận-tâm, thượng). »

Cái tâm đã là một, thì cái đạo cũng là một. Cho nên mới nói rằng: « Phù đạo nhất nhi dĩ hỹ 夫道一而已矣: Đạo có một mà thôi. » Đạo có một, thì ai cũng có đạo lý ở trong tâm cả. Nếu ai cũng biết như thế, rồi cứ theo thiên-lý mà tu-dưỡng, mà hành-động, thì không ai hơn ai cả. Ông đem những lời

của các hiền-giả đời trước để làm chứng, như lời Thánh Nghiễn bảo Tề Cảnh-công rằng: *« Bì trượng-phu già, ngã trượng-phu già, ngô hà úy bì tai! 彼丈夫也, 我丈夫也, 吾何畏彼哉:* Thánh hiền là trượng-phu, ta là trượng-phu, ta sợ gì không được như thánh hiền! », và lời Nhan Hồi nói rằng: *Thuấn hà nhân già, dư hà nhân già, hữu vi giả diệc nhược thị 舜何人也, 予何人也, 有爲者亦若是:* Vua Thuấn là người nào, ta là người nào, ai theo đạo mà làm, thì cũng thế cả ». (*Đặng Văn-công thượng*). Thánh-nhân là bậc hoàn-toàn trong vạn vật, mà ta với thánh-nhân là đồng một thể, thì cái phần tinh-tú của vạn vật đều đủ cả ở trong mình ta. Nếu ta tự xét mình ta mà tu-dưỡng lấy cái căn-bản, thì sự học không phải tìm ở đâu xa. Ông nói rằng: *« Vạn vật giai bị ư ngã hỹ. Phần thân nhi thành, lạc mạc đại yên; cường thứ nhi hành, cầu nhân mạc cận yên 萬物皆備於我矣. 反身而誠, 樂莫大焉; 強恕而行, 求仁莫近焉:* Muôn vật đều đủ cả ở trong người ta vậy. Ta tự xét mình ta mà thành-thực, thì có cái vui thú nào lớn hơn nữa. Ta cố sức làm điều lành, như ta muốn người làm cho ta, thì tìm cái nhân có gì gần hơn nữa ». (*Tận-tâm, thượng*).

Người đã như nhau cả, thì sao lại có đại-nhân và tiểu-nhân? — Mạnh-tử trả lời rằng:

« Thê hữu qui tiện, hữu tiểu đại, vô dĩ tiểu hại đại, vô dĩ tiện hại qu. Dưỡng kỳ tiểu giả vi tiểu-nhân; dưỡng kỳ đại giả vi đại-nhân 體有貴賤, 有小大, 無以小害大. 無以賤害貴. 養其小者爲小人, 養其大者爲大人: Trong thân-thê người ta có phần qui, có phần tiện, có phần lớn, có phần nhỏ, đừng lấy phần nhỏ hại phần lớn, đừng lấy phần tiện hại phần qui. Nuôi phần nhỏ thì làm tiểu-nhân, nuôi phần lớn thì làm đại-nhân ». Phần lớn là cái tâm của mình, phần nhỏ là tai mắt của mình. « Tai mắt của người ta không phải để suy nghĩ, mà lại hay bị ngoại vật che tối, và chỉ là vật nọ giao với vật kia rồi tiếp-dẫn nhau mà thôi. Tâm là để suy nghĩ. Suy nghĩ thì được, nghĩa là biết rõ đạo lý. Không suy nghĩ thì không được, nghĩa là không biết đạo lý. Trong những cái của Trời phú cho ta, trước hết ta phải gây dựng lấy cái lớn, thì cái nhỏ không lấn lên được, bởi thế mới làm đại-nhân ». Ý Mạnh-tử là cho cái phẩm-giá tôn-qui của người ta chỉ ở cái tâm để tư-tướng mà thôi. Ngoài cái tâm ra, thì không có gì là đáng qui cả. Bởi vậy ông nói rằng: « Hữu thiên tước giả, hữu nhân tước giả. Nhân nghĩa trung tín. lạc thiên bất quyện, thử thiên tước giả; công khanh đại-phu, thử nhân tước giả 有天爵

者, 有人爵者, 仁義忠信, 樂善不倦, 此天爵也; 公卿大夫, 此人爵也; Có cái tước của Trời cho, có cái tước của người cho. Nhân nghĩa trung tín, vui làm điều lành không mỏi, là cái tước của Trời cho; công khanh, đại-phu, là cái tước của người cho. — « Người đời xưa lo sửa cái thiên-tước, thì cái nhân-tước theo sau. Người đời nay lo sửa cái thiên-tước, đề cầu lấy cái nhân-tước, khi đã được cái nhân tước rồi, thì bỏ cái thiên-tước, như thế thật là mê hoặc lắm vậy, sau thành ra mất hết cả. » — « Lòng muốn cái tôn-quí, thì ai ai cũng như nhau cả. Thế mà người ta ai cũng có cái tôn-quí ở trong mình mình mà không nghĩ đến. Cái tôn-quí của người ta cho, không phải là thật tôn-quí, những người mà người Triệu Mạnh (1) đã cho được tôn-quí, thì người Triệu Mạnh có thể làm cho đề-tiền được. » (*Cáo-tử, thượng*). Vậy ta nên cầu cái tôn-quí của Trời cho, tức là ta cầu lấy nhân nghĩa đạo lý để làm cho tôn cái phẩm-giá của ta. Cái phẩm-giá ấy không ai cho được ta mà cũng không ai cướp được của ta. Song muốn có cái phẩm-giá ấy, thì tự ta phải tìm lấy, chứ nếu ta tự hại, tự bỏ đi, thì không

(1) Triệu Mạnh là quan đại-phu nước Tề.

bao giờ có được. Vậy nên mới nói rằng: « Tự bạo giả, bất khả dư hữu ngôn giả; tự khí giả, bất khả dư hữu vi giả 自暴者, 不可與有言也; 自棄者, 不可與有爲也: Không thể nói chuyện được với người tự hại mình; không thể làm điều lành được với người tự bỏ mình.» — « Nói không phải lễ nghĩa, gọi là tự hại mình. Thân ta không ở chỗ nhân, không theo điều nghĩa, gọi là tự bỏ mình. Nhân là cái vườn của người ta ở yên, nghĩa là con đường chính của người ta đi. Bỏ vắng cái vườn yên mà không ở, bỏ con đường chính mà không đi, thế có thâm không? » (Ly-Lâu, thượng),

Người ta làm điều nhân, điều nghĩa, cũng như người đi trên rừng, có đi luôn thì mới thành đường được. Cho nên mới nói rằng: « Sơn kinh chi khe gian, giới-nhiên dụng chi nhi thành lộ. Vị gian bất dụng, tắc mao tắc chi hỹ 山徑之蹊間, 介然用之, 而成路. 爲間不用, 則茅塞之矣: Ở giữa khoảng rừng núi, chỗ nào đi luôn thì thành đường. Hễ bỏ vắng không đi, thì cỏ mọc lấp mất. » (Tận-tâm, hạ). Người học-giả cũng thế, lúc nào cũng phải đề chí mà làm điều nhân điều nghĩa. Phải biết rằng: « Sát nhất vô tội, phi nghĩa giả; phi kỳ hữu nhi thủ chi, phi nghĩa giả. Cư ô tại? nhận thụ giả; lộ ô tại? nghĩa

thị giã. Cư nhân do nghĩa, đại-nhân chi sự
 bị hỹ 殺一無罪. 非仁也; 非其有而取
 之, 非義也. 居惡在? 仁是也; 路惡在?
 義是也. 居仁由義, 大人之事備矣: Giết
 một người không có tội, không phải là nhân;
 không phải của mình mà lấy, không phải là
 nghĩa. Chỗ mình ở là đâu? là chỗ nhân;
 đường mình đi là đâu? là chỗ nghĩa. Ở chỗ
 nhân, đi theo chỗ nghĩa, như thế là việc của
 bậc đại-nhân đủ vậy, » (Tận-tâm, thượng).

Tồn tính, dưỡng khí và trì chí.— Tính là
 cái lý toàn-nhiên ở trong tâm người ta, tức
 là cái phần tinh-thuần của Trời phú cho. Ta
 nhờ có tính mới biết nhân nghĩa, biết phải
 trái, cho nên trước hết ta phải nuôi lấy cái
 tính, đừng để nó mờ tối đi. Người mà hơn
 loài cầm thú là chỉ ở sự giữ được cái tính
 bản-nhiên mà thôi. Nếu ta bỏ mất cái tính
 ấy đi, thì người với cầm thú không khác
 nhau gì cả. « Nhân chi sở dĩ dị ư cầm thú giả,
 cơ hy : thứ dân khứ chi, quân - tử tồn chi
 人之所以異於禽獸者, 幾希: 庶民去
 之, 君子存之: Người ta sở dĩ khác loài cầm
 thú là chỉ có một chút mà thôi: kẻ thứ-dân
 thì bỏ đi, người quân - tử thì giữ còn lại. »
 (Ly-Lâu hạ). Vậy tính là phần tối linh diệu
 của Trời phú cho người, để hiểu biết đạo lý.

Song có tinh phải có khí, thì mới có hình-thể và mới có sinh-trưởng.

Khí là sự vận dụng của lý, lưu-hành khắp cả vũ-trụ, ngưng-tụ lại thành ra hình, tức là thành ra vạn vật. Vạn vật sinh-trưởng là nhờ có khí lưu-hành trong các thân-thể. Vậy khí là để nuôi sự sinh-hoạt của vạn vật. Song khí phải tùy-túng cái chí, Chí là cái ý-hướng của tâm, mà tâm là chủ-tể trong cả vạn vật. Hễ có chí là có khí, cho nên mới nói rằng: « Chí chí yên, khí thứ yên 志至焉, 氣次焉 (1): Chí đến vậy, khí cũng đến vậy. » (Mạnh-tử : Công-tôn Sửu, thượng).

Người ta phải có cả chí và khí, thì mới sinh-hoạt được điều-hòa. Vậy nên ta phải: « Trì kỳ chí, vô bạo kỳ khí 持其志, 無暴其氣: Giữ cho bền cái chí, mà không làm hại cái khí. » Cái bản-thể của khí là hạo-nhiên rất lớn, rất mạnh, ở khắp cả khoảng trời đất. Ta phải theo lẽ tự-nhiên mà nuôi cái khí hạo-nhiên, để cho tinh và khí điều-hòa với nhau, thì sự hành-động của người ta mới hợp với thiên-ly. Người quân-tử sở dĩ hơn

(1) Tống nho cắt nghĩa chữ chí 至 là cực, cho chí là trên, khí là dưới. Nhưng Minh-nho Vương Dương-Minh nói nên để chữ chí là đến, vì sau có câu: « Trì kỳ chí, vô bạo kỳ khí. » Đã trì kỳ chí lại vô bạo kỳ khí, việc nọ ở trong việc kia, chứ không phải là hai việc khác nhau. Xét ra cái ý kiến ấy phải hơn.

người thường là chỉ biết cách « *thiện dưỡng hạo-nhiên chí khí* 善養浩然之氣: Khéo nuôi cái khí hạo-nhiên. » (Công-tôn Sửu, thượng).

Nuôi cái khí hạo-nhiên thì phải thế nào? Phải làm luôn luôn những việc hợp nghĩa lý, nhưng cứ theo lẽ tự-nhiên mà làm, không sao-nhãng, không gián-đoạn lúc nào, mà cũng không mong cho chóng thành hiệu. Làm như thế, thì cái khí hạo-nhiên ấy càng ngày càng tươi tốt thêm ra, cho nên mới nói rằng: « *Tất hữu sự yên, nhi vật chính tâm, vật vong, vật trợ trưởng giả* 必有事焉, 而勿正心, 勿忘, 勿助長也 (1): Ất có việc vậy, chớ lấy làm chính tâm, chớ quên, chớ giúp cho chóng lớn vậy. » (Công-tôn Sửu, thượng). Ất có việc vậy, nghĩa là cần phải thận trọng để làm vào việc gì; đừng lấy làm chính tâm, nghĩa là đừng cho việc ấy là việc chính của tâm. Thận trọng để tâm vào việc gì, thì không quên,

(1) Chương này chữ nho chấm câu như sau này: 必有事焉而勿正, 心勿忘, 勿助長也, và cái nghĩa chữ *chính* 正 là mong chóng thành hiệu. Nhưng xét ra cái nghĩa ép lắm. Theo Lục Tượng-sơn để chữ tâm lên câu trên, thì thuận nghĩa hơn. Lục Tượng-sơn cho: 必有事焉而勿正, 心勿忘, 勿助長也 làm một câu. Câu dưới giải nghĩa câu trên, như là nói: 必有事焉, 勿忘也, 勿正心, 勿助長也.

không cho việc ấy là việc chính của tâm, thì không giúp cho chóng lớn.

Cứ việc mà bỏ sao-những hay là muốn cho chóng tốt, chóng hay, thì lại là làm hại cái khí hao-nhiên. Đừng bắt chước như một người nước Tống lo cây lúa mọc không được chóng lớn, đem nhổ gốc lên cho cao, thành ra lúa chết cả.

Sự tu-dưỡng cũng vậy, cứ phải từ từ mà nuôi cái khí hao-nhiên lên cho tốt. Đừng bỏ quên, đừng vội-vàng, thì ắt có ngày trông thấy cái hiệu-quả mỹ-mãn vậy.

Tự-đắc. — Cái học của Mạnh-tử là cần phải theo thiên-lý mà tự-cường tự-động, để cầu lấy sự tự-đắc, nghĩa là cầu lấy được cái vui về đạo. Cho nên nói rằng : « Quân-tử thâm thao chi dĩ đạo, dục kỳ tự đắc chi giả. Tự đắc chi, tắc cư chi yên ; cư chi yên, tắc tư chi thâm ; tư chi thâm, tắc thủ chi tả hữu, phùng kỳ nguyên ; cố quân-tử dục kỳ tự đắc chi giả 君子深造之以道, 欲其自得之也. 自得之, 則居之安 ; 居之安, 則資之深 ; 資之深, 則取之左右, 逢其原 ; 故君子欲其自得之也 : Quân-tử theo đạo mà hiểu cho sâu cái đạo, là muốn tự mình riêng được cái vui về đạo. Đã tự mình riêng được cái vui về đạo, thì ở với đạo lúc nào cũng yên ; đã ở với đạo lúc nào cũng yên, thì cái vốn sẵn có

nhiều ; cái vốn sẵn có nhiều, thì lấy ở bên tả bên hữu, chỗ nào cũng nhắm cái gốc ; cho nên quân-tử muốn tự mình riêng được cái vui về đạo.» (Ly-Lâu, hạ). Ai muốn được cái vui về đạo ấy, thì tự mình phải cố gắng rèn tập và suy nghĩ sâu xa, để hiểu cho rõ cái đạo. Đã hiểu rõ được cái đạo, thì tự khắc được cái vui về đạo. Cũng vì thế cho nên những người cực khổ hay bị những cảnh gian nan bắt buộc phải suy nghĩ luôn, thường là người hiểu suốt đến cái đạo. Bởi vậy mới nói rằng : « Nhân chi hữu đức tuệ thuật tri giả, hằng tồn hồ chần tật. Độc cô-thần, nghiệt-tử, kỳ thảo tâm giả nguy, kỳ lự hoạn giả thâm, cố đạt 人之有德慧術知者, 恆存乎疾疾. 獨孤臣, 孽子, 其操心也危, 其慮患也深, 故達 : Những người có đức, tuệ, thuật, tri, thường là bởi có hoạn nạn khổ-sở. Chỉ có những kẻ cô-thần, nghiệt tử (1) lúc nào cũng cảm cái lòng như nguy hiểm lắm, cái bụng lo nghĩ sâu xa, cho nên mới đạt được sự lý. » (Tận-tâm, thượng). Người có lo nghĩ thì cái tâm mới mở rộng ra, cái trí mới sáng suốt, mới biết được rõ các mối đạo lý. Bởi thế cho nên sự học phi tự mình phải cố gắng mà hiểu

(1) Cô-thần là người làm tời ông vua mất nước : nghiệt-tử là đứa con trời một mình, trên không có cha mẹ trông coi, dưới không có anh em giúp đỡ.

lấy, thì sự dạy bảo dẫu hay thế nào cũng không có ích gì vậy.

Sự giáo-hồi. — Mạnh-tử nói rằng : « Nhân chi hữu đạo giả, bảo thực noãn y, dật cư như vô giáo, tắc cận ư cầm thú 人之有道也, 飽食煖衣, 逸居而無教, 則近於禽獸 : Người ta tuy có đạo lý, nhưng cứ ăn no, mặc ấm, ngồi rồi, mà không dạy bảo, thì gần như sống cầm thú. » Thánh-nhân đời trước lấy điều ấy làm lo, đặt quan Tư-đồ coi việc giáo hóa, dạy cho dân biết rõ nhân luân, đẽ cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa, vợ chồng phân biệt, lớn trẻ có trật-tự, bầu bạn có tin. (Đặng Văn-công, thượng).

Những điều luân thường đạo lý tuy không phải là điều khó, song vì người đời thường không suy xét : « Hành chi nhi bất trừ yên, tập hỹ nhi bất sát yên, chung thân đồ chi, nhi bất tri kỳ đạo giả, chúng giả 行之而不著焉, 習矣而不察焉, 終身由之, 而不知其道者, 眾也 : Nhiều người làm mà không biết, tập quen mà không xét, suốt đời theo mà không rõ cái đạo. » (Tân-tâm, thượng). Thành thử : « Đạo tại nhi, nhi cầu chư viễn, sự tại dị, nhi cầu chư nan 道在爾, 而求諸遠, 事在易, 而求諸難 : Đạo ở gần mà đi tìm ở xa, việc ở cái dễ mà đi tìm ở cái khó. » (Ly-Lâu, thượng). Vậy

muốn cho nhân-dân ai cũng hiểu điều phải
điên trái, việc hay việc dở, thì phải có sự
giáo-hối. Ở trong xã-hội thì phải « trung giả
dưỡng bất trung, tài giả dưỡng bất tài 中世
養不中, 才也養不才 : người trung-chính
dạy người không trung-chính, người có tài-
năng dạy người không có tài-năng. » (Ly-Lâu,
hạ). Ai là người có tài, có đức, thì cũng phải
nghĩ như Y-Doãn : « Thiên chi sinh tư dân giả,
sử tiên tri giác hậu tri, sử tiên giác giác hậu
giác 天之生斯民也, 使先知覺後知, 使
先覺覺後覺 : Trời sinh ra người, khiến
kẻ tiên-tri dạy kẻ hậu-tri, khiến kẻ tiên-giác
dạy kẻ hậu-giác. » (Vạn-Chương, hạ).

Sự giáo-hối cần phải lấy những khuôn
phép của thánh hiền làm tiêu-chuẩn. Vì rằng :
« Nếu có cái sáng của Ly-Lâu, cái khéo của
Công-Thâu-tử, mà không có cái thước tròn và
cái thước vuông, thì không làm được cái hình
tròn, cái hình vuông ; nếu có cái tai nghe suốt
như Sư-Khoảng mà không có sáu luật, thì
không chính được năm âm ; nếu có cái đạo
vua Nghiêu vua Thuấn, mà không làm điều
nhân-chính, thì không bình trị được thiên-
hạ. » Đã có đạo lý và khuôn phép của thánh
hiền đã định ra, thì ta nên nhân đó mà học
tập, mà hành-động. » Thánh-nhân đã trông
hết cái sức của con mắt, lại lấy cái thước
tròn, cái thước vuông, cái thẳng-bằng và cái

dây, để làm cái tròn, cái vuông, cái mặt bằng và cái mặt thẳng, dùng mãi không xuề; đã nghe hết cái sức của tai, lại lấy sáu luật để chỉnh năm âm, dùng mãi không xuề; đã xét hết sự nghĩ-ngợi của cái tâm, lại dùng cái chính-sự thương người, khiến cho lòng nhân che khắp cả thiên-hạ. » (Ly-Lâu, thượng). Vậy ta phải theo cái đạo của thánh hiền mà dạy người.

Người dạy học và người đi học phải như người Hậu-Nghệ dạy người ta bắn, tất phải dạy đề chí vào sự kéo dây cung cho thẳng, mà người học bắn cũng phải đề chí vào sự kéo dây cung cho thẳng; người thợ giỏi dạy người làm thợ, tất phải dạy cách dùng thước tròn, thước vuông, mà người học làm thợ cũng phải học cách dùng thước tròn, thước vuông. (Nghệ chi giáo nhân xạ, tất chí ư cầu, học-giả diệc tất chí ư cầu; đại-tượng hồi nhân, tất dĩ qui củ, học-giả diệc tất dĩ qui củ 羿之教人射, 必志於彀, 學者亦必志於彀; 大匠誨人, 必以規矩, 學者亦必以規矩.) (Cáo-tử, thượng). Nghĩa là dạy điều gì, thì phải chuyên tâm trí chí mà theo cho đúng những cái qui-mô đã định.

* Mạnh-tử cho sự giáo-hối có nhiều lối. Ông nói rằng: « Giáo diệc đa thuật hỹ, dư bất tiết chi giáo-hối giả giả, thị diệc giáo-hối chi nhi dĩ hỹ 教亦多術矣, 予不屑之教誨者也.

是亦教誨之而已矣: Dạy cũng có nhiều thuật, có người ta không thêm dạy bảo cho, ấy cũng là dạy bảo đó vậy. » (Tận-tâm, thượng). Thường thì người quân-tử có năm cách dạy người là: « Hữu như thời vũ hóa thì già, hữu thành đức giả, hữu đạt tài giả, hữu đáp vấn giả, hữu tư-thực ngại giả 有如時雨化之者, 有成德者, 有達財者, 有答問者, 有私淑艾者: Có cách như trời mưa xuống mà hóa đi, có cách làm cho thành-tựu cái đức, có cách làm cho đạt cái tài, có cách trả lời cho những câu hỏi, có cách học riêng mà tự-trị lấy mình. » (Tận-tâm, thượng).

Cái phương-pháp giáo hổi của người quân-tử cốt ở sự chỉ dẫn cho người ta để ai thích học, thì tự phải cố gắng mà học lấy. Cho nên mới nói rằng: « Quân-tử dẫn nhi bất phát. Được như già. Trung đạo nhi lập, năng giả tòng chi 君子引而不發. 躍如也. 中道而立, 能者從之: Quân-tử dạy người như dạy bắn, chỉ kéo thẳng cái dây cung mà không buông tên ra. Tuy không dạy cho biết hết cái hay, nhưng cái lý sở đắc đã hoạt-động như là nhảy-nhót ở trước mặt vậy. Cứ giữa đạo mà đứng, ai theo được thì theo. » (Tận-tâm, thượng).

Cái phương-pháp của Mạnh-tử có nhiều điều rất thích-hợp với phép sư-phạm ngày

nay. Ông nói rằng: « *Bác học nhi tường thuyết chi, tương dĩ phân thuyết ước giả* 博學而詳說之, 將以反說約也: Học rộng mà phân giải ra cho rõ-ràng rồi nói lại mà tóm hết cả các cái đại-yếu ». Phạm sự học là chủ ở cái tinh-thần hoạt-động, và học điều gì, thì phải suy nghĩ mà phê-bình cho hợp lý, chứ không phải cứ nhắm mắt mà theo sách: « *Tân tin thư bất như vô thư* 盡信書不如無書: Đọc sách mà tin cả ở sách, thì không bằng không có sách, » (Tận-lâm, hạ).

Người quân-tử là bao giờ cũng phải học, không lúc nào dám tự cậy mình là hoàn-toàn, không cần phải học gì nữa. Cho nên nói rằng: « *Nhân chi hoạn, tại hiếu vi nhân sự* 人之患, 在好爲人師: Cái bệnh của người ta là ở sự thích làm thầy người ta. » (Ly-Lâu, thượng). Nếu mình cho là tự mãn, tự túc chỉ muốn đi dạy người, chứ không học nữa, là một điều rất dở. Vì người như thế, thì còn tiến-hóa sao được?

Người đi học thì trước hết phải giữ mình cho chính, rồi mới sửa được người. « *Uông kỹ giả vị hữu năng trực nhân giả giả* 枉己者未有能直人者也: Mình cong-queo, không thể nào sửa cho người ngay-thẳng được. » Vậy muốn sửa mình thì phải có lòng si, nghĩa là biết xấu-hỗ về việc mình làm điều bậy. Ông nói rằng: « *Si chi ư nhân đại*

hỹ. Vi cơ biến chi xảo giả, vô sở dụng sĩ yên. Bất sĩ bất nhược nhân, hà nhược nhân hữu 恥之於人大矣. 爲機變之巧者, 無所用恥焉. 不恥不若人, 何若人有: Lòng biết xấu-hỗ đối với người ta là quan-trọng lắm. Người mà khéo dùng cơ-mưu, quyền biến, để lừa dối người ta, là người không biết nghĩ đến cái lòng biết xấu-hỗ vậy. Không bằng người ta mà không biết xấu-hỗ, thì có bằng người ta sao được. » Bởi vậy cho nên: « Nhân bất khả dĩ vô sĩ. Vô sĩ chi sĩ, vô sĩ hỹ 人不可以無恥. 無恥之恥, 無恥矣: Người ta không thể không có lòng xấu-hỗ về điều mình làm bậy. Nếu ai đã có lòng biết xấu-hỗ về điều vô sĩ, thì không có điều gì đáng xấu-hỗ nữa. » (Tận-tâm, thượng).

Về đường giáo-dục, Mạnh-tử cho cái tập-khí của hoàn-cảnh có thể cảm-hóa được tâm tính người ta. Ông nói rằng: « Cư di khí, dưỡng di thể, đại tai cư hồ! 居移氣, 養移體, 大哉居乎!: Chỗ ở biến đổi cái khí-tượng, sự ăn uống biến đổi cái thân-thể, chỗ ở quan-trọng lắm vậy ôi! » (Tận-tâm, thượng).

Nói về cách xem xét người ta, thì Mạnh-tử cho là không gì bằng trông ở con mắt. Con mắt là cái gương phản-chiếu cái tinh-thần ra ngoài. Cho nên nói rằng: « Tồn hồ nhân giả, mạc lương ư mâu-tử. Mâu-tử bất năng yểm

kỳ ác. Hung trung chính, tắc mâu-tử liệu yên; hung trung bất chính, tắc mâu-tử mao yên. Thỉnh kỳ ngôn giả, quan kỳ mâu-tử, nhân an sừ tai! 存乎人者, 莫良於眸子. 眸子不能掩其惡. 胸中正則眸子瞭焉; 胸中不正, 則眸子眊焉. 聽其言也, 觀其眸子, 人焉廋哉: Cái còn ở trong người ta, chẳng gì thật bằng con người. Vì rằng con người không thể giấu được cái ác của người ta. Trong bụng ngay thẳng, thì con người trông sáng-tỏ rõ-ràng; trong bụng tà khúc, thì con người mờ-đục tối-tăm. Khi nghe lời nói mà xem con người, thì không giấu được người vậy. » (Ly-Lâu, thượng).

Ấy là nói tóm các cái quan-niệm của Mạnh-tử về đường giáo-dục. Xét ra có lắm điều rất hệ-trọng, kẻ học giả nên chú ý mà ngẫm-nghĩ cho kỹ, tưởng cũng có phần bổ-ích cho sự học vậy.

Quân-tử. — Mạnh-tử cũng theo như Khổng-tử lấy người quân-tử mà đại-biêu bậc người hoàn-toàn trong nhân-loại. Có khi ông dùng chữ đại-trượng-phu hay chữ đại-nhân để thay chữ quân-tử. Người quân-tử của Khổng-tử và người quân-tử của Mạnh-tử đều là bậc người cao minh hoǎng đại, song mỗi người có cái khí-tượng đặc-biệt là: người quân-tử

của Khổng-tử thì hồn-nhiên lúc nào cũng ôn-hòa, thuận-hậu, mà người quân-tử của Mạnh-tử thì khuê-giốc, nghĩa là cứng-cỏi, có góc, có cạnh.

Mạnh-tử cho là người quân-tử bao giờ cũng phải lấy nhân, nghĩa, lễ, trí, làm tôn-chỉ. Ông nói rằng : « Đất rộng, dân nhiều, đó là sự muốn của người quân-tử, nhưng chưa phải là cái vui của người quân-tử. Đứng đầu trong thiên-hạ, định được sự hòa-bình cho dân bốn bề, đó là cái vui của người quân-tử, nhưng chưa phải là cái mà người quân-tử cho là bản tính của mình. Cái mà người quân-tử cho là bản tính của mình, thì tuy làm việc to lớn cũng không thêm lên được, mà tuy phải khổ sở cũng không bớt đi được, là vì cái đó Trời đã định phận rồi. Cái mà người quân-tử cho là bản tính của mình là : nhân, nghĩa, lễ, trí, căn-bản ở trong tâm người ta. Những cái ấy sinh-sản ra, thì trông thấy rõ ở mặt, thấy sáng ở lưng, thấy hiện ra ở chân tay. Chân tay không nói mà tự khắc hiệu, nghĩa là tự-nhiên hiển-hiện ra ở sự cử-chỉ hành-động. » (*Tận-tâm, thượng*). Người quân-tử lúc nào cũng cứ ngay thẳng mà làm điều lành điều phải, chứ không vì tư tâm tư lợi mà hại đạo lý. « *Cư thiên-hạ chi quảng cư, lập thiên-hạ chi chính vị, hành thiên-hạ chi đại đạo. Đắc chí, dữ dân do chí ;*

bất đắc chí, độc hành kỳ đạo; phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thứ chi vị đại-trượng-phu 居天下之廣居, 立天下之正位, 行天下之大道. 得志, 與民由之; 不得志, 獨行其道; 富貴不能淫, 貧賤不能移, 威武不能屈, 此之謂大丈夫: Ở cái chỗ ở rộng trong thiên-hạ, đứng giữa cái ngôi chính trong thiên-hạ, đi con đường lớn trong thiên-hạ. Đắc chí thì cùng với dân mà theo đạo, không đắc chí thì một mình mình theo đạo; giàu sang không thể làm cho dăng được cái lòng của mình, nghèo hèn không thể làm cho đổi được cái chí của mình, uy-quyền vũ-lực không thể làm cho khuất được cái khí của mình, ấy thế mới gọi là đại-trượng-phu.» (Đặng Văn-công, hạ). Chỗ ở rộng trong thiên-hạ là nhân, ngôi chính trong thiên-hạ là lễ, đường lớn trong thiên-hạ là nghĩa.

Người quân-tử bao giờ cũng « Ngưỡng bất quý ư thiên, phủ bất tạc ư nhân 仰不愧於天, 俯不怍於人: Ngẩng lên không xấu với Trời, cúi xuống không thẹn với người.» (Tận-tâm, thượng). « Cùng bất thất nghĩa, đạt bất li đạo 窮不失義, 達不離道: Cùng-khò không mất nghĩa, hiển-đạt không lia đạo,» Khi đắc chí ra đương việc nước, thì đem cái ơn rải khắp muôn dân; không gặp thời, không làm được gì, thì sửa mình cho

rõ ra ở đời. « Cùng tắc độc thiên kỳ thân, đạt tắc kiêm thiên hạ 窮則獨善其身, 達則兼善天下 : Cùng-khò thì một mình mình làm hay cho mình, hiên-đạt thì làm hay cho cả thiên-hạ » (Tận-tâm, thượng).

Người quân-tử phải biết phân-biệt thực giả để hành-động cho hợp đạo trung. « Phi lễ chi lễ, phi nghĩa chi nghĩa, đại nhân phát vi 非禮之禮, 非義之義, 大人弗爲 : Lễ không phải là lễ, nghĩa không phải là nghĩa, bậc đại nhân không làm. » (Ly-Lâu, hạ). Đạo làm người qui nhất là nhân với nghĩa, dẫu đến bậc vua có quyền thế mà không có nhân nghĩa cũng là khinh, cho nên người quân-tử không thấy người sang giàu mà muốn, không thấy mình nghèo hèn mà sợ. « Bỉ dĩ kỳ phú, ngã dĩ ngô nhân, bỉ dĩ kỳ tước, ngã dĩ ngô nghĩa, ngô hà khiêm hồ tai ! 彼以其富, 我以吾仁, 彼以其爵, 我以吾義, 吾何慊乎哉 ! : Kẻ kia cậy ở cái giàu của nó, ta đây cậy ở cái nhân của ta, kẻ kia cậy ở cái tước của nó, ta đây cậy ở cái nghĩa của ta, ta cứ điều gì bất-mãn vậy thay ! » (Công-tôn Sửu, hạ). Người quân-tử tôn qui cái đạo, chứ không chuộng cái thế-lực. « Lạc kỳ đạo nhi vong nhân chi thế 樂其道而忘人之勢 : Vui về cái đạo của mình mà quên cái thế-lực của người ta. » (Tận-tâm, thượng).

Người ta phải biết thế nào là nhân, thế nào là nghĩa. « Nhân giai hữu sở bất-nhẫn, đạt chí ư kỳ sở nhẫn, nhân giả; nhân giai hữu sở bất vi, đạt chí ư kỳ sở vi, nghĩa giả
 人皆有所不忍, 達之於其所忍, 仁也;
 人皆有所不爲, 達之於其所爲, 義也;
 Người ta ai cũng có điều bất-nhẫn, đem điều bất-nhẫn ấy mà thi ra ở những điều mình sở nhẫn, thế là nhân; người ta ai cũng biết có điều không nên làm, đem điều ấy mà thi ra ở những điều mình làm, thế là nghĩa. » (Tận-tâm, hạ). Hễ biết rõ nhân, rõ nghĩa, thì cứ tùy thời, tùy cảnh-ngộ, mà hành-động cho hợp đạo, chứ không phải là cò nhân làm thế nào cứ làm như thế mới được: « Quân-tử diệc nhân nhi dĩ hỹ, hà tất đồng 君子亦仁而已矣, 何必同: Người quân-tử chỉ có theo đạo nhân mà thôi, hà tất phải giống nhau? » (Cáo-tử, hạ).

Cái đức của người quân-tử to lớn mênh-mông, cho nên: « Quân-tử sở quá giả hóa, sở tồn giả thần, thượng hạ dĩ thiên địa đồng lưu 君子所過者化, 所存者神, 上下與天地同流: Quân-tử đi đâu là hóa được người ta, làm điều gì là thần-diệu, trên dưới cùng đồng lưu với trời đất. » (Tận-tâm, thượng). Người quân-tử phải có lòng tin ở đạo, để làm chuẩn-đích cho sự hành-vi của mình. « Quân-tử bất lượng, ô hồ chấp? 君子不亮, 惡乎

孰? : Người quân-tử không có lòng tin, thì giữ cái gì làm cốt? » (Cáo-tử, hạ). Người quân-tử đã có lòng tin ở đạo, thì dầu chết cũng không bỏ. « Sinh diệc ngã sở dục giả, nghĩa diệc ngã sở dục giả. Nhị giả bất khả đắc kiêm, xả sinh nhi thủ nghĩa giả giả 生亦我所欲也, 義亦我所欲也. 二者不可得兼, 舍生而取義者也 : Cái sống ta cũng muốn, điều nghĩa ta cũng muốn. Giá ta không thể giữ được cả hai, thì ta bỏ cái sống mà giữ lấy điều nghĩa vậy. » (Cáo-tử, thượng). Người quân-tử cứ hết lòng theo đạo mà ở đời, được thế nào đã có Trời. « Quân-tử hành pháp dĩ sĩ mệnh nhi dĩ hỹ 君子行法以俟命而已矣 : Quân-tử theo phép của trời đất mà làm, đề đợi mệnh mà thôi. » (Tận-tâm, hạ).

Đại để, sự học của Mạnh-tử chủ giữ lấy cái bản tâm cho tinh thuần, không để cái tư dục làm mai-một mất cái tinh chí thiện của Trời đã phú cho. Kẻ học-giả theo được cái tôn-chỉ ấy ắt là thành người quân-tử có cái đức lớn, hiểu rõ thiên-lý chí công chí chính, và cứ an ở cái mệnh mà làm việc nghĩa. Cái mục-đích của sự học ấy, cốt gây thành cái tâm-học rất sâu xa và có cái đức-tính rất mạnh-mẽ, khiến người ta ở vào địa-vị nào, hay cảnh-ngộ nào, cũng giữ được cái phẩm-giá tôn-quí, không phụ cái tiếng làm người đứng trong trời đất vậy.

II. — CHINH-TRỊ TRIẾT-LÝ

Manh-tử đã lấy nhân nghĩa làm bản tính người ta, thì sự chính-trị tất cũng phải lấy nhân nghĩa làm gốc. Cho nên khi ông sang nước Lương, vua Huệ-vương hỏi ông rằng: « Ông có điều gì làm lợi cho nước Lương không? » Ông gạt đi mà nói rằng: « *Vương hà tất viết lợi. Diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hỹ* 王何必曰利. 亦有仁義而已矣: Vua hà tất phải nói lợi. Chỉ có nhân nghĩa mà thôi. Nếu ông vua nói rằng: làm thế nào cho lợi nước ta, quan đại-phu nói rằng: làm thế nào cho lợi nhà ta, kẻ sĩ và kẻ thứ-dân nói rằng: làm thế nào cho lợi thân ta; kẻ trên người dưới ai nấy đều tranh nhau về việc lợi, thì nguy vậy. » (*Lương Huệ - vương, thượng*). Lại một khi ông gặp người Tống-Hình toan đi sang nước Tần, nước Sở, lấy điều lợi mà can hai nước ấy đừng đánh nhau nữa. Ông nói rằng: « Nếu tiên-sinh lấy điều lợi mà nói với vua nước Tần, nước Sở, thì vua hai nước ấy ắt là vì lợi mà thôi sự đánh nhau; nhưng nếu ai cũng chỉ thích vì lợi, thành ra người làm tôi lấy bụng mong lợi mà thờ vua, người làm con lấy bụng mong lợi mà thờ cha, người làm em

lấy bụng mong lợi mà thờ anh. Vua tôi, cha con, anh em, đều bỏ cả nhân nghĩa, chỉ đem cái bụng mong lợi mà tiếp đãi nhau, như thế mà nước không mất là chưa có vậy. Lấy nhân nghĩa mà nói, thì người làm tôi đem lòng nhân nghĩa mà thờ vua, người làm con đem lòng nhân nghĩa mà thờ cha, người làm em đem lòng nhân nghĩa mà thờ anh. Vua tôi, cha con, anh em, đều bỏ lợi, chỉ đem lòng nhân nghĩa mà tiếp đãi nhau, như thế mà không trị được thiên-hạ, là chưa có vậy. Vậy thì hà tất phải nói lợi. » (Cáo-tử, hạ).

Ý Mạnh-tử cho là nếu người ta ai cũng nghĩ đến điều lợi mà quên cả nhân nghĩa, thì thành ra người ở đời cứ say đắm vào chỗ lợi lộc riêng của mình, rồi chỉ tìm cách mà phá hại lẫn nhau. Bởi đó mà sinh ra có sự biến-loạn và sự chiến-tranh, làm cho thiên-hạ phải nhiều nỗi làm than. Rút cục lại, cái lợi tự-tư, tự-lợi ấy, chính là cái hại, chứ không phải là thật lợi. Nhân nghĩa tuy không nói đến lợi, nhưng kỳ thực là cái lợi rất to, vì là người ở với nhau trong xã-hội, ai cũng đem lòng lo cái lợi chung cả đoàn-thể trước cái lợi riêng của mình, thành thử trên hòa dưới thuận, thiên-hạ được hưởng cái hạnh-phúc cả. Cái lợi chung ấy, mới thật là lợi vậy.

Mạnh-tử tuy thừa nhận cái chính-thể quân-chủ, nhưng ông cho thiên-hạ là của chung

của thiên-hạ, chứ người làm vua không có quyền được lấy thiên-hạ làm của riêng của mình. Cái quyền trị dân là do Trời trao cho, tức là do lòng dân ưng thuận cho ai, thì người ấy mới được. Ông nói rõ cái ý ấy ở thiên *Vạn-Chương, thượng*. Môn-đệ ông là Vạn-Chương hỏi rằng: « Vua Nghiêu lấy thiên-hạ cho vua Thuấn, việc ấy có không? — Mạnh-tử nói rằng: Không. Thiên-tử không thể lấy thiên-hạ cho người khác được. — Vậy thì vua Thuấn có thiên-hạ là ai cho? — Rằng: Trời cho. — Trời cho, thì chăm chăm bảo rõ ra hay sao? — Rằng: Không. Trời không nói, chỉ lấy sự hành-vi với sự-nghiệp mà tỏ ra mà thôi. » Mạnh-tử lại lấy chuyện vua Nghiêu dâng vua Thuấn và vua Thuấn dâng vua Vũ cho Trời và dân thuận theo vua Thuấn và vua Vũ, đến vua Vũ dâng ông Ích cho Trời mà dân không theo ông Ích, đề làm bằng chứng ý dân là ý Trời.

Dân với Trời đã tương quan với nhau như thế, thì trong thiên-hạ dân là quý hơn. Vậy nên Mạnh-tử nói rằng: « *Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh* 民爲貴, 社稷次之, 君爲輕: Dân làm quý, xã-tắc là thứ, vua làm khinh. » (Cáo-tử, hạ). Có dân mới có nước, có nước mới có vua. Cái chức-vụ người làm vua là phải « bảo dân 保民 », nghĩa là phải giữ gìn cái hạnh-phúc của dân. Nếu người

làm vua mà không hiểu rõ cái nghĩa-vụ ấy là làm, việc trái lòng dân, tức là trái mệnh Trời. Người giữ quyền trị dân mà chỉ dùng mãnh-lực để áp-chế dân, là không có nghĩa lý gì chính đáng cả.

Bởi cái tư-tưởng ấy, cho nên trong cái chính-trị triết-lý của Mạnh-tử có cái tinh-thần *duy dân*. Phàm cái chính-trị đã có cái tinh-thần duy dân, thì việc trị dân trị nước chỉ có phép công là trọng hơn cả, dầu ai có quyền thế to thế nào cũng không ra ngoài phép công được. Phép công đã định, thì vua quan cho chí người thường dân không ai được vượt qua mà làm điều trái phép. Vì lẽ ấy cho nên Đào-Ứng là môn-đệ Mạnh-tử hỏi rằng: « Vua Thuấn làm thiên-tử, Cao-Dao làm quan sĩ, Cỗ-Tâu giết người, thì làm thế nào? » — Mạnh-tử trả lời rằng: « Cứ việc bắt Cỗ-Tâu mà thôi. » — « Vậy thì vua Thuấn không cấm ạ? » — « Vua Thuấn cấm sao được. Phép truyền thụ đời nọ qua đời kia là phép công vậy. » (*Tận-tâm, thượng*). Đã có phép công, thì thiên-tử cũng không thể lấy quyền thế mà bỏ được. Người làm quan giữ phép cứ theo phép mà trị tội, dầu người có tội là ông Thái-thượng-hoàng cũng không tha. Ấy thế mới là công. Theo cái lý-tưởng ấy thì rõ là Mạnh-tử phát-minh ra chủ-nghĩa bình-đẳng trong luật pháp.

Mạnh-tử rất chú trọng sự « bảo dân » cho nên ông bày tỏ ra nhiều ý-kiến rất có giá-trị về đường chính-trị. Ông cho là người làm vua lúc nào cũng lo đến cái hạnh-phúc của dân : cùng với dân mà hưởng sự phú-qui, cùng với dân mà chịu sự lo-sợ, thì không bao giờ dân bỏ mình được. « Lạc dân chi lạc giả, dân diệc lạc kỳ lạc ; ưu dân chi ưu giả, dân diệc ưu kỳ ưu. Lạc dĩ thiên-hạ, ưu dĩ thiên-hạ, nhiên nhi bất vương giả, vị chi hữu giả 樂民之樂者, 民亦樂其樂 ; 憂民之憂者, 民亦憂其憂. 樂以天下, 憂以天下, 然而不王者, 未之有也. Người vui cái vui của dân, thì dân cũng vui cái vui của mình ; người lo cái lo của dân, thì dân cũng lo cái lo của mình. Vì thiên-hạ mà vui, vì thiên-hạ mà lo, thế mà không làm vương thì chưa có vậy ». (Lương Huệ-vương, hạ).

Người trị dân trị nước là phải chăm lo việc dân, khiến cho dân được sung-túc, rồi phải dạy dỗ dân, để cho dân đừng làm điều bậy. « Dân chi vi đạo giả, hữu hăng sản giả, hữu hăng tâm ; vô hăng sản giả, vô hăng tâm. Cầu vô hăng tâm, phóng, tịch, tà, xỉ, vô bất vi giả. Cập hãm hồ tội, nhiên hậu tòng nhi hình chi, thị vông dân giả 民之爲道也. 有恆產者, 有恆心 ; 無恆產者, 無恆心. 苟無恆心, 放, 僻, 邪, 侈, 無不爲也. 及陷乎罪, 然後從而刑之, 是罔民也. Cái lỗi của dân,

là người có của sẵn, thì có sẵn lòng tốt ; người không có của sẵn, thì không có sẵn lòng tốt. Nếu không có sẵn lòng tốt, thì sinh ra phóng-dăng, chênh-lệch, gian-tà, càn-rỡ, không có điều gì là không làm. Đến khi phạm tội, nhiên hậu mới lấy hình-luật mà trừng-trị, thế là chằng lưới để đánh lừa dân ». (*Đặng Văn-công, thượng*). Bởi vậy cho nên : « Đấng minh quân chế định cái tài-sản của dân, ắt là khiến cho ngừng lên đủ thờ cha mẹ, cúi xuống đủ nuôi vợ con, năm được mùa thì được no luôn, năm mất mùa không đến nỗi chết. Được như thế rồi mới bắt dân làm điều lành, thì dân theo làm điều lành dễ lắm ». (*Lương Huệ-vương, thượng*).

Việc giao-hóa là cái chức-vụ rất trọng-yếu trong việc chính-trị của Nho-giáo. Vua Nghiêu nói rằng : « *Lao chi, lai chi, khuông chi, trực chi, phụ chi, dực chi, sử tự đắc chi, hựu tòng nhi chấn đức chi* 勞之, 來之, 匡之, 直之, 輔之, 翼之, 使自得之, 又從而振德之 : An-ủy dân, võ-về dân, sửa cho ngay chính cái lòng tin-ngưỡng của dân, nắn cho thẳng cái đức-tính của dân, giúp đỡ dân, che chở dân, khiến dân tự mình biết vui về đạo, lại theo mà làm cho chấn-khởi cái đức của dân ». (*Đặng Văn-công, thượng*). Bởi vậy cho nên để vương đời trước đặt nhà tường, nhà tự, nhà học, nhà hiệu, để dạy dân biết rõ nhân

luân, khiến cho người ta biết thân yêu nhau và hiểu rõ hiếu đễ, kẻ đầu hoa dâm không phải mang đội ở dọc đường, kẻ già cả có áo lụa mặc, có thịt ăn, người dân không đói không rét. (*Lương Huệ-vương, thượng*).

Cái chính-trị của Nho-giáo chủ lấy sự bảo dân làm cốt. Ông vua nào không theo tôn-chỉ ấy, mà chỉ cần lấy sự vui thú riêng của mình, để dân phải chịu những điều cực khổ, là ông vua bất nhân. Có khi ở trong nhà vua nuôi những súc vật cho ăn béo tốt, mà dân ở ngoài thì đói khổ, không ai thương đến. « Cầu trê thực nhân thực, nhi bất tri kiểm, đồ hữu ngã biểu, nhi bất tri phát. Nhân tử tắc viết: phi ngã già, tuế già. Thị hà dị ư thích nhân nhi sát chi, viết: phi ngã già, binh già 狗彘食人食, 而不知檢, 塗有餓莩, 而不知發, 人死則曰: 非我也, 歲也. 是何異於刺人而殺之, 曰: 非我也, 兵也: Chó lợn ăn cái ăn của dân mà không xét, dọc đường có những thây người chết đói, mà không phát của trong kho ra cứu. Có người chết thì nói rằng: không phải tại ta, tại năm mất mùa đấy. Thế thì có khác gì cầm giao dâm người ta chết rồi nói rằng: có phải ta giết đâu, con giao đấy ». Người làm vua là làm cha mẹ dân, tất phải thương dân: « Bào hữu phi nhục, cứu hữu phi mã; dân hữu cơ sắc, dã hữu ngã biểu.

Thử suất thú nhi thực nhân giã. Thú tương thực, thả nhân ở chi. Vi dân phụ mẫu, hành chính, bất miễn ư suất thú nhi thực nhân, ô tại kỳ vi dân phụ mẫu giã 庖有肥肉, 既有肥馬; 民有饑色, 野有餓莩. 此率獸而食人也. 獸相食, 且人惡之. 爲民父母, 行政, 不免於率獸而食人, 惡在其爲民父母也: Bép có thịt béo, chuồng ngựa có ngựa béo; dân có sắc đói, ngoài đồng có thấy người chết đói. Thế là đem thú vật ăn thịt người vậy. Thú vật ăn thịt lẫn nhau, thì người ta ghét. Làm cha mẹ dân, làm việc chính-trị, mà không khỏi cái việc đem thú vật ăn thịt người, thế thì làm cha mẹ dân đâu có thể ». (Lương Huệ-vương, thượng). Vậy người làm vua mà tàn-ngược như vua Kiệt, vua Trụ, thì người có nhân, có đức, như vua Thang, vua Vũ, được quyền trừ bỏ đi. Người nhân-đức trừ được kẻ tàn-bạo mà cứu dân, thì không phải là người có tội giết vua. Bởi vậy Mạnh-tử nói rằng: « Tặc nhân giã, vị chi tặc, tặc nghĩa giã, vị chi tàn. Tàn tặc chi nhân vị chi nhất phu. Văn tru nhất phu Trụ hỹ, vị văn thi quân giã 賊仁者謂之賊, 賊義者謂之殘. 殘賊之人, 謂之一夫. 聞誅一夫紂矣, 未聞弑君也: Người làm hại nhân, gọi là tặc, người làm hại nghĩa, gọi là tàn. Người tàn tặc, gọi là một đũa không ra gì. Ta

nghe nói : giết một đũa Trụ, chưa nghe nói : giết vua vậy ». (*Lương Huệ-vương, hạ*).

Manh-tử theo cái lý-thuyết ấy mà định rõ nghĩa thế nào là vương, thế nào là bá. Ông nói rằng : « *Dĩ lực giả nhân giả bá ; bá tất hữu đại quốc. Dĩ đức hành nhân giả vương ; vương bất đãi đại* 以力假仁者霸 ; 霸必有大國. 以德行仁者王 ; 王不待大 : Người dùng sức mạnh mà mượn tiếng làm điều nhân, là bá ; người làm bá tất phải có nước lớn. Người lấy đức mà làm điều nhân, là vương ; người làm vương không đợi có nước lớn ». Người làm bá cần phải có sức mạnh luôn đề đề nên người ta, cho nên phải có nước lớn ; người làm vương thì chỉ cần người ta kính-phục, chứ không cần đến sức mạnh, cho nên không cần có nước lớn. « *Dĩ lực phục nhân giả, phi tâm phục giả, lực bất thiêm giả. Dĩ đức phục nhân giả, tâm trung duyệt nhi thành phục giả* 以力服人者, 非心服也, 力不贍也. 以德服人者, 心中悅而誠服也 : Người lấy sức mạnh mà bắt người ta phục, là không phải người ta tâm phục, chỉ vì sức không đủ mà thôi. Người lấy đức mà làm cho người ta phục, thì trong lòng người ta yêu mến, mà thành-thực vậy ». (*Công-tôn Sửu, thượng*).

Người làm vua muốn cho dân kính phục, thì phải biết : « *Qui đức nhi tôn sĩ, hiền giả tại vị, năng giả tại chức, quốc gia nhân hạ, cấp*

thị thời, minh kỳ chính hình 貴德而尊王, 賢者在位, 能者在職, 國家閑暇, 及是時, 明其政刑: Qui kẻ có đức mà tôn người có học-thức, kẻ hiền ở ngôi, kẻ giỏi ở chức, nước nhà nhàn hạ, trong lúc ấy lo sửa-sang việc hình, việc chính, cho phân-minh... Kim Quốc-gia nhàn hạ, cập thị thời, ban lạc đãi ngạo, thị tự cầu họa giả. Họa phúc vô bất tự kỳ, cầu chi giả 今國家閑暇, 及是時, 般樂怠教, 是自求禍也. 禍福無不自己求之者: Nay quốc gia nhàn hạ, trong lúc ấy mà vui chơi lười biếng, thì là mình tự cầu lấy cái vạ vầy. Cái vạ hay cái phúc không có cái gì là chẳng phải tự mình cầu lấy ». (Công-tôn Sửu, thượng).

Người muốn làm vương cả thiên-hạ, thì phải: «Phát chính, thi nhân, sử thiên-hạ sĩ giả giai dục lập ư vương chi triều; canh giả giai dục canh ư vương chi dã; thương cõ giai dục tàng ư vương chi thị; hành lữ giai dục xuất ư vương chi đồ 發政, 施仁, 使天下任者, 皆欲立於王之朝; 耕者皆欲耕於王之野; 商賈皆欲藏於王之市; 行旅皆欲出於王之塗: Phát cái chính-trị ra, thi-hành những điều nhân, khiến kẻ ra làm quan ở trong thiên-hạ, ai cũng muốn đứng ở triều nhà vua; kẻ cấy ruộng ai cũng muốn cấy ở đất nhà vua; kẻ buôn bán ai cũng muốn đến ở

chợ nhà vua; người đi đường ai cũng muốn đi ở đường nhà vua ». Được như thế, ai chống lại được mình nữa. (Lương Huệ-vương, thượng).

Mạnh-tử thường lấy vua Nghiêu vua Thuấn là hai bậc thánh-nhân đời trước, làm tiêu-biểu cho những người có trách-nhiệm trị dân trị nước. Ông nói rằng: « Dục vi quân, tận quân đạo, dục vi thần, tận thần đạo, nhị giả giai pháp Nghiêu Thuấn nhi dĩ hỹ. Bất dĩ Thuấn chi sở dĩ sự Nghiêu, sự quân, bất kính kỳ quân giả giả. Bất dĩ Nghiêu chi trị dân, trị dân, tắc kỳ dân giả giả 欲爲君, 盡君道, 欲爲臣, 盡臣道, 二者皆法堯舜而已矣. 不以舜之所以事堯, 事君, 不敬其君者也. 不以堯之所以治民, 治民, 賊其民者也: Muốn làm vua, phải hết đạo vua, muốn làm tôi, phải hết đạo tôi, hai điều ấy chỉ bắt-chước vua Nghiêu vua Thuấn mà thôi. Không theo cái cách vua Thuấn thờ vua Nghiêu mà thờ vua, là không kính vua vậy. Không theo cái cách trị dân của vua Nghiêu mà trị dân, là hại dân vậy ». (Ly-Lâu, thượng).

Việc chính-trị chỉ có nhân và bất nhân mà thôi. Nhân là Nghiêu Thuấn, bất nhân là Kiệt Trụ. Dùng nhân mà trị thiên-hạ, là phải đạo, dùng bất-nhân mà trị thiên-hạ, là trái đạo. « Thiên-hạ hữu đạo, tiêu đức dịch đại đức, tiêu hiền dịch đại hiền. Thiên-hạ vô đạo, tiêu dịch

đại, nhược dịch cường. Tự nhị giả thiên giả :
 thuận thiên giả tồn, nghịch thiên giả vong
 天下有道, 小德役大德, 小賢役大賢. 天
 下無道, 小役大, 弱役疆. 斯二者天也:
 順天者存, 逆天者亡 : Thiên-hạ có đạo, thì
 người có đức nhỏ làm tôi tớ người có đức
 lớn, người hiền nhỏ làm tôi tớ người hiền
 lớn. Thiên-hạ không có đạo, thì kẻ nhỏ làm
 tôi tớ kẻ lớn, kẻ yếu làm tôi tớ kẻ mạnh.
 Hai điều ấy cũng tự-nhiên ở Trời cả: thuận
 đạo Trời là còn, trái đạo Trời là mất ». Nước
 không có đạo thì « thượng vô lễ, hạ vô học, tặc
 dân hưng, tâng vô nhật hỹ 上無禮, 下無學,
 賊民興, 喪無日矣 : người trên không có lễ,
 người dưới không có học, giặc-giã nổi lên,
 chẳng bao lâu mà mất vậy ». (Ly-Lâu, thượng).
 Trong nước mà « bất tín nhân hiền, tặc quốc
 hư không ; vô lễ nghĩa, tặc thượng hạ loạn ;
 vô chính-sự, tặc tài dụng bất túc 不信人賢,
 則國虛空 ; 無禮義, 則上下亂 ; 無政事,
 則財用不足 : không tin người hiền, thì
 nước trống không ; không có lễ nghĩa, thì
 trên dưới loạn cả ; không có chính-sự, tài
 của dùng không đủ. » (Tận-tâm, hạ). Vậy làm
 vua là phải có người hiền người giỏi giúp
 rập, có lễ nghĩa để giữ trật-tự, chính-sự tốt
 để kinh-doanh việc tài-sản, thì nước mới có
 thể thịnh-trị được.

Trong cái chính-thể quân-chủ, tuy có vua có tôi, nhưng vua phải lấy lễ mà đãi bầy tôi; bầy tôi phải lấy trung mà thờ vua. Trên dưới đều có định phân rõ-ràng. Nếu vua mà vô lễ, khinh bỉ kẻ bầy tôi, thì còn có gì là cái nghĩa vua tôi nữa. Bởi thế Mạnh-tử bảo vua Tề Tuyên-vương rằng: *Quân chi thị thần như thủ túc, tặc thần thị quân như phúc tâm. Quân chi thị thần như khuyển mã, tặc thần thị quân như quốc nhân. Quân chi thị thần như thỏ giới, tặc thần thị quân như khẩu thù* 君之視臣如手足, 則臣視君如腹心. 君之視臣如犬馬, 則臣視君如國人. 君之視臣如土芥, 則臣視君如寇讐: Vua xem bầy tôi như tay chân, thì bầy tôi xem vua như bụng như lòng. Vua xem bầy tôi như chó như ngựa, thì bầy tôi xem vua như người lạ trong nước. Vua xem bầy tôi như đất như cỏ, thì bầy tôi xem vua như giặc như thù ». (Ly-Lâu, hạ). Xem thế thì nghĩa chữ trung của người làm tôi có cái giới-hạn rõ-ràng, chứ không phải gặp thế nào cũng trung được.

Kẻ làm tôi giúp vua phải hết sức khiến vua theo cái đạo nhân nghĩa mà trị nước trị dân. « Quân-tử chi sự quân giã, vụ dẫn kỳ quân dĩ đương đạo, chi u nhân nhi dĩ 君子之事君也, 務引其君以當道, 志於仁而已: Người quân-tử thờ vua, là vụ lấy dân ông vua

theo đạo phải mà đi, cái chi là ở điều nhân mà thối ». (Cáo-tử, hạ).

Thời Chiến - quốc bấy giờ, vua chúa các nước đều để chí vào sự doanh tư, mưu lợi, không ai nghĩ gì đến sự cứu dân, ai cũng chỉ lo việc tranh quyền cướp nước, gây ra nhiều sự chiến-tranh, làm cho thiên-hạ thật là khổ sở. Bởi vậy Mạnh-tử hết sức công-kích sự chiến-tranh và những người vị danh, vị lợi, mà làm hại dân. Đối với những hạng người ấy, ông nói lắm câu rất kịch-liệt.

Ông nói rằng : « Cồ chi vị quan giã, tương dĩ ngự bạo ; kim chi vị quan giã, tương dĩ vi bạo 古之爲關也, 將以禦暴 ; 今之爲關也, 將以爲暴 : Đời xưa làm cửa ải để ngăn chông sự tàn-bạo ; đời nay làm cửa ải để làm điều tàn-bạo. (Tân-tâm, hạ). Nghĩa là đời xưa vua chúa lo giữ cho dân khỏi sự tàn-bạo, đời nay lo giữ cho vững cái thế-lực của mình mà làm điều tàn-bạo.

« Kim chi sự quân giã, viết : ngã năng vị quân tịch thổ địa, sung phủ khố. Kim chi sở vị lương thần, cồ chi sở vị dân tặc giã. Quân bất hướng đạo, bất chí ư nhân, nhi cầu phú chi, thị phú Kiệt giã 今之事君者, 曰: 我能爲君辟土地, 充府庫. 今之所謂良臣, 古之所謂民賊也. 君不嚮道, 不志於仁, 而求富之, 是富桀也 : Nay người thờ vua nói rằng : Ta có thể vì vua mà mở rộng ruộng

đất, làm đầy kho tàng. Người mà đời nay bảo là lương thần, đời xưa cho là dân tặc. Ông vua không theo đạo phải, không đề chí làm điều nhân, mà lại theo giúp làm giàu cho ông vua ấy, tức là làm giàu cho vua Kiệt vậy.» (Cáo-tử, hạ).

Công - kích sự chiến - tranh, thì ông nói : « Hữu nhân viết : ngã thiên vi trận, ngã thiên vi chiến, đại tội giã 有人曰：我善爲陳，我善爲戰，大罪也： Có người nói : ta giỏi bày trận, ta giỏi đánh giặc. Như thế là tội lớn vậy. » (Tận-tâm, hạ). Ông lại nói : « Quân bất hành nhân chính, nhi phú chi, giai khí ư Khổng-tử giả giã. Huống ư vi chi cường chiến. Tranh địa dĩ chiến, sát nhân doanh dã ; tranh thành dĩ chiến, sát nhân doanh thành, thử sở vi suất thổ địa nhi thực nhân nhục, tội bất dung ư tử. Cổ thiên chiến giả, phục thương hình ; liên Chư-hầu giả, thứ chi ; tịch thảo lai, nhiệm thổ địa giả, thứ chi 君不行仁政，而富之，皆棄於孔子者也。況於爲之強戰，爭地以戰，殺人盈野；爭城以戰，殺人盈城；此所謂率土地而食人肉，罪不容於死。故善戰者，服上刑；連諸侯者，次之；辟草萊，任土地者，次之： Ông vua không làm nhân-chính, mà theo làm giàu cho ông vua ấy, là Khổng-tử cho là không phải vậy. Huống chi lại vì ông vua ấy mà làm những điều cường chiến. Đánh nhau để lấy đất, giết người đầy

đồng ; đánh nhau để lấy thành, giết người đầy thành ; như thế gọi là đem đất ăn thịt người, tội ấy đem xử tử còn chưa hết tội. Cho nên kẻ thiện chiến thì nên chịu thương binh, kẻ liên-hợp Chư-hầu để đánh nhau, thì nên chịu tội thứ, kẻ bắt dân đi mở chỗ rừng rậm để làm ruộng đất cho vua, thì nên chịu tội thứ nữa. » (Ly-Lâu, thượng).

Nói rút lại, cái học-thuyết của Mạnh-tử về đường chính-trị là cốt lấy sự hòa-bình mà bảo-tồn lấy dân. Đó là do sự cảm-xúc cái hoạn-cảnh đương thời, dân tình khổ-sở vì nỗi vua chúa tranh quyền tranh lợi, thiên-hạ loạn-lạc, cho nên ông muốn đem cái đạo lớn của thánh hiền mà khuyên răn mọi người, khiến cho ai nấy đều hồi-tỉnh lại, lấy nhân nghĩa mà đối với quốc-gia để cứu vớt muôn dân. Cái chính-sách của ông là cái chính sách cứu đời vậy.

III. — TÀI NGHỆ CỦA MẠNH-TỬ

'Bài-xích các học-thuyết khác. — Trong thời Mạnh-tử, các học-thuyết thịnh-hành lên, có nhiều học-thuyết xung-đột nhau kịch-liệt lắm, mà nhất là cái học của họ Dương và họ Mặc lại có thế-lực rất mạnh. « Dương-tử thủ vị-ngã,

bạt nhất mao nhi lợi thiên-hạ, bất vi giã. Mặc-tử kiêm-ái, mà đĩnh phóng chung, lợi thiên-hạ, vi chi. 楊子取爲我, 拔一毛而利天下, 不爲也. 墨子兼愛, 摩頂放踵, 利天下, 爲之. Dương-tử thì lấy vi-ngã làm chủ-nghĩa, nhờ một cái lông mà lợi cả thiên-hạ, cũng không làm. Mặc-tử thì lấy kiêm-ái làm chủ-nghĩa, dầu nhẫn trán mòn gót mà lợi thiên-hạ, cũng làm ». (Tân-tâm, thượng).

Manh-tử cực lực bài-xích những học-thuyết ấy, đề làm cho sáng rõ cái đạo của Khổng-tử. Có người bảo ông rằng: Ông hay biện-bác lắm. Ông trả lời rằng: « Dư khởi hiểu biện tại! Dư bất đắc dĩ giã 予豈好辯哉! 予不得已也: Há phải ta muốn biện-bác đâu! Ta bất đắc dĩ đó thôi... Thánh vương không có, Chư-hầu phóng-tử, những kẻ xử-sĩ bán ngang. Cái học của Dương Chu 楊朱 và Mặc Địch 墨翟 đầy khắp thiên-hạ. Người trong thiên-hạ không học theo họ Dương, thì học theo họ Mặc. Họ Dương theo chủ-nghĩa vi-ngã, ấy là không có vua; họ Mặc theo chủ-nghĩa kiêm-ái, ấy là không có cha (1).

(1) Dương Chu theo cái học-thuyết của Lão-tử, chỉ biết yêu thân mình mà không biết cái ý-nghĩa tri thân 致身, tức là bỏ mình mà thờ vua, cho nên là không có vua. Mặc Địch theo cái chủ-nghĩa kiêm-ái, coi người chí-thân chang khác gì người đi đường, cho nên là không có cha.

Không có cha, không có vua, là cầm thú vậy Nếu cái đạo của họ Dương, họ Mặc không tắt đi, cái đạo của Khổng tử không sáng rõ ra, thì những tà thuyết sinh ra để lừa dối dân, làm tắt mất nhân nghĩa. Nhân nghĩa đã tắt mất thế là đem giống thú ra để ăn thịt người, rồi đến người ăn thịt lẫn nhau. Ta lấy điều ấy làm sợ, giữ cái đạo của tiên thánh, chống lại họ Dương họ Mặc, đuổi xa những dâm từ tà thuyết, khiến cho không khởi lên được. Vì rằng những dâm từ tà thuyết, đã khởi phát ra ở lòng người, thì hại cho việc làm, mà đã khởi phát ra ở việc làm, thì hại cho chính-thể Ta muốn sửa lòng người cho ngay chính, làm tắt những tà thuyết, ngăn cấm những việc làm chệch-lệch, đuổi xa những lời nói bậy, để theo cái đạo của thánh-nhân. Há phải là ta muốn biện-bác đâu ! Ta bắt đặc dĩ đó thôi. » (*Đặng Văn-công, hạ*).

Thuở ấy lại có Hứa Hành ở nước Sở xướng lên cái thuyết nông-phổ, lấy sự cấy cấy làm chủ-nghĩa. Theo cái học ấy thì trong nước, bất cứ vua chúa, hay người thường dân, ai cũng phải cấy lấy ruộng, nấu lấy cơm mà ăn. Hứa Hành tự nước Sở đến nước Đàng, nói với Đặng Văn-công rằng : « *Hiền giả dĩ dân tịnh canh nhi thực, ứng tôn nhi trị. Kim giả Đàng hữu thương lâm phủ khố, tắc thị lê dân nhi tự dưỡng giả* 賢者與民並耕而食, 羸

殮而治. 今也滕有倉廩府庫, 則是厲民而自養也: Kẻ hiền-giả cùng cấy ruộng với dân, buổi sáng buổi tối nấu lấy mà ăn, mà trị việc thiên-hạ. Nay nước Đằng có kho tàng đựng đầy thóc gạo và của cải, thế là làm hại dân để nuôi mình vậy ».

Lúc ấy có Trần Tương theo học cái đạo của Hứa Hành và đem đạo ấy nói với Mạnh-tử. Mạnh-tử lấy cái đẳng-cấp cần phải có ở trong xã-hội mà bài-bác cái học ấy. Ông nói rằng: « Có việc của bậc đại nhân, có việc của bậc tiểu nhân. Nếu đem cái thân một người mà làm việc trăm người, việc gì cũng phải làm lấy mà dùng, thế ra bắt thiên-hạ cứ chạy luôn ở ngoài đường. Cho nên nói rằng: *Hoặc lao tâm, hoặc lao lực. Lao tâm giả trị nhân, lao lực giả trị ư nhân. Trị ư nhân giả tự nhân, trị nhân giả tự ư nhân. Thiên-hạ chi thông nghĩa giả* 或勞心, 或勞力. 勞心者治人, 勞力者治於人. 治於人者食人, 治人者食於人. 天下之通義也: *Hoặc lao tâm, hoặc lao lực. Người lao tâm thì trị người, người lao lực thì để người ta trị mình. Kẻ để người ta trị mình thì phải nuôi người ta, kẻ trị người thì được người ta nuôi mình. Cái thông nghĩa của thiên-hạ là thế vậy ».*

Trần Tương nói rằng: « Cứ theo cái đạo của Hứa-tử, thì chợ không có hai giá, trong nước không có sự giả dối. Dẫu sai đưa trẻ

con đi ra chợ, cũng không bị ai lừa đảo. Tấm lụa tấm vải dài ngắn bằng nhau, thì cùng bán một giá; gai, sợi, tơ, bông, nặng nhẹ bằng nhau, thì cùng bán một giá; gạo thóc nhiều ít bằng nhau, thì cùng bán một giá; dày dẹt lớn nhỏ bằng nhau, thì cùng bán một giá».

— Mạnh-tử trả lời rằng: «*Phù vật chi bất tề, vật chi tình giã* 夫物之不齊, 物之情也:

Phàm vật mà không đều nhau, là sự thực của vật vậy. Có cái hơn gấp đôi gấp năm, có cái hơn gấp mười gấp trăm, có cái hơn gấp nghìn gấp vạn, ông đem cho như nhau cả, ấy là loạn thiên-hạ vậy. Giả sử làm dẹt lớn dẹt nhỏ mà bán đồng một giá, thì có ai còn làm dẹt lớn nữa không? Vậy theo cái đạo của Hứa-tử, thành ra bảo nhau mà làm điều giả dối. Như thế thì trị thế nào được quốc gia?»

(*Đặng Văn - công, thượng*). Theo cái thuyết của Hứa Hành, thì chỉ nói cái lượng là dài ngắn, nặng nhẹ, lớn nhỏ, để định giá bằng nhau mà thôi, chứ không nghĩ đến cái phẩm là tinh thô, xấu đẹp, khéo vụng. Mạnh-tử lấy cái phẩm của vật không thể đồng được, mà bác cái thuyết của Hứa Hành.

Cái quan-niệm cho người ở trong xã-hội có giai-cấp và vạn vật ở trong vũ-trụ có sai-đẳng là một điều rất trọng-yếu trong Nho-giáo. Có giai-cấp, có sai-đẳng, thì mới có cái đạo điều-hòa, khiến cho vạn vật các-đặc kỳ sở để cùng

nhau theo thiên-lý mà lưu-hành, mà tiên-hóa ở trong trật-tự. Thiết tưởng đó là cái sở trường của Nho-giáo vậy.

Văn-tử và học-vấn của Mạnh-tử. — Mạnh-tử là người hiểu rõ cái đạo của Khổng-tử, và lại linh-hội được hết các ý nghĩa uyên-áo trong sáu kinh. Ông rất sùng bái Khổng-tử, cho nên điều gì ông cũng thường hay lấy Khổng-tử làm tiêu-chuẩn. Ông nói rằng: « Khổng-tử thánh chi thời giả giã 孔子聖之時者也: Khổng-tử là bậc thánh về thời vậy ». Nghĩa là ngài có gồm hết cả cái đức tốt của các bậc thánh khác, và ở vào thời nào cũng ứng-dụng được. Ông lại nói rằng: Khổng-tử là bậc tập đại thành 集大成. Tập đại thành là nói gồm cả tiếng kim thanh và tiếng ngọc chấn. Kim thanh là tiếng chuông khởi đầu để điều-lý cả các tiếng hòa-nhạc, ngọc chấn là tiếng khánh cuối cùng để điều-lý cả các tiếng hòa-nhạc. Điều-lý lúc đầu là việc trí, điều-lý lúc cuối là việc thánh ». (*Van-Chương, hạ*). Ý nói là Khổng-tử có đủ cả trí và đức, gồm cả mỗi đầu và mỗi cuối cái đạo rất hoàn-toàn vậy.

* Ông muốn đem cái sở đắc của ông để tùy thời mà hành đạo. Ông thấy thuở ấy nhà Chu đã suy-nhược lắm rồi, vua các nước Chư-hâu không ai biết đến vua nhà Chu nữa, cho nên

không những là ông không nói đến sự tôn nhà Chu như Khổng-tử, mà lại khuyên vua các nước nên làm điều nhân-chính để làm vương cả thiên-hạ. Dầu ông không gặp được cơ-hội mà thi-thố cái tài năng của mình, song nhờ có những lời biện-luận mạnh-mẽ của ông mà cái đạo của thánh-nhân sáng rõ ra được. Thật ông là một người có công rất lớn trong Nho-giáo. Nhưng vì cái học của ông không được thuần-túy và hàm-súc bằng cái học của Khổng-tử, cho nên hậu-thế gọi ông là á-thánh, nghĩa là gần bậc thánh, chứ chưa được là thật bậc thánh.

Cái học của ông đã rộng, cái văn của ông lại có cái anh khí làm cho lời văn rất mạnh. Có lắm chỗ lời ông nói rất là thiết-tha chặt-chẽ. Khi ông đã bài-bác điều gì, thì ông xoắn chặt lấy điều ấy và dùng câu hỏi mà xoay mãi cho đến khi người ta phải chịu, không trả lời được nữa mới thôi. Trong những lời biện-bác của ông, bao giờ mạch lạc vẫn quán thông, nghĩa lý vẫn rõ-ràng. Khi ông nghị-luận điều gì, thì ông hay lấy những chuyện giản-dị để viện chứng cho rõ cái lý-thuyết của ông. Có lắm khi ông muốn sửa cái nét xấu của người ta, thì ông kể một chuyện nào, rồi đem ý tứ rút vào trong mấy lời kết thúc sau cùng. Như khi ông chê những kẻ tham danh lợi làm những điều đê-hạ mà không biết xấu-hỗ, thì ông lấy

chuyện một người nước Tề làm thi-dụ. Ông nói rằng: « Một người nước Tề cùng ở một nhà với hai vợ. Người ấy cứ ngày ngày đi đâu về cũng thấy no say. Người vợ cả hỏi đi ăn uống với ai, thì người ấy nói đi ăn uống rất với những người sang giàu cả. Người vợ cả bảo người vợ lẽ rằng: « Chồng ta đi đâu thì cũng ăn uống no say rồi mới về. Hỏi thì nói rằng: đi ăn uống với những người sang giàu hết cả. Thế mà ta chưa thấy ai là người sang-trọng đến nhà ta. Ta sẽ đi xem chồng ta đi những đâu ». Ngày hôm sau, sáng dậy, người vợ cả lên đi theo người chồng. Đi khắp mọi nơi, không thấy ai đứng nói chuyện với chồng mình. Sau thấy người chồng đi đến xóm phía đông, chỗ có người đang cải má, xin những đồ người ta cúng tế xong má ăn, ăn chưa đủ, lại nghênh lên trông xem có chỗ nào lại đi đến xin ăn nữa. Ấy là cái cách của người ấy làm cho được no say là thế. Người vợ cả về nói với người vợ lẽ rằng: « Người chồng là người của ta trông cậy suốt đời, nay đê-hạ như thế đấy ». Người vợ cả nói cái xấu-xa của chồng với người vợ lẽ, rồi cả hai người cùng khóc ở giữa sân. Người chồng về không biết, hơn-hở đi từ ngoài vào, lên mặt với hai vợ.

« Cứ người quân-tử xét ra, thì người cầu phú quý lợi đạt, mà thê thiếp không xấu-hổ

và không khóc với nhau, là ít có vậy ». (Ly-Lâu, hạ),

Lối lập-ngôn như thế rất dễ hiểu, mà xem không mỏi, không chán. Song lời văn của Mạnh-tử thường hay có góc có cạnh, không được ôn-nhuận như lời văn của Khổng-tử. Lời văn của Khổng-tử là lời nói của ông thầy, câu nào cũng sung-thiệm hàm-súc, thật đáng là bậc thánh-sư muôn đời. Lời văn của Mạnh-tử là lời nói của một người đi truyền đạo, có cái khí-tượng hùng-kinh và bộc-trực, rất đáng giúp thánh-nhân làm cho rõ mối đạo vậy.

Bộ sách Mạnh-tử và sách Luận-ngữ, sách Đại-học, sách Trung-dụng cùng với năm kinh của Khổng-tử là mấy bộ sách cốt-yếu của Nho-giáo. Về đường học-vấn của Nho-giáo, thì sách Mạnh-tử rất có giá-trị. Trình Y-xuyên đời nhà Tống nói rằng: « Kẻ đi học nên lấy sách Luận-ngữ và sách Mạnh-tử làm cốt. Đã biết được hai bộ sách ấy, thì không cần phải học năm kinh cũng rõ được đạo của thánh-hiền vậy ».

Phái chính-truyền của Nho-giáo là phái Tăng-tử ở nước Lỗ, truyền đến Mạnh-tử là hết. Về sau học-trò ông không có ai nối được đạo thống, thành thử cái học của Nho-giáo càng ngày càng sai lầm mãi đi. Và ngay đời

Chiến-quốc bây giờ, sau Mạnh-tử độ bốn năm
mươi năm, trong Nho-giáo đã có học-phái
thiên về cái thuyết tính ác, đối với việc thực-
hành và việc chính-trị thì chủ lấy lễ-nghi và
hình-pháp làm tôn-chỉ. Phái này là phái của
Tuân-tử, ta sẽ xét ở thiên sau vậy.

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THIÊN III

TUÂN - TỬ

Phái Tăng-tử nước Lỗ truyền đến Mạnh-tử rồi không có người nối được đạo-thống nữa. Hậu-nho cho Khổng-giáo truyền đến đó là gián-đoạn, mãi đến đời nhà Tống mới có bọn Chu Liêm-kê, Trình Minh-đạo và Trình Y-xuyên tiếp tục được cái mối học cũ. Xét ra, từ Mạnh-tử về sau cái tinh-thần của Khổng-giáo có phần kém đi nhiều. Về cuối đời Chiến-quốc, các học-phái của Nho-giáo tuy hãy còn nhiều, nhưng phái nào cũng chỉ chuyên về mặt lễ-nghĩa và chính-trị mà thôi, chứ cái học uyên-áo như lúc đầu không có nữa. Xem như sau Mạnh-tử độ bốn năm mươi năm, ở vùng nước Triệu, có Tuân-tử là một cự-tử trong Nho-giáo, thế mà cái học-thuyết đầu có nhiều điều rất tinh-vi, nhưng cái tôn-chỉ đã khác với cái tôn-chỉ của Khổng-giáo rồi.

Tuân-tử 荀子 tên là Huống 况, tự là Khanh 卿, người nước Triệu. Ông sinh năm nào và mất năm nào, sách không nói rõ, nhưng cứ theo sách Sử-ký của Tư-mã Thiên, thì khi

ông đã 50 tuổi mới sang du-học ở nước Tề. Các nhà khảo-cứu tính ra ông sinh vào quãng năm 315 và 310 trước Tây-lịch, kém Mạnh-tử độ năm sáu mươi tuổi. Đến quãng năm 265 và 260 thì ông sang nước Tề, cách mấy năm ông sang nước Tần, rồi về nước Triệu. Sau cùng vào quãng năm 255 ông sang nước Sở. Lúc ấy Xuân-thân-quân làm tướng nước Sở, dùng ông làm quan lĩnh ở đất Lan-lãng. Năm 238, Xuân-thân-quân mất, thì ông thôi quan, nhưng vẫn ở đất Lan-lãng đến quãng năm 230 trước Tây-lịch thì mất, thọ độ chừng hơn 80 tuổi.

Sách của ông để lại hiện nay có một bộ gọi là *Tuân-tử*, tất cả là 32 thiên. Cứ theo những lời bàn của các nhà khảo-cứu, thì trong 32 thiên ấy, chỉ có thiên *Thiên-luận*, *Giải-tế*, *Chính-danh* và *Tính-ác* là chính thật cái tinh-hoa của *Tuân-tử*, còn các thiên khác thì có lắm chỗ của người đời sau phụ-họa vào, hoặc sai-lạc đi nhiều.

Không rõ *Tuân-tử* thuộc về học-phái nào trong Nho-giáo. Có người nói rằng ông thuộc về phái Tử-Hạ, nhưng không có bằng chứng gì xác-thực. Và xem ở cuối thiên *Phi-thập-nhi-tử* có chỗ ông chê sự hành-động của học-phái Tử-Trương, Tử-Hạ và Tử-Du. Ông nói rằng : « Vũ hành nhi Thuấn xu, thị Tử-Trương thị chi tiện nho giã; chính kỳ y quan,

tề kỳ nhan sắc, khiêm-nhiên nhi chung nhất bất ngôn, thị Tử-Hạ thị chí tiện nho giã; thân nhu đản sự, vô liêm-sĩ nhi thị âm thực, tất viết quân-tử cố bất dụng lực, thị Tử-Du thị chí tiện-nho giã 禹行而舜趨, 是子張氏之賤儒也; 正其衣冠, 齊其顏色, 噤然而終日不言, 是子夏氏之賤儒也; 偷儒憚事, 無廉恥而耆飲食, 必曰君子固不用力, 是子游氏之賤儒也: Đi theo lối vua Vũ, tới theo lối vua Thuấn, ấy là bọn tiện-nho của họ Tử-Trương, sửa mũ áo cho ngay chính, giữ dáng điệu cho đều-dặn, din giữ cả ngày không nói điều gì, ấy là bọn tiện-nho của họ Tử-Hạ; rụt-rè, sợ việc, không có liêm-sĩ mà thích ăn uống, cứ nói là quân-tử vốn không dùng sức làm việc gì, ấy là bọn tiện-nho của họ Tử-Du ». Nếu ông là học-trò những phái ấy, thì đã không có lời phê-bình như thế. Vậy chắc là Tuân-tử không phải thuộc về phái Tử-Hạ.

Xem trong sách Tuân-tử có nhiều chỗ như ở thiên Phi-tương, thiên Phi-thập-nhi-tử và thiên Nho-hiệu, Tuân-tử đem Tử-Cung 子弓 đứng liền với Không-tử và cho là hai bậc thánh-nhân, hai bậc đại-nho. Ông nói ở thiên Phi-thập-nhi-tử rằng: « Không có chỗ đất cắm cái dùi, mà bậc vương công không thể cùng với những người ấy tranh cai danh-dự. Ở

cái ngôi một bậc đại-phu mà một ông vua không thể nuôi được, một nước không thể dung nổi. Cái danh-dự của những người ấy không ai so-sánh được, cho nên Chư-hầu ai cũng muốn được những người ấy mà dùng. Những người ấy là bậc thánh-nhân không đặc thời-thế. Ấy là Khổng-tử và Tử-Cung vậy. Lấy thiên-hạ làm một, tài bồi cho muôn vật, gây nuôi nhân-dân, gồm lợi cho thiên-hạ. Chỗ nào có người ở thì không có ai là không phục-tòng, lục thuyết im lặng, thập-nhị tử (1) đều biến đổi thành hay. Ấy là lúc những bậc thánh-nhân đặc-thế như vua Thuấn vua Vũ vậy. Nay những bậc thánh-nhân nên làm những việc gì? Trên phải theo cái chế-độ vua Thuấn vua Vũ, dưới phải theo cái nghĩa Trọng-Ni và Tử-Cung, để làm cho im cái thuyết của thập-nhị tử. Như thế thì trừ được cái hại của thiên-hạ, làm hết được cái việc của bậc nhân-nhân, và làm rõ được cái sự tích của thánh-vương ».

Xem lời Tuân-tử nói Tử-Cung mà cung-kinh như thế, thì có lẽ ông là học-trò phái

(1) Lục-thuyết là sáu cái thuyết của mười-hai nhà triết-học, mà Tuân-tử đã bác ở thiên *Phi-thập-nhị-tử*. Mười-hai nhà triết-học ấy là Đà-Hiệu và Ngụy-Mâu, Trần-Trọng và Sử-Do, Mặc-Địch và Tống-Hình, Thân-Đạo và Điền-Biên, Huệ-Thi và Đặng-Tích, Tử'-Tư và Mạnh-tử.

Tử-Cung. Nhưng Tử-Cung là ai? Sách *Hán-thư Nho-lâm-truyện* chép rằng: « Đời Chiến quốc có Hàn-Tý 駢驚 tên tự là Tử-Cung người đất Giang-đông có học Dịch ». Song ngoài sự học Dịch ra, thì không có danh tiếng gì khác nữa. Vậy nên có người nói rằng Tử-Cung tức là Trọng-Cung. Đó cũng là lời nói phỏng mà thôi, chứ không lấy gì làm đích-xác cho lắm.

Dẫu Tuân-tử thuộc về phái nào mặc lòng ông là một nhà đại-nho về cuối đời Chiến-quốc. Thừa ấy ở nước Tàu, Nho-giáo, Lão-giáo và Mặc-giáo đều thịnh-hành cả. Các học-giả xuất nhập ở ba học-thuyết ấy, nhưng mỗi người theo một tôn-chỉ, hoặc thiên về mặt kiêm-ái, hoặc thiên về mặt vị-ngã, hoặc sùng-bái thiên-nhiên, hoặc chú-trọng về mặt khoa-học hay là triết-lý, hoặc chú-trọng về mặt chính-trị và hình-pháp. Các học-thuyết phân-vân công-kích lẫn nhau, thật là một thời-đại học-thuật rất thịnh vậy. Những học-giả thời ấy ai cũng khuynh-hướng về mặt biện-thuyết lấy văn-từ mà tranh hơn tranh kém. Chính những người bên Nho-giáo cũng theo cái phong-trào ấy, mà bỏ mất cái thái-độ khuếch-nhiên thái-công của Khổng-giáo lúc đầu. Tuân-tử cũng dùng lối biện-luận, mà công-kích các học-thuyết khác. Trong sách của ông thường hay bàn đến những học-thuyết ấy và

những lời ông phê-bình có lắm điều rất có giá-trị. Ông nói ở thiên *Thiên-luân* rằng :
 « *Thân-tử hữu kiến ư hậu, vô kiến ư tiên ;*
Lão-tử hữu kiến ư khuất, vô kiến ư thân, Mặc-
tử hữu kiến ư tề, vô kiến ư ky ; Tống-tử hữu
kiến ư thiêu vô kiến ư đa. Hữu hậu nhi vô tiên,
tắc quần chúng vô môn ; hữu khuất nhi vô
thân, tắc qui tiện bất phân ; hữu tề nhi vô ky,
tắc chính lệnh bất thi ; hữu thiêu nhi vô đa, tắc
quần chúng bất hóa 慎子有見於後, 無見
 於先 ; 老子有見於謙, 無見於信 ; 墨子
 有見於齊, 無見於畸 ; 宋子有見於少,
 無見於多. 有後而無先, 則羣眾無門 ;
 有謙而無信, 則貴賤不分 ; 有齊而無
 畸, 則政令不施 ; 有少而無多, 則羣眾不
 化 ; *Thân-tử* có thấy ở sau không thấy ở trước ;
Lão-tử có thấy ở lẽ khuất, không thấy ở lẽ
 thân ; *Mặc-tử* có thấy ở cái nhất-tề, không
 thấy ở cái không nhất-tề ; *Tống-tử* có thấy ở
 cái ít, không thấy ở cái nhiều (1). Có sau mà
 không có trước, thì quần - chúng không có
 môn-hộ mà ra ; có lẽ khuất mà không có lẽ
 thân, thì sang hèn không phân-biệt ; có nhất-
 tề mà không có sai-đẳng, chính-lệnh không

(1) *Tống-tử* nói rằng : Nhân chi tình, dục quả, nhi giao
 dĩ kỹ chi tình ư dục đa 人之情欲善, 而皆以己之
 爲欲多 : Cái tình của người thì muốn ít, mà đều cho
 cái tình của mình là muốn nhiều ».

thi-thổ ra ; có cái ít mà không có cái nhiều, thì quẩn-chúng không hóa ». Đó là ông chê những nhà triết-học ấy đều thiên, chứ không có cái trung. Thường các học-l thuyết mà thiên đi như thế là vì có điều ư-trẻ, không thông, cho nên ông nói rằng : « Mặc-tử tế ư dụng nhi bất tri văn ; Tống-tử tế ư dục nhi bất tri đắc ; Thận-tử tế ư pháp nhi bất tri hiên ; Thân-tử tế ư thể nhi bất tri trí ; Huệ-tử tế ư từ nhi bất tri thực ; Trang-tử tế ư thiên nhi bất tri nhân. Cố do dụng vị chi, đạo tận lợi hỹ ; do dục vị chi, đạo tận khiếm hỹ ; do pháp vị chi, đạo tận số hỹ ; do thể vị chi, đạo tận tiện hỹ ; do từ vị chi, đạo tận loạn hỹ ; do thiên vị chi, đạo tận nhân hỹ. Thử sở cụ giả, giai đạo chi nhất ngưng giả 墨子蔽於用而不知文 ; 宋子蔽於欲而不知得 ; 慎子蔽於法而不知賢 ; 申子蔽於勢而不知知 ; 惠子蔽於辭而不知實 ; 莊子蔽於天而不知人. 故由用謂之, 道盡利矣 ; 由欲謂之, 道盡嗛矣 ; 由法謂之, 道盡數矣 ; 由勢謂之, 道盡便矣 ; 由辭謂之, 道盡論矣 ; 由天謂之, 道盡因矣. 此數具者皆道之一隅也 : Mặc-tử bị tế-tác về cái dụng mà không biết cái văn ; Tống-tử bị tế-tác về cái dục mà không biết cái được ; Thận-tử bị tế-tác về pháp-luật mà không biết dùng người hiên ; Thân-tử bị tế-tác về quyền-thể mà

không biết dùng trí; Huệ-tử bị tế-tắc về hư-tử mà không biết cái thực lý; Trang tử bị tế-tắc về trời mà không biết có người. Cho nên theo cái dụng, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về sự cầu lợi; theo cái sở dục của người ta mà không biết có sự hạn-chế, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về sự khoái-chí; theo pháp-luật, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về thuật-số; theo quyền-thế, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về sự tiện-lợi; theo cái hư-tử, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về biện-luận; theo trời, thì cái đạo của thiên-hạ chú hết cả về nguyên-nhân. *Mấy điều ấy đều là một góc của đạo vậy* », (Giải-tế, XXI).

Đại-đế cái học của Tuân-tử thường chủ ở sự bài-bác các học-phái để phát-minh Nho-giáo ra. Song cũng vì ông quá thiên về sự biện-luận cho nên cái học của ông tuy có phần sở trường về đường luận-lý, nhưng lại sở đoản về đường tâm-đắc. Ấy bởi thế mà thành ra không đúng với tinh-thần của Khổng-giáo vậy.

Tuân-tử tuy là một cự-tử trong Nho-giáo, nhưng vì ông hấp-thụ cái không-khí đời Chiến-quốc, cho nên ông thiên về mặt biện-luận mà bỏ mất cái lõi tâm-học uyên-bác của Khổng-giáo. Ông không nói đến cái nghĩa rộng chữ nhân của Khổng-tử, và chỉ hiểu cái

nghĩa hẹp chữ *nhân* là *ái-nhân* 愛人 mà thôi, và ông lại không nhận có cái *lượng-tri*, *lượng-năng* của *Manh-tử*, thành thử cái *kể-điêm* đã sai, thì cái học-thuyết có nhiều chỗ không đúng nữa. Bởi vậy hậu nho vẫn không nhận cái học của ông là chính truyền. Nhưng vì cái học ấy có ảnh-hưởng rất lớn với Nho-học về sau, cho nên ta phải chú-ý mà xét cho tường-tận.

Nay ta muốn biết rõ cái học của *Tuân-tử* sở đồng sở dị với cái học của *Khổng-tử* và *Manh-tử* là thế nào, ta nên xét trong sách *Tuân-tử* xem cái học ấy sở chủ ở những điều gì. Trừ ra cái học *thượng-lễ*, *chính-danh* và *trọng-vương* *khinh-bá*, vốn là ở trong phạm-vi của Nho-giáo, thì cái học của *Tuân-tử* có ba điều rất đặc-biệt: 1. Bất dĩ thiên tranh chức; 2. Tính ác; 3. Pháp hậu-vương.

Về đường triết-lý thì *Tuân-tử* cho Trời với người không quan-hệ gì với nhau, cho nên ông chỉ muốn biết việc người mà không muốn biết việc Trời. Về đường giáo-dục, thì ông cho tính người là ác, cho nên cần phải dùng lễ nghĩa để hóa đỡ ra hay. Về đường xã-hội và chính-trị, thì ông cho xưa nay vốn là một lý, chứ không có điều gì khác, vậy theo tiên vương thì xa quá, không biết rõ được các chế-độ, chỉ bằng cứ theo hậu vương mà làm.

Đó là ba cái yếu-điểm trong sự học của Tuân-tử, mà chính là ba điều tương phản với cái tôn-chỉ của Khổng-giáo. Bởi những lẽ ấy, cho nên cái học của ông tuy không phải là không có phần thâm viển, nhưng vẫn không được ung-dung hoǎng-đại như cái học của Khổng Mạnh.

Nay ta chia cái học-thuyết của Tuân-tử ra những mục như sau này :

- I. Quan-niệm về Trời và người
- II. Tâm - lý - học
- III. Chính-danh-học
- IV. Giáo-dục triết-ly
- V. Chính-trị triết-ly

I. — QUAN-NIỆM VỀ TRỜI VÀ NGƯỜI

Thiên-nhân bất tương quan. — Tuân - tử cũng tin có Trời, nhưng ông cho đạo trời không quan - hệ gì đến đạo người. Việc trị loạn, cuộc thịnh suy là do người làm ra, chứ không phải là tại Trời. Ông nói rằng: « Thiên hành hữu thường, bất vị Nghiêu tồn, bất vị Kiệt vong. Ứng chi dĩ trị tắc cát, ứng chi dĩ loạn tắc hung 天行有常, 不爲堯存, 不爲桀亡. 應之以治則吉, 應之以亂則凶. » Việc làm của Trời có đạo thường, không vì vua

Nghiêu mà đạo ấy còn, không vì vua Kiệt mà đạo ấy mất. Lấy sự trị mà đối-phó với đạo ấy, thì lành; lấy sự loạn mà đối-phố với đạo ấy, thì dữ ». (Thiên-luận, XVII). Cứ như cái ý-kiến ấy, thì việc hay việc dở của người ta, là tự người ta làm ra. Trời không có can-thiệp gì đến cả. Bởi vậy mới nói rằng: « Làm cho mạnh cái gốc, mà sự dùng có tiết độ, thì Trời không thể làm cho nghèo đói được; dự-bị sự nuôi và hành-động thuận thời, thì Trời không thể gieo bệnh-tật cho được; sửa đạo mà không trái với đạo, thì Trời không gây vạ cho người được. Cho nên thủy hạn không có thể khiến cho người phải đói khát được, rét nóng không thể khiến cho người ta đau ốm; yêu quái không thể làm hại được người. Cái gốc bó mà sự dùng xa-xỉ, thì Trời không thể làm cho giàu được; sự nuôi sơ-lược mà sự hành-động ít, thì Trời không thể làm cho trọn vẹn được; trái với đạo mà lạm can thì Trời cũng không thể làm cho tốt lành được. Cho nên chưa có thủy hạn mà đã đói khổ, chưa có nóng lạnh mà đã ốm đau, chưa có yêu quái mà đã bị điều hung-ác. Cái thời với đời trị giống nhau, mà cái tai vạ với đời trị thì khác nhau, không vì thế mà oán Trời, bởi cái đạo tự-nhiên là vậy. Cho nên ai mà rõ sự phân-cách của Trời và người, thì có thể gọi là bậc *chí-nhân* 至人.

« Không làm mà nên, không cầu mà được, gọi là cái chức-vụ của Trời. Như vậy, đạo trời tuy thâm viển, nhưng bậc chí-nhân không hề đề ý lo nghĩ đến; tuy cao-đại nhưng không hề đề ý suy-xét đến; ấy gọi là không tranh cái chức-vụ của Trời. Trời có thời của Trời, đất có tài-sản của đất, người có việc tri của người, ấy gọi là có thể ngang với trời đất. Bỏ cái của mình có thể lấy mà ngang với trời đất mà chỉ muốn cái ngang với trời đất thì làm vậy ». (Thiên-luận, XVII).

« *Bất dữ thiên tranh chức* 不與天爭職: Không tranh cái chức-vụ của Trời », đó là cái tư-tưởng đặc-biệt của Tuân-tử. Ông bài-xích cái thuyết Trời có ý-chí thưởng phạt sự thiện sự ác của Mặc-giáo và cái thuyết sùng-bái thiên-nhiên của Lão-giáo. Cái học của ông chủ ở sự tôn-sùng việc người làm, cốt tiến-thủ ở trong cuộc sinh-hoạt của loài người. Cái học ấy tuy có một phần thích hợp với cái học của Nho-giáo, nhưng vì ông thiên hẳn về mặt *thiên-nhân bất tương quan*, cho nên thành ra lại khác với cái học của họ Khổng và họ Mạnh.

Tuân-tử muốn rằng người ta chỉ nên biết việc người, để làm cho người ta mỗi ngày một tiến-bộ thêm, chứ không cần biết việc Trời. Vì Trời với người đã không quan-hệ với nhau, thì trông cậy ở Trời có được ích gì?

« Cỗ quân-tử kính kỹ tại kỹ giả, nhi bất mộ kỹ tại thiên giả; tiều-nhân thố kỹ tại kỹ giả, nhi mộ kỹ tại thiên giả. Quân-tử kính kỹ tại kỹ giả, nhi bất mộ kỹ tại thiên giả, thị dĩ nhật tiến giả; tiều-nhân thố kỹ tại kỹ giả, nhi mộ kỹ tại thiên giả, thị dĩ nhật thoái giả 故君子敬其在己者, 而不慕其在天者; 小人錯其在己者, 而慕其在天者. 君子敬其在己者, 而不慕其在天者, 是以日進也; 小人錯其在己者, 而慕其在天者, 是以日退也. Cho nên người quân-tử chỉ kính cái ở mình, mà không mến cái ở Trời; kẻ tiều-nhân thì bỏ cái ở mình, mà mến cái ở Trời. Người quân-tử chỉ kính cái ở mình mà không mến cái ở Trời, cho nên một ngày một tiến; kẻ tiều-nhân bỏ cái ở mình, mà mến cái ở Trời, cho nên một ngày một lui vậy ». (Thiên-luận, XVII). Người quân-tử với kẻ tiều-nhân chỉ khác nhau có nhật tiến và nhật thoái mà thôi. Vậy muốn nhật tiến thì cần phải biết nhân sự mà không cần biết thiên ý

Đạo người là phải tìm cách chinh-phục việc làm của Trời để làm việc dùng của người. « Đại thiên nhi tư chi, thực dữ vật súc nhi chế tài chi. Tòng thiên nhi tụng chi, thực dữ chế thiên mệnh nhi dụng chi? Vọng thời nhi đãi chi, thực dữ ứng thời nhi sử chi? Nhân vật nhi đả chi, thực dữ sinh năng nhi hóa chi? Tư vật nhi vật chi, thực dữ lý vật nhi vật thất chi giả? »

Nguyên vật chi sở dĩ sinh, thực dữ hữu vật
 chi sở dĩ thành? Cố thổ nhân nhi tư thiên,
 tắc thất vạn vật chi tình. Bách vương chi vô
 biến tức dĩ vi đạo quán: nhất phế nhất khởi
 ứng chi dĩ quán, lý quán bất loạn, bất tri quán
 bất tri ứng biến 大天而思之, 孰與物畜
 而制裁之? 從天而頌之, 孰與制天命而
 用之? 望時而待之, 孰與應時而使之?
 因物而多之, 孰與聘能而化之? 思物
 而物之, 孰與理物而勿失之也? 願於
 物之所以生, 孰與有物之所以成? 故錯
 人而思天, 則失萬物之情. 百王之無變
 足以爲道貫: 一廢一起應之以貫, 理
 貫不亂, 不知貫不知應變: Tôn đại Trời
 mà mền Trời, thì sao bằng để cho vật có sức
 tích nhiều, ta tài-chế nó mà dùng? Theo Trời
 mà ngợi khen Trời, thì sao bằng tài-chế cái
 mệnh Trời mà dùng? Mong thời mà đợi thời
 đến, thì sao bằng ứng thời mà khiến? Nhân
 những vật đã có sẵn mà làm cho nhiều ra,
 thì sao bằng dùng cái tài-trí của mình mà hóa
 ra cho nhiều? Nghĩ được vạn vật sẵn có mà
 dùng, thì sao bằng trị vạn vật cho hợp lý,
 không để mất những vật ấy? Mong cho vạn
 vật sinh ra thì sao bằng làm cho thành-tựu
 các vật ấy? Cho nen bỏ người mà nghĩ đến
 Trời, thì sai mất cái tình thật của vạn vật.
 Những cái không biến đổi của bách vương
 đủ làm cái điều-quán của đạo. Dầu có lúc phế

lúc khởi, song bao giờ cũng có cái điều-quản ấy, cái lý phải có điều-quản thì mới không loạn, không biết cái điều-quản thì không biết ứng biến». (Thiên-luận, XVII). Ấ Tuân-tử nói rằng vạn vật sinh ra tuy là do ở Trời, nhưng vạn vật thành-tựu là do ở người, chứ không phải ở Trời. Nếu ta lại bỏ việc người mà cứ mong ở Trời, thì thành ra lao tâm khổ tứ mà vẫn không có ích gì.

Trời với vạn vật tuy có cái liên-lạc sinh-hóa, nhưng mỗi bên có một cái chức-vụ riêng. Vậy việc Trời và việc người không có quan-hệ gì với nhau cả. Ta biết như thế, thì dầu có những điều quái lạ, ta cũng không lo sợ. « Sao sa, gõ kêu, người ta lấy làm sợ, ấy là tại lẽ gì? — Không có lẽ gì cả. Đó là sự biến của trời đất, sự hóa sự âm dương, sự ít khi có của loài vật. Ta chỉ nên lấy làm lạ mà thôi, chứ sợ là không phải. Mặt trời, mặt trăng, có khi ăn lẫn nhau, mưa gió không phải thời, các sao lạ xuất-hiện ra, ấy là không đời nào không có. Người trên sáng suốt mà việc chính-trị hòa-bình, thì dầu trong đời có đủ các điều ấy cũng không hại gì. Người trên mờ tối mà việc chính-trị hiểm-độc, thì tuy trong đời không xảy ra điều gì lạ cả, cũng không có ích gì ». (Thiên-luận, XVII).

Có người cãi rằng: nếu việc Trời và việc người không quan-hệ với nhau, thì sao trời nắng, mà đảo-vũ lại mưa, sao bói-toán lại có ứng-nghiệm? Tuân-tử cho những điều ấy không phải là sự cảm-ứng của trời đất, nhưng là việc của những nhà chính-trị bày đặt ra cho có văn-vẻ để yên lòng người mà thôi. Cho nên ông nói rằng: «-Đảo-vũ mà mưa là sao? Không sao cả, cũng như không đảo-vũ mà mưa vậy. Nhật-thực nguyệt-thực thì cứu (1); trời hạn-hán thì đảo-vũ, bói cỏ thì mai rùa rồi mới quyết việc lớn, những việc ấy không phải là làm thế mà cầu được, nhưng để làm cho có văn sức việc chính-trị vậy.

Cho nên người quân-tử thì lấy làm việc văn-sức, mà trăm họ thì lấy làm việc thần-thánh. Lấy làm việc văn-sức thì lành, lấy làm việc thần-thánh thì dữ vậy». (*Thiên-luận*, VXII). Lành là lấy những việc ấy làm sự văn-tiết cho thuận cái tình của người ta mà không mê-tin, cho nên không hại; dữ là nếu cho những việc ấy là việc thần-thánh, thì lòng người sinh ra nhiều mối mê-hoặc, thờ cúng bậy-bà để cầu lợi cầu phúc, làm thành cái vạ lớn cho

(1) Người Á-đông ta ngày xưa cho nhật-thực và nguyệt-thực là có giống quái phạm vào mặt trời, mặt trăng, cho nên khi người ta thấy có nhật-thực và nguyệt-thực thì đánh trống đập mẹt, để cứu mặt trời mặt trăng.

thiên-hạ. Cái ý-tưởng ấy của Tuân-tử thật là rõ-ràng và thật chính-đáng vậy.

Việc Trời và việc vạn vật khác nhau thế nào? Tuân-tử nói rằng: «Vạn vật các đặc kỳ-hòa dĩ sinh, các đặc kỳ dưỡng dĩ thành, bất kiến kỳ sự nhi kiến kỳ công, phù thị chi vị thần. Giai tri kỳ sở dĩ thành, mạc tri kỳ vô-hình, phù thị chi vị thiên 萬物各得其和以生,各得其養以成,不見其事而見其功,夫是之謂神.皆知其所以成,莫知其無形,夫是之謂天: Muôn vật đều được cái hòa-khí của nó mà sinh ra, đều được cái nuôi của nó mà thành trưởng, không thấy việc làm mà có thấy có công-hiệu, thế gọi là thần. Người ta ai cũng biết cái đã thành hình, không biết được cái vô hình, ấy thế gọi là Trời». Ta đã biết rõ việc Trời và việc vạn vật, thì ta cứ theo cái chức-vụ của ta mà làm cho hay hơn tốt hơn những cái của Trời đã sinh ra, chứ không cần biết việc Trời. Bởi vậy mới nói rằng: «Duy có bậc thánh-nhân là không cần biết việc Trời, cái chức của Trời đã dựng, cái công của Trời đã nên, người đã có đủ hình-hài, mà tinh-thần đã sinh ra, thì sự yêu, ghét, mừng, giận, thương, vui, đều có sẵn trong đó rồi, thế gọi là thiên-tình 天情; tai, mắt, mũi, mồm, hình-thể, đều có bản-năng liên-tiếp với nhau, mà cái nọ không dùng được cái kia, thế gọi là thiên-quan 天官,

cái tâm ở giữa, hư-không, đề trị ngũ-quan, thế gọi là *thiên-quân* 天君; tài-chế các loài, không phải loài mình, đề nuôi loài mình, thế gọi là *thiên-dưỡng* 天養; thuận loài người là phúc, trái loài người là vạ, thế gọi *thiên-chính* 天政. Làm tối cái thiên-quân, loạn cái thiên-quan, bỏ cái thiên-dưỡng, trái cái thiên-chính, sai cái thiên-tình, đề làm hỏng cái *thiên-công* 天功, thế gọi là *đại-hung*. Bậc thánh-nhân làm cho trong-sạch cái thiên-quân, ngay chính cái thiên-quan, đủ cái thiên-dưỡng, thuận cái thiên-chính, nuôi cái thiên-tình, đề cho trọn vẹn cái thiên-công, như thế là biết cái nên làm và biết cái không nên làm, cho nên mới cai-quản được trời đất và dịch-sử được muôn vật. Những sự làm không có cái gì là không trị, những sự nuôi không có cái gì là không thích-nghi, những sự sinh-hoạt không có cái gì là bị hại, thế gọi là biết Trời. Cho nên người *đại-xảo* là khéo ở chỗ không làm (không làm việc trời), người *đại-tri* là khôn ở chỗ không lo (không lo việc trời). Những cái mà ta đã biết có ở trên trời thì ta đã đủ rõ cái thùy-tượng của trời, khả lấy mà biết được thời-tiết vậy. Những cái mà ta đã biết có ở dưới đất, thì ta đã đủ rõ cái thồ-nghi của đất, khả lấy mà trông-trọt sinh-sản ra vậy. Những cái mà ta đã biết có ở bốn thời, thì ta đã đủ rõ cái lẽ thuận-thời, khả lấy mà làm-ăn vậy.

Những cái mà ta đã biết có ở âm dương, thì ta đã đủ rõ cái lẽ sinh sát thưởng phạt, khá lấy mà đặt phép trị vậy. Dùng người, giữ chức-vụ của Trời, mà tự mình làm việc thủ đạo vậy (quan nhân, thủ thiên, nhi tự vi thủ đạo giả 官人, 守天, 而自爲守道也).

« Trị loạn có phải là tại Trời không? — Rằng mặt-trời mặt-trăng, các ngôi tinh-tú cùng cách làm lịch, thì trời của vua Vũ và trời của vua Kiệt giống nhau, thế mà vua Vũ thì trị, vua Kiệt thì loạn, vậy trị loạn không phải là tại Trời. — Trị loạn có phải là tại thời không? — Rằng sự sinh-sôi nảy-nở ở mùa xuân mùa hạ, sự súc-tích thu-tàng ở mùa thu mùa đông, thì thời của Vũ và thời của vua Kiệt cũng giống nhau, thế mà vua Vũ thì trị vua Kiệt thì loạn, vậy trị loạn không phải là tại thời. — Trị loạn có phải là tại đất không? — Rằng được đất thì sống, mất đất thì chết, thì đất của vua Vũ và đất của vua Kiệt cũng giống nhau, thế mà vua Vũ thì trị, vua Kiệt thì loạn, vậy trị loạn không phải là tại đất.

« Trời không vì người ta sợ rét mà thời mùa đông, đất không vì người sợ xa mà hẹp lại, người quân-tử không vì bọn tiểu-nhân nghị-luận rầm-rĩ mà thôi việc hành-vi của mình. Trời vẫn có đạo thưởng, đất vẫn có cái số thưởng, người quân-tử vẫn có cái thể thưởng vậy. Người quân-tử chỉ nói cái đạo

hường, mà kẻ tiều-nhân thì chỉ kẻ cái công lợi ». (Thiên-luận XVII).

Cái quan-niệm chia Trời với người phân-biệt ra như thế, là khởi đầu từ Tuân-tử. Về sau các học-giả trong Nho-giáo có người theo cái học ấy mà bác cái thuyết thiên nhân tương dữ. Có lẽ bởi đó mà thành ra có người nói Nho-giáo là đạo vô thần vậy.

II. — TÂM-LÝ HỌC

Tâm và đạo. — Tuân-tử đã bác cái thuyết thiên nhân tương dữ và cho người quân-tử chỉ nên biết đạo người mà thôi, thì cái học của ông tất là phải chú-trọng ở việc người và sự tri-thức của người. Vậy nên cái tâm lý-học của ông rất tinh-tường.

Ông cho tâm là chủ-tề cả vạn vật và vạn sự. Ngoài cái tâm ra thì không có sự tri-thức và sự hành-động gì cả, mà dầu có nữa, thì cũng không có ý-nghĩa và thống-hệ, thành ra cũng như không. « Tâm giả hình chi quân giã, nhi thần-minh chi chủ giã, xuất lệnh nhi vô sở thụ lệnh. Tự cấm giã, tự sử giã, tự đoạt giã, tự thủ giã, tự hành giã, tự chỉ giã 心者形之君也, 而神明之主也, 出令而無所受

命. 自禁也, 自使也, 自奪也, 自取也, 自行也, 自止也. Tâm, là vua cái hình-thể, là chủ cái thân-minh, ra lệnh mà không chịu lệnh ở đâu cả. Tự cầm lấy, tự khiến lấy, tự cướp lấy, tự lấy lấy, tự làm lấy, tự thôi lấy». (Giải-tế, XXI). Bởi chung tâm là chủ thì chỉ ra lệnh mà sai khiến bách thể, chứ bách thể không sai khiến được. « Cho nên cái miệng thì có thể bắt ép phải im không được nói, cái hình-thể thì có thể bắt ép phải co lại, đuổi ra chứ cái tâm thì không bắt ép mà khiến đồ ý đi được. Cứ phải thì chịu, trái thì bỏ ». (Giải-tế, XXI)

Tâm có cái năng-lực tự chủ không có cái gì bắt buộc được. Nhưng có một điều đáng lo, là đối với ngoại vật, nếu tâm không có cái gì làm chuẩn-đích thì thường hay bị tế-tắc, làm cho không thấy rõ cái chính, cái phải. Tâm đã bị tế-tắc ở chỗ nào, thì chỉ biết có chỗ ấy mà thôi, chứ không suốt được cái lý lớn, chung cả thiên-hạ. Cho nên nói rằng: « Phàm nhân chi hoạn, tế ư nhất khúc nhi ám ư đại lý 凡人之患, 蔽於一曲而闇於大理: Phàm cái lo của người ta là cái tế-tắc ở một khúc mà mờ tối mất cái lý lớn ». (Giải-tế, XXI).

• Hễ người ta đã thiên về cái gì, thì chỉ biết cái ấy là hay, là phải mà thôi, chứ không muốn nghe nói đến cái dở của cái ấy, hoặc là cái hay của cái khác nữa. *Tư kỳ sở tích, duy*

khủng văn kỳ ác giả; ý kỳ sở tư dĩ quan dĩ thuật, duy khủng văn kỳ mỹ giả 私其所積, 唯恐聞其惡也; 倚其所私, 以觀異術, 唯恐聞其美也: Đã thiên-tư về cái tích-tập của mình, thì chỉ sợ nghe nói đến cái xấu của sự tích-tập ấy; đã nương-tựa vào cái thiên-tư của mình để xem cái thuật khác, thì chỉ sợ nghe nói đến cái hay của thuật ấy». (Giải-tế, XXI). Đó là cái tâm mới thiên đi, mà đã như thế, huống nữa là khi cái tâm lại bị ngoại vật dịch-sử được rồi, thì biết là thế nào? « Tâm bất sử yên, tắc bạch hắc tại tiền, nhi mục bất kiến, lôi cồ tại trắc nhi nhĩ bất văn, huống ư sử giả hồ 心不使焉, 則白黑在前, 而目不見, 雷鼓在側, 而耳不聞, 況於使者乎: Tâm không bị dịch-sử mà cái trắng cái đen ở trước mắt, mắt trông không thấy, sét và trống đánh bên cạnh, tai nghe không thấy, huống chi đã bị dịch-sử hay sao? » (Giải-tế, XXI).

Vạn vật bề-bộn tất là tế-tắc lẫn nhau, cho nên cái tâm phải lấy điều ấy làm lo. « Phàm vạn vật dị, tắc mạc bất tương vi tế, thử tâm thuật chi công hoạn giả 凡萬物異, 則莫不相爲蔽, 此心術之公患也: Muôn vật khác nhau thì không có vật nào không tế-tắc lẫn nhau, ấy là cái lo chung của tâm thuật vậy ». (Giải-tế, XXI).

Vì có cái lo ấy cho nên thánh-nhân tìm cách làm cho cái tâm suốt được cái lý lớn, không để cho bị tế-tắc về điều gì. « Thánh-nhân biết cái lo của tâm thuật, thấy cái va của sự tế-tắc, cho nên không muốn, không ghét, không trước, không sau, không gần, không xa, không rộng, không nông, không xưa, không nay, gồm cả vạn vật mà treo cái cân cân ở giữa vậy. Bởi thế mọi vật khác nhau mà không thể tế-tắc được nhau và không làm loạn mất thứ bậc ». (*Giải-tế, XXI*).

Cái cân cân ấy là cái gì? Là cái **đạo** « Đạo giả, phi thiên chi đạo, phi địa chi đạo, nhân chi sở dĩ đạo giả, quân-tử chi sở đạo giả: 道者, 非天之道, 非地之道, 人之所以道也, 君子之所道也: Đạo, không phải là đạo của trời, không phải là đạo của đất, chính là cái đạo của người ta lấy làm đạo, người quân-tử theo mà thi-hành vậy » (*Nho-hiệu, VIII*). Tuân-tử cho đạo là cái khuôn phép ai cũng phải theo mà hành-động. Vậy nên nói rằng: « Tâm không thể không biết đạo. Tâm mà không biết đạo, thì không cho đạo là phải mà cho cái trái đạo là phải. Ai là người đã muốn được tưng-tử, mà lại còn chịu giữ cái không hợp ý mình. để cấm cái hợp ý mình? Lấy cái tâm không cho đạo là phải mà đối với người ta, tất là hợp với người không có đạo, mà không hợp với người có đạo. Lấy

cái tâm không cho đạo là phải, mà cùng với người không có đạo bán người có đạo, đó là gốc loạn vậy. Bởi sao mà biết người có đạo? Rằng bởi cái tâm. Biết đạo rồi sau mới cho đạo là phải, cho đạo là phải rồi sau mới giữ được đạo, để cầm cái trái đạo. Lấy cái tâm cho đạo là phải mà đối với người ta, thì hợp với người có đạo, mà không hợp với người không có đạo. Lấy cái tâm cho đạo là phải mà cùng với người có đạo bán cái trái đạo, đó là cái cốt-yếu của sự trị vậy. Cái tâm đã biết đạo, thì lo gì không biết người có đạo? Vậy nên cái cốt-yếu của sự trị là ở sự biết đạo ». (Giải-tế, XXI).

Thề và dụng của tâm. — Tuân - tử rất chú trọng về việc xét tâm-lý, cho nên ông phân-tích cái thề và cái dụng của tâm để khiến người chưa đắc đạo tìm được đạo. Ông nói rằng: « Nhân hà dĩ tri đạo? — Viêt tâm. — Tâm hà dĩ tri? — Viêt: hư, nhất nhi tĩnh. Tâm vị thường bất tàng giã, nhiên nhi hữu sở vị hư; tâm vị thường bất lương giã, nhiên nhi hữu sở vị nhất; tâm vị thường bất động giã, nhiên nhi hữu sở vị tĩnh 人何以知道? — 曰心. — 心何以知? — 曰虛, 壹而靜. 心未嘗不藏也, 然而有所謂虛; 心未嘗不兩也, 然而有所謂壹; 心未嘗不動也, 然而有所謂靜: Người ta làm thế nào,

mà biết đạo? — Rằng cái tâm. — Tâm làm thế nào mà biết? — Rằng: hư, nhất và tĩnh. Tâm chứa từng không chứa, thế mà có cái gọi là hư; tâm chứa từng không hai, thế mà có cái gọi là nhất; tâm chứa từng không động, thế mà có cái gọi là tĩnh». (Giải-tế, XXI).

Thế nào gọi là tâm hư? « Nhân sinh nhi hữu tri, tri nhi hữu chí. Chí giả giả tàng giả. Nhiên nhi hữu sở vị hư: bất dĩ sở dĩ tàng, hại sở tương thụ, vị chi hư 人生而有知, 知而有志, 志也者藏也. 然而有所謂虛: 不以所已藏, 害所將受, 謂之虛: Người sinh ra thì có cái biết, biết thì có cái nhớ. Nhớ là chứa vậy. Thế mà có cái gọi là hư: là vì không lấy cái đã chứa mà hại cái sắp chịu chứa, cho nên gọi là hư. » (Giải-tế, XXI). Tâm chứa hết cả các thứ cảm-giác. Nhưng cái chứa của tâm không như cái chứa của cái kho. Cái kho hễ chứa đầy rồi không chứa được nữa, chứ cái tâm thì đã chứa cái nọ lại chứa được cái kia, không bao giờ hết. Bởi thế lúc nào cũng có cái chứa mà vẫn là hư-không vậy. Người mà có cái tâm hư-không như thế, hễ thấy điều thiện, thì lúc nào cũng theo được, không bị ứ-trệ gì cả.

Thế nào gọi là nhất? « Tâm sinh nhi hữu tri, tri nhi hữu dĩ. Dĩ giả giả, đồng thời kiêm tri chí. Đồng thời kiêm trí chí, lưỡng giả. Nhiên nhi hữu sở vị nhất: bất dĩ phù nhất hại thứ

nhất, *vi chi nhất* 心生而有知, 知而有異. 異也者, 同時兼知之. 同時兼知之, 兩也. 然而有所謂一: 不以夫一害此一, 謂之一: Tâm sinh ra thì có cái biết, biết thì có cái khác. Khác là đồng trong một thời mà gồm biết hết cả. Đồng trong một thời mà gồm biết hết cả, là hai vậy. Thế mà có cái gọi là nhất: là vì không lấy cái một này mà hại cái một kia, cho nên gọi là nhất», (*Giải-tễ*, XXI). Tâm phải nhờ sự cảm-giác của ngũ quan mà biết cái hình, cái sắc, biết thanh âm trong đục, biết mùi ngọt đắng mặn nhạt. Những sự cảm-giác của ngũ quan rất là phức-tạp, mà đồng trong một lúc cái tâm biết rõ được cả. Theo cái tai mà biết tiếng, theo con mắt mà biết cái hình, không để cho hỗn-loạn, không lấy cái này hại cái kia. Bởi thế lúc nào cái tâm cũng biết nhiều mà vẫn là một,

Thế nào gọi là tĩnh? « Tâm ngộ tắc mộng, thâu tắc tự hành, sử chi tắc mưu. Cổ tâm vi thường bất động giả. Nhiên nhi hữu sở vi tĩnh: bất dĩ mộng kịch loạn tri, vi chi tĩnh 心臥則夢, 儻則自行, 使之則謀. 故心未嘗不動也. 然而有所謂靜: 不以夢劇亂知謂之靜: Lúc nằm nghỉ thì tâm mơ-tưởng, lúc câu-thả thì tâm phóng-túng, lúc làm công việc, thì tâm lo nghĩ. Cho nên tâm chưa từng không động. Thế mà có cái gọi là tĩnh: là không lấy cái mơ-tưởng mà làm rối-

loạn cái biết, cho nên gọi là tĩnh ». (*Giải-tế*, XXI). Tâm lúc nào cũng hoạt-động : lúc mơ tưởng, tâm để hết cả vào cái mơ-tưởng, lúc lo nghĩ, tâm để hết cả vào việc lo nghĩ. Thế mà vẫn có cái thường, khiến cho lúc chuyên-nhất tiếp vật vẫn có cái tri-thức sáng-suốt, không bị cái gì làm mờ tối đi được. Bởi thế tâm lúc nào cũng động mà vẫn là tĩnh.

Người ta nhờ có tâm hư, nhất và tĩnh, cho nên mới có thể tìm được đạo, mà không bị những cái thiên-kiến, khúc thuyết làm ứ-trệ được. Bởi vậy mới nói : «*Vị đắc đạo nhi cầu đạo giả, vị chi hư nhất nhi tĩnh. Tác chi tắc : Tương tự đạo giả, hư chi, hư tắc nhập ; tương sự đạo giả, nhất chi, nhất tắc lạn ; tương tư đạo giả, tĩnh chi, tĩnh tắc sát... Hư nhất nhi tĩnh, vị chi đại thanh - minh. Vạn vật mạc hình nhi bất kiến, mạc kiến nhi bất luận, mạc luận nhi thất vị... Phữ ô hữu tế hỹ tai ! 未得道而求道者, 謂之虛一而靜. 作之則 : 將須道者, 虛之, 虛則入 ; 將專道者, 一之, 一則盡 ; 將思道者, 靜之, 靜則察... 虛一而靜, 謂之大清明. 萬物莫形而不見, 莫見而不論, 莫論而失位... 夫惡有蔽矣哉* (1) : Người chưa đắc đạo

(1) Đoạn này trong văn cũ có nhiều chữ mất. Đây theo Hồ Thích-Chi đã chỉnh lại ở trong sách *Trung-quốc triết học-sử*.

mà cầu đạo, thì phải hư nhất và tĩnh. Phép dùng là: Người sắp cần có đạo thì phải hư tâm, cái tâm đã hư - không thì vào được đạo; người sắp làm đạo thì phải nhất tâm, cái tâm đã chuyên - nhất thì hết được đạo; người sắp nghĩ đến đạo thì phải tĩnh tâm, cái tâm đã tĩnh thì xét rõ mọi lẽ... Hư, nhất và tĩnh, gọi là đại thanh-minh. Vạn vật không có cái gì có hình mà ta không thấy; không có cái gì ta trông thấy mà ta không biện-luận ra; không có cái gì ta biện-luận ra mà lại sai được... Như thế thì sao lại có cái tê-tắc nữa vậy thay ». (*Giải tế, XXI*)

Tình và dục. — Tuân-tử công kích cái thuyết quả dục và khử-dục. Ông cho rằng tình và dục là tự-nhiên ai cũng có, không thể bớt đi hay là bỏ đi mà không hại được. Thừa ấy các nhà học giả người thì nói việc trị cốt ở sự quả-dục, người thì nói việc trị cốt ở sự khử dục. Tuân-tử bác những thuyết ấy, và nói rằng: « Vậy thì cho cái tình của người ta là không có cái dục: mắt không muốn thấy cái sắc cực đẹp, tai không muốn nghe cái tiếng cực hay, miệng không muốn nếm cái vị cực ngon, mũi không muốn ngửi cái hơi cực thơm, hình thể không muốn được cái dật-lạc, tức là đối với năm cái cực ấy, cũng cho là cái tình của người ta, là không muốn hay sao?

—Rằng: cái tình và cái dục của người ta thế nào, thì của mình cũng vậy. — Rằng: nếu thế thì cái thuyết tất không thi-hành được. Cho nên cái tình của người ta là muốn năm cái cực ấy, mà lại bảo không muốn nhiều, thì cũng ví như bảo cái tình của người ta là muốn phú-quí mà không muốn của-cải, muốn sắc đẹp mà ghét Tây-Thi vậy. Người đời xưa không thể, lấy cái tình của người ta làm muốn nhiều mà không muốn ít, cho nên lấy sự phú hậu mà thương, lấy sự giết hại mà phạt. Đó là bách-vương đều đồng thế cả ». (Chính-luận, XVII).

«Phàm người nói việc trị mà đợi ở sự bỏ cái dục, chính là người không có cách để đạo-dẫn cái dục, mà đã khốn-khở ở sự có dục vậy. Phàm người nói việc trị mà đợi ở sự quả dục, chính là người không có cách để tiết-chế cái dục, mà đã khốn-khở ở sự đã dục vậy. Sự hữu dục và sự vô dục là hai loài khác nhau, như cái sống và cái chết, chứ không phải việc trị và việc loạn. Cái dục nhiều hay ít là hai loài khác nhau, do cái số tất nhiên của cái tình, chứ không phải là việc trị việc loạn vậy. Cái dục không đợi có chắc là được mới muốn, mà sự cầu của cái dục thì theo cái gì nên muốn mới muốn. Cái dục mà không đợi cái khả-đắc là bởi chịu của Trời vậy. Còn người mà cái sở-khả là bởi chịu của tâm.

Thiên tính tự nhiên là có dục, mà tâm là đề tiết-chế cái dục... Người ta muốn sống là rất mục vậy, ghét chết là rất mục vậy, thế mà có người theo cái sống, thành cái chết, không phải là không muốn sống mà muốn chết, nhưng là tại không cho cái sống là phải, mà cho cái chết là phải. Cho nên khi cái dục nhiều quá độ, mà sự động-tác không kip, là bởi cái tâm ngăn lại; cái mà tâm đã cho là phải, mà hợp lý, thì cái dục tuy nhiều cũng không hại gì cho việc trị. Khi cái dục không kip, mà sự động-tác nhiều quá độ, là bởi cái tâm sai khiến; cái mà tâm đã cho là phải, mà hợp lý, thì cái dục tuy ít, có ngăn thế nào được cái loạn? Cho nên việc trị, việc loạn là quan-hệ ở cái tâm cho là sở khả, chứ không quan-hệ ở cái sở dục của tình. Không tìm ở chỗ quan-hệ là cái tâm, mà đi tìm ở chỗ không quan-hệ là cái dục, thì tuy nói là ta được rồi, chính là ta mất rồi vậy. Tính là cái của Trời thành-tựu, tình là cái thể-chất của tính, dục là cái ứng-dụng của tình. Vậy lấy cái dục làm cái khả đắc mà cầu nó, là sự tất nhiên của tình, không tẻ không được. Lấy cái dục làm phải, mà đạo-đạt nó, thì cái khôn biết tất ở đó mà ra vậy. Cho nên tuy người làm đưa cau-cửa, nhưng cái dục không thể bỏ được, bởi nó là cái cụ-thể của tình vậy. Tuy người làm thiên-tử, nhưng cái dục cũng không thể hết được.

Cái dục tuy không thể hết được, nhưng sự tìm cái dục mà dùng có thể làm gần bớt hết được cái dục; cái dục tuy không thể bỏ được, nhưng sự tìm cái dục mà dùng có thể tiết-chế được cái dục... Kẻ có đạo, tiến thì có thể làm gần bớt hết được cái dục, thoái có thể tìm được sự tiết-chế cái dục, thiên-hạ không có gì bằng được. Phàm người ta là không ai không theo cái mình cho là phải, mà bỏ cái mình cho là không phải. Như vậy không gì bằng cách biết đạo, thế mà không theo đạo là không có vậy. Giả như một người có cái lòng muốn đi phương nam không được nhiều lắm, mà có cái lòng ghét đi phương bắc không được ít lắm, (lòng muốn đi phương nam tuy không được nhiều lắm, nhưng vẫn là muốn, lòng ghét đi phương bắc không được ít lắm, nhưng vẫn là ghét), há lại vì cái lòng đi phương nam không hết mà bỏ phương nam đi phương bắc hay sao? Cũng như nay người ta vì cái sở dục không được nhiều lắm, và cái sở ở không được ít lắm, há lại vì cái lòng sở dục không được hết, mà bỏ cái đạo đắc dục, để lấy cái sở ở hay sao? Cho nên theo cái khả lấy làm đạo, thì có hại gì mà loạn được? Bỏ cái không khả lấy làm đạo, thì có ích gì mà trị được?» (Chính danh, XXII).

* Ý Tuân-tử nói rằng đã hợp đạo, thì dầu theo cái thuyết hữu dục cũng không hại gì.

mà đã không hợp đạo, thì dẫu theo cái thuyết khử dục, cũng không có ích gì. Người ta bắt tất phải bỏ dục, nhưng chỉ cầu đạo-dẫn cái dục là được; bắt tất phải quả dục, nhưng chỉ cần có tiết-độ là được. Cần nhất là phải có cái tâm chủ-tề, để khiến cái dục hợp với đạo lý, ví như quả cân để phân biệt nặng nhẹ và phải trái vậy.

«Phàm khi người ta lấy cái gì, thì cái muốn chưa từng thực thuần-túy là muốn mà đến vậy; khi bỏ cái gì, thì cái ghét chưa từng thực thuần-túy là ghét mà bỏ đi vậy. Cho nên người ta không lúc nào động mà lại không đi theo cái quyền (nghĩa là theo một thứ quả cân để định nặng nhẹ phải trái). Khi cái cân cân không ngay, thì cái nặng treo đằng chông lên mà người ta cho là nhẹ; cái nhẹ treo đằng chúc xuống, mà người ta cho là nặng. Đó là người ta làm về cái nặng nhẹ vậy. Khi cái quyền mà không chính, thì cái vạ nằm ở trong cái muốn, mà người ta cho là phúc; cái phúc nằm ở trong cái ghét, mà người ta cho là vạ. Đó cũng là người ta làm ở cái họa phúc vậy. Đạo là cái chính quyền xưa nay. (Đạo giả cổ kim chi chính quyền 道者古今之正權). Bỏ cái đạo mà trong bụng tự chọn lấy, thì không biết cái họa phúc nằm ở chỗ nào», (Chinh-danh. XXII).

Vậy đạo là cái để cân nhắc sự phải trái hay dở. Có cái cân nhắc ấy, thì mới biến quyền biến cho thích với lẽ phải. Cái muốn và cái ghét của người ta thường không có chừng mực, cho nên sự hành-động không thể không theo đạo được. Không theo đạo, thì hay làm về cái ghét cái muốn. Vì cái đạo có thể làm cho ta biết cái họa cái phúc, cũng như cái quyền, là quả cân, có thể làm cho ta biết rõ được cái nặng cái nhẹ. Bỏ cái quyền, thì không biết được cái nặng cái nhẹ, mà bỏ đạo, thì không biết được cái họa cái phúc. Vậy cái tình và cái dục thì bao giờ cũng có, không thể bỏ đi được, nhưng chỉ cần có cái đạo để biết cái khả và cái bất-khả thật công-chính và thật hợp-lý. Hễ cái khả và cái bất-khả mà trúng lý, thì bao nhiêu cái yêu, cái ghét, cái bỏ, cái lấy, đều không sai lầm được.

Tuân-tử bàn về tâm và đạo có nhiều điều rất hay, học-giả nên chú ý lắm. Nhưng vì ông dùng hai chữ *hợp-lý* theo cái nghĩa rất hẹp, thành ra cái học của ông có chỗ không lợi cho sự học-vấn. Ông nói rằng; « Phàm việc làm mà có ích cho lý, thì dụng nên, vô ích cho lý thì bỏ đi, ấy thế gọi là việc hợp đạo trung; phàm điều biết mà nói có ích cho lý thì nói, không có ích cho lý thì bỏ, ấy thế gọi là nói hợp với đạo trung. Việc làm mất cái trung gọi là việc gian, điều nói mất

cái trung gọi là nói gian; việc gian, nói gian là đời trị bõ, mà đời loạn đùng. Còn như sự thay đổi của cái đầy, cái rỗng, sự phân-cách của cái cứng, cái trắng (1), thì tai dầu suốt cũng không nghe ra được, mắt dầu sáng cũng không trông thấy được, dầu kẻ biện-sĩ cũng không nói ra được, dầu cổ cái biết của bậc thánh-nhân cũng chưa có thể cắt nghĩa vỡ ra được. Không biết những điều ấy cũng không hại gì cho người quân-tử, mà biết những điều ấy cũng không kém làm kẻ tiều-nhân. Người làm thợ không biết những điều ấy cũng không cho làm cái khéo, người làm quan không biết những điều ấy cũng không hại cho làm việc trị; bậc vương công mà thích những điều ấy, thì làm loạn phép, người dân mà thích những điều ấy, thì làm loạn việc làm». (Nho-hiệu, VII).

Cái ý-kiến ấy của Tuân-tử quá thiên về sự công-dụng hẹp-hòi, vì ông nói hợp-lý, là nói hợp cái lý thường hành, còn cái lý cao-siêu thì không nói đến, thành thử những điều gì siêu-việt là bỏ hết, như thế chẳng hóa ra hiệt-hại cho tư-tưởng và triết-học lắm sao? Về sau Nho-giáo đến nỗi kém - cõi là cũng bởi những ý-kiến như vậy.

(1) Sung hư 空虛 là cái học của Lão Trang, kiên bạch đồng dị 堅白同異 là cái học của Huệ - Thi và Công-tôn Lóng, đều là cái tư tưởng thuộc về triết-học và khoa-học.

Sự sai lầm. — Tuân-tử nói rằng: «Cái tâm của người ta như mâm nước để ngay mà không động, thì những cái cận cái đục lắng xuống dưới đáy, cái trong cái sáng nổi lên trên, có thể soi rõ râu mày và cả những cái ngăn mặt. Đến khi có ngọn gió thổi qua, cái cận cái đục động ở dưới, cái trong cái sáng loạn ở trên, thì cả cái mặt cũng không thể soi rõ được. Tâm của người ta cũng vậy, lấy cái lý mà đạo-dẫn, lấy cái khí khinh-thanh mà nuôi, khiến cho ngoại vật không làm nghiêng-lệch được, thì đủ định được điều phải trái, quyết được việc hiềm-nghi. Nếu để một vật nhỏ quyen-dũ, làm cho cái ngay chính ở ngoài thay đổi đi, cái tâm ở trong nghiêng-lệch đi, thì dầu đến cái lý thô-thiên cũng không quyết được». (Giải-tế, XXI).

Vậy bao nhiêu những điều sai lầm đều do ở cái tâm không định mà ra, cho nên kẻ học-giả phải biết tĩnh tư, biết chuyên-nhất để có cái định. «Phàm xem xét vạn vật mà có nghi-ngờ, trong tâm không định, thì không biết rõ những vật ở ngoài. Cái trí-lự của ta không biết rõ, thì chưa thể định được cái phải và cái không phải. Người đi lúc mờ-mờ tối, trông thấy hòn đá, cho là con hổ nằm, thấy đám cây trong rừng cho là có người đi sau: cái tối mờ che mất cái sáng vậy. Người say rượu nhảy qua cái ngòi một trăm bước,

cho là nhảy qua cái rãnh không đầy một bước; cúi xuống mà đi ra cửa thành, cho là cửa thành nhỏ như cái cửa buồng: rượu làm loạn cái tinh-thần vậy. Bịt mắt mà nhìn, thì trông một cái hóa hai, bịt tai mà nghe, thì nghe ù-ù hết cả: cái thế làm loạn tai mắt vậy. Đứng trên núi trông con trâu thấy nhỏ như con dê, nếu đi tìm bắt dê, thì cũng không xuống mà giết được: cái xa che cái lớn vậy. Đứng dưới núi trông cây cao mười trượng ở trên núi thấy như chiếc đũa, nếu đi tìm chiếc đũa thì cũng không trèo lên mà bẻ được: cái cao che cái dài vậy. Nước động thì bóng rung, người ta không định rõ cái đẹp cái xấu, là vì thế nước sâu vậy. Người lòa trông không thấy sao trên trời, không thể nói là có hay không, là vì cái sáng của con mắt làm sai lầm vậy. Nếu có người lấy những lúc ấy mà định các vật, thì là người ngu ở đời vậy. Kẻ ngu kia định vật là lấy cái ngờ mà quyết cái ngờ, thì cái quyết ấy chắc không chính-đáng. Đã không chính-đáng thì sao cho khỏi sai lầm được». (Giải-tế, XXI).

Vì ngoại vật làm nhiều-loạn ngũ quan cho nên cái tâm không biết rõ các vật, bởi thế mới sinh ra sự sai lầm. Cái tri-thức của người ta dễ sai lầm như thế, cho nên kẻ học-giả phải cần có cái đề làm tiêu-chuan mà theo. «Phàm cái mà lấy để biết cái linh của người là cái có thể

lấy đề biết được cái lý của vật. Lấy cái đề biết cái tính của người, tìm cái khả dĩ biết cái lý của vật, mà không có cái ngờ đề ngăn lại, thì suốt đời già tuổi cũng không biết hết được. Dầu có suốt được lý đến vạn ức nữa, cũng không suốt khắp cả được sự biến của muôn vật, thì cũng không khác gì người ngu. Học giả đời, con đã khôn lớn, mà vẫn như người ngu và vẫn không biết điều sai lầm, như thế gọi là vọng-nhân 妄人. Cho nên kẻ học-giả vốn học cho đến chỗ thôi. « Chỗ thôi là đâu? — Rằng: thôi ở chỗ chí túc (*chỉ chư chí túc* 止諸至足). — Cái chí túc là cái gì? — Rằng: bạc thánh và bạc vương vậy. Thánh là bạc biết hết các vật lý vậy, vương là bạc đặt ra hết các chế-độ vậy. Hai cái hết ấy đủ làm cái phép tắc cùng cực cho thiên - hạ vậy. Cho nên kẻ học-giả lấy bạc thánh bạc vương làm thầy, theo cái phép của bạc thánh bạc vương để làm phép, Theo cái phép của bạc thánh bạc vương để tìm được cái mới; phân biệt các loài của bạc thánh bạc vương để noi theo mà bắt - chước. Theo những bạc ấy mà làm là kẻ sĩ; đồng-loại với những bạc ấy, gần được như những bạc ấy là quân-tử; biết rõ cái đạo của những bạc ấy là thánh-nhân vậy ». (*Giải-tễ*, XXI).

Tuân-tử theo cái tôn-chỉ Nho-giáo, sùng bái các bạc thành hiền và đế vương đời

trước, cho những bậc ấy đã biết hết cái biết, làm hết việc làm rồi. Người đời sau chỉ nên lấy sự biết và việc làm của những bậc ấy để làm tiêu-chuẩn cho sự học-vấn và sự tri-thức, thì có thể tránh khỏi được nhiều điều sai lầm. Đại-khái về phương-diện ấy thì cái ý kiến của ông cũng với ý-kiến của Mạnh-tử cũng tương tự nhau. Song có một điều là cái học ấy chỉ tiện cho đường tri-thủ mà hại cho đường tiến-thủ. Vì đã cho bậc thánh bậc vương biết hết cái biết và làm hết việc làm rồi, thì cái học của người ta đến đó là giới-hạn không lên cao hơn được. Thành thử nhân tri đến đó là phải dừng lại, không tiến lên được nữa.

III. — CHÍNH-DANH HỌC

Cái học chính-danh khởi-phát ra từ Không-tử. Ngài đã đem phụ-diễn cái đại-chỉ ra ở sách *Xuân-thu*, và môn-đệ Ngài cũng đã ghi chép những lời ngài giảng-dụ về điều ấy ở trong sách *Luận-ngữ*. Về sau các học-phái đều theo cái học ấy, nhưng đến Tuân-tử mới lập thành ra một học-thuyết bày tỏ mọi lẽ rất tinh-lương ở thiên *Chính-danh*. Thiết-lương

nên đem dịch những đoạn trọng-yếu ra đây để học-giả biết cái học-thuyết thời bấy giờ đã tinh lắm.

Thưa ấy nhân vì các học-giả như bọn Đặng Tích, Huệ-Thi, Công-tôn Long, thường hay lấy văn-từ mà biện-luận về danh và thực. Tuy cái học ấy có phần tinh-thâm về đường lý thuyết, nhưng đối với sự công-dụng thì ông cho là vô-ích. Vậy nên ông cực-lực bài-bác cái học ấy. Ông cho rằng sự nghị-luận trước hết phải theo một cái nguyên-lý chính-đáng trịnh-trọng, gọi là long-chính 隆正 để làm chuẩn đích, rồi sau cứ theo cái long-chính ấy mà suy ra mọi việc cho khỏi lầm. Ông nói rằng: «Phàm nghị tất tương lập long-chính, nhiên hậu khả giả. Vô long-chính tắc thị phi bất phân, nhi biện tụng bất quyết. Cổ sở văn viết: «Thiên-hạ chi đại long, thị phi chi phong giới, phàn chức danh tượng chi sở khởi, vương chử thị giả». Cổ phàm ngôn, nghị, kỳ, mệnh, thị, phi, dĩ thành vương vi sự 凡議必將立隆正, 然後可也. 無隆正則是非不分, 而辨訟不決. 故所聞曰: «天下之大隆, 是非之封界, 分職名象之所起, 王制是也». 故凡言, 議, 期, 命, 是非, 以聖王爲師: Phàm nghị-luận thì ắt phải lập ra cái long-chính, rồi sau mới là phải. Không có cái long-chính thì phải trái

không phân-biệt, mà sự biện tưng không quyết. Cho nên ta nghe rằng : «Cái đại-long (tức là cái sùng-thượng lớn của thiên-hạ), cái giới-hạn của sự phải trái, cái mà những chức phận danh tưng đều bởi đó mà sinh ra là vương-chế vậy ». Cho nên hết thấy : ngôn, nghị, kỳ, mệnh, thị, phi, đều phải lấy bậc thánh bậc vương làm thầy ». (Chính-luận, XVIII).

Có những bậc ấy làm thầy thì rồi mới biết phân biệt được cái phải cái trái. Cho nên nói rằng : «Truyện viết : Thiên-hạ hữu nhi : phi sát thị, thị sát phi. Vị hợp vương chế, dữ bất hợp vương-chế giả. Thiên-hạ hữu bất dĩ thị vi long - chính giả, nhiên nhi do hữu năng phân thị phi, trị khúc trực giả gia? 傳曰 : 天下有二 : 非察是, 是察非. 謂合王制, 與不合王制也. 天下有不以是爲隆正也, 然而猶有能分是非, 治曲直者耶? Sech Truyện nói rằng : Trong thiên-hạ có hai lẽ : cái trái xét cái phải, cái phải xét cái trái. Đó là nói hợp vương-chế và không hợp vương-chế vậy. Trong thiên-hạ có người không lấy cái phải làm long-chính, vậy thì còn làm sao mà phân được phải trái, trị được cong ngay? » (Giải-tế, XXI),

Cái long-chính đã định thì danh và từ đều phải theo đó mà thành. Cái danh của Tuân-tử là cái danh đã thông-hành ở trong xã-hội.

dùng làm pháp lệnh của quốc-gia, không ai được thay đổi. Ông nói rằng: « Bậc vương-giả chế ra danh. Danh đã định thì sự biện-luận có cái thực. Cái đạo chế danh thì hành ra, thì lời nói dễ hiểu, rồi cứ cẩn-thận khiến dân theo một đạo ấy không được lấy dị đoan mà thay đổi. Cho nên người Tích (Đặng-Tích) dùng lời tự tiện đặt ra danh để làm loạn chính danh, khiến dân nghi-hoặc làm cho người ta có nhiều biện-tụng, ấy là kẻ đại-gian, tội cũng như tội tự tiện làm ra phủ-tiết và cái đo cái lường vậy. Dân của vương-giả không dám mượn tiếng mà làm ra lời nói lạ để loạn cái chính danh. Dân ấy thật-thà dễ khiến; dễ khiến thì có công-hiệu. Dân ấy không dám mượn tiếng mà làm ra lời nói lạ để loạn cái chính danh, cho nên một lòng theo đạo, theo phép, mà kính-cần ở chỗ theo lệnh vậy, Như thế thì cái sự-tích của vương-giả lớn lên. Cái sự-tích của vương-giả lớn lên, cái công-hiệu thành-đạt, là cái cực-điểm của sự trị. Đó là nhờ có công của sự giữ cái danh cẩn-thận vậy. Nay bậc thánh bậc vương mất, cách giữ danh thì bỏ lười, những lời lạ khởi lên, danh với thực loạn cả, cái hình phải trái không rõ, thì dầu kẻ lại giữ phép, kẻ nhỏ noi theo học cũ, đều loạn cả. Nếu kẻ vương-giả lại sinh ra ở đời, thì ắt là lại theo cái

đanh cũ và sửa cái đanh mới cho chính». (Chính-danh, XXII).

Phép theo đanh cũ là phải sở cứ vào những đanh đã thành từ đời Tam-đại. «*Hậu vương chi thành đanh: hình đanh lòng Thương, tước đanh tông Chu, văn đanh tông Lễ. Tán đanh chi gia ư vạn vật giả, tặc lòng Chư-Hạ chi thành tục, khúc kỳ. Viên phương dị tục chi hương, tặc nhân chi vi thông: 後王之成名: 刑各從商, 爵名從周, 文名從禮. 散名之加於萬物者, 則從諸夏之成俗, 曲期. 遠方異俗之鄉, 則因之爲通.* Những đanh đã thành của hậu vương là: hình đanh theo nhà Thương, tước đanh theo nhà Chu, văn đanh theo kinh Lễ. Tán đanh để gọi vạn vật thì theo phương-ngôn thành-tục và những lời khúc-kỳ (1) của đất Chư-Hạ. Còn những phương xa tục lạ, nhân của người ta đã dùng mà dùng cho thông». (Chính-danh, XXII).

Thành chính đanh. — Tuân - tử xét cái lẽ tại sao mà có đanh, và chia ra làm ba điều: 1. Sở vị hữu đanh 所爲有名: Bởi sao mà có đanh; — 2. Sở duyên hữu đồng dị 所緣有同異: Bởi duyên có gì mà có đồng dị; —

(1) Khúc-kỳ là những tên không có sẵn, phải ủy khúc kỳ hỏi, mượn tiếng mà đặt ra.

3. *Chế danh chi khu yếu* 制名之樞要: Cái khu-yếu để chế danh.

1. *Bởi sao mà có danh.* — « Cái hình của vạn vật khác nhau thì lòng người phân ly, mà hiểu lẫn cái nọ ra cái kia. Vạn vật khác nhau thì cái danh lẫn lộn; qui tiện không rõ, đồng dị không phân biệt, như thế thì cái chi ắt có cái lo không hiểu, mà việc làm ắt có cái vạ khốn phê. Cho nên kẻ tri-giả phân-biệt ra, đặt tên để chỉ rõ cái thực. Trên sáng rõ kẻ qui kẻ liện, dưới biện-biệt cái giống nhau, cái khác nhau. Qui tiện đã phân, đồng dị đã biệt, như thế thì cái chi không có cái lo không hiểu, việc làm không có cái vạ khốn phê. Bởi thế mới có danh.

2. *Bởi duyên cớ gì mà có đồng dị.* — Sự đồng dị là do sự cảm-giác của thiên-quan mà ra. Thiên-quan tức là giác-quan như tai, mắt, mũi, mồm và tâm thể, Thiên-quan cảm đến, biết là đồng thì cho là đồng, biết là dị thì cho là dị. « Phạm cái đồng loại và đồng tình, thì thiên-quan hiểu là đồng, cho nên mới so sánh mà để riêng ra, xem chừng tựa như nhau mà thông, thì đặt ra một tên làm ước-danh 約名, để hợp chung cả mà gọi. (Thí-dụ: con ngựa tuy trắng đen lớn nhỏ không đồng, nhưng nhờ có thiên-quan ta biết là đồng loại, cho nên ta đặt tên gọi là ngựa, để gọi chung cả loài). Cái hình, cái thể, cái sắc, cái vãn, thì

lấy con mắt trông mà biết nó khác nhau thế nào ; thanh-âm trong đục và những tiếng lạ, thì lấy tai nghe mà biết nó khác nhau thế nào ; mặn nhạt, chua cay và những vị lạ, thì lấy miệng nếm mà biết nó khác nhau thế nào ; hơi thơm, hơi tanh, hăng nồng và những hơi lạ, thì lấy mũi ngửi mà biết nó khác nhau thế nào ; đau ngứa, lạnh nóng, nhẵn ráp, nặng nhẹ, thì lấy hình thể sờ mó, cân nhắc, mà biết nó khác nhau thế nào ; lời nói, việc làm, sự mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn, thì lấy tâm mà biết nó khác nhau thế nào.

« Tâm có cái *trung-tri* 徵知. Có *trung-tri* thì rời theo tai mà biết cái tiếng, theo mắt mà biết cái hình. Song cái *trung-tri* của tâm phải đợi có thiên-quan ghi nhớ lấy các loài rồi sau mới biết. Nếu ngũ quan ghi nhớ lấy các loài mà không biết, tâm triệu-tập cả các loài mà không thuyết-minh ra được, thì người ta ai cũng bảo là không biết. Bởi cái duyên-cớ ấy cho nên phân-biệt cái đồng cái dị mà đặt ra tên để cho người ta hiểu ». (*Chính-danh*, XXII).

Đoạn này Tuân-tử giải nghĩa rõ cái *tri-thức* của người ta. Ông cho rằng ta sở dĩ biết cái tính-chất của ngoại vật là nhờ có sự cảm-giác của ngũ quan. Song trừ ra những lời nói, việc làm, và những sự mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn, nếu tâm không

· có cái trung-tri, thì sự cảm-giác của ngũ quan rất rối loạn, không có manh-mối gì cả. Trung là triệu-tập; tri là biết, trung-tri là cái năng-lực triệu-tập các vật mà ngũ quan đã cảm-thụ, để biết cho rõ. Cái trung-tri ấy làm cho sự tri-thức của người ta có căn-cứ. Thí-dụ : Mắt trông thấy một sắc, tâm biết rõ trong các sắc, thì sắc ấy là sắc gì ; tai nghe thấy một tiếng, tâm biết rõ trong các tiếng, thì tiếng ấy là tiếng gì. Cái biết ấy của tâm gọi là trung-tri. Nhân vì tâm có cái trung-tri, cho nên ta mới «theo tai mà biết các tiếng, theo mắt mà biết các sắc». Nếu không có trung-tri, thì sự cảm-giác dẫu rất nhiều, nhưng vẫn không có thống-hệ và không có ý-nghĩa, thành ra không có tri-thức được.

Song phải biết rằng nếu chỉ có tâm mà không dùng ngũ quan, thì cũng không có tri-thức được. Những cái cảm-giác của ngũ quan đã cảm-thụ, là cái nguyên-liệu của sự tri - thức ; không có nguyên - liệu, thì không biết được. Không những thế mà thôi, cái tâm có trung - tri kia không thể lìa bỏ các cái quan - năng mà tự - tại độc - lập một mình được. Tâm phải cùng với các quan-năng làm thành một thể, không phân đoạn ra được. Cái tác-dụng của trung-tri là cái tác-dụng của tâm và của các quan-năng liên hợp với nhau làm một. Thí-dụ : Thính - quan trước

hết phải nghe qua tiếng chuông, rồi đến khi nghe mới biết là tiếng chuông ; khứu-quan trước hết phải ngửi qua mùi hoa sen, rồi đến khi ngửi mới biết là mùi hoa sen. Nếu trước chưa nghe qua tiếng chuông, hay chưa ngửi qua mùi hoa sen, thì dẫu nghe thấy tiếng chuông, hay ngửi thấy hơi thơm của hoa sen, cũng không biết tiếng gì hay là hơi thơm gì vậy. Bởi vậy cho nên mới nói : « *Nhiên nhi trung-tri tất tương đãi thiên-quan chi đương bạ kỳ loại, nhiên hậu khả giã 然而徵知必將待天官之當薄其類, 然後可也* : Vậy mà trung-tri phải đợi có thiên-quan ghi nhớ lấy các loài đã, rồi sau mới có thể biết được ». (Chính-danh, XXII).

Chữ « đương - bạ » của Tuân-tử nói đây tức như là nói những vật mà thiên-quan đã cảm-giác qua, đều có để lại cái ảnh ở trong trí-não. Trí-não đã giữ lại cái « ảnh » hơi thơm của hoa sen, rồi sau ngửi thấy một hơi thơm nào, lại tìm trong trí-não xem là hơi thơm gì, thì biết hơi thơm ấy là hơi thơm hoa sen. Cái biết là cái ta đã trông thấy hay đã nghe thấy mà nhớ lại. Vậy nên mới nói rằng : « Ngũ-quan ghi nhớ lấy các loài mà không biết, tâm triệu-tập cả các loài mà không thuyết-minh ra được, thì người ta ai cũng bảo là không biết ».

3. Cái khu-yếu đề chế danh. — « Khi cái đồng cái dị đã phân-biệt rồi, sau cứ theo đó mà đặt tên. Đồng thì đặt theo đồng, dị thì đặt theo dị. Một cái đơn mà đủ hiệu thì đặt đơn, đơn không đủ hiệu thì đặt kiêm. Cái đơn và cái kiêm không tránh được nhau, thì đặt cộng, tuy cộng mà không hại vậy. Biết cái thực khác nhau, thì phải đặt cái danh khác nhau, khiến cho cái thực nào khác cũng phải có cái danh khác, không thể loạn được. Cũng như khiến cho những cái thực nào giống nhau, cũng phải có cái danh giống nhau vậy. Cho nên vạn vật tuy nhiều nhưng có khi muốn bao rộng khắp cả mà gọi gồm là « vật ». Vật là đại-cộng-danh vậy. Suy cái lý của cộng-danh ấy mà đặt cộng-danh, thì cộng-danh nọ tất có cộng-danh kia, mãi đến lúc không cộng nữa mới thôi. Có khi muốn riêng chỉ về một loại, như gọi là « điều thú ». Điều thú là một cái đại-biệt-danh vậy. Suy cái lý của đại-biệt-danh ấy mà đặt biệt-danh, thì biệt-danh nọ tất có biệt-danh kia, mãi đến lúc không biệt được nữa mới thôi. Danh vốn không có cái phải sẵn, ta lập cái ước mà đặt ra danh, (như ở trên tầng cao xanh gọi là trời, thì người ta ai cũng theo cái ước ấy mà gọi là trời vậy). Gái ước đã định, cái tục đã thành, thì cho là phải. Khác với cái ước thì cho là không phải. Danh vốn không có cái

thực sẵn, ta lập cái ước mà đặt ra thực. Cái ước định, cái tục đã thành, thì cho là thực danh. Danh vốn có cái thiện: nhanh, dễ, mà không trái, gọi là *thiện danh* 善名.

« Vật có cái đồng trạng mà dị sở, có cái dị trạng mà đồng sở, thì có thể phân-biệt được. Cái trạng đồng mà cái sở dị, thì tuy khả hợp được, nhưng vẫn là hai cái thực. Cái trạng biến đi, nhưng cái thực không biệt ra, thế mà lại khác, thì gọi là hóa. Có hóa mà không biệt ra, vẫn gọi là một cái thực. (Thí-dụ: Con tằm hóa ra con kén, rồi lại hóa ra con ngài, ấy là trạng biến mà thực không biệt ra, mà lại khác, vì con tằm, con kén, con ngài đều khác nhau. Con tằm hóa đi hóa lại, nhưng vẫn là một vật, cho nên gọi là một cái thực. Ấy là việc phải kê-cứu, cho rõ cái thực và định cho rõ cái sở. Đó là cái khu-yếu để chế danh vậy».

(*Chỉnh-danh*, XXII).

Đại để, Tuân-tử cho danh có cái tính-chất thuộc về xã-hội, cho nên cái chủ-đích là cốt phải theo cái phải của ước-định, tục-thành. Còn việc chính danh, thì ông cho là phải dùng cái thế-lực của pháp-lệnh mà bắt người ta phải theo những danh của xã-hội đã thừa-nhận.

Cấm sự làm-loạn danh và thực. — Tuân-tử lại xét những lẽ tại sao phải cấm sự làm-loạn danh và thực, và chia ra làm ba điều như sau

này: 1. Hoặc ư dụng danh dĩ loạn danh 惑於用名以亂名: làm về sự dụng danh mà làm loạn danh; — 2. Hoặc ư dụng thực dĩ loạn danh 惑於用實以亂名: làm về sự dùng cái thực mà làm loạn danh; — 3. Hoặc ư dụng danh dĩ loạn thực 惑於用名以亂實: làm về sự dùng danh mà làm loạn cái thực.

1. Làm về sự dùng danh mà làm loạn danh.

— Tuân-tử bác những cái thuyết của các học-giả đương thời, như: « kiến vũ bất nhục 見侮不辱: thấy người ta khinh mà không lấy làm nhục » của Tống-tử; « thánh-nhân bất ái kỷ 聖人不愛己: thánh-nhân không yêu mình » và « sát đạo phi sát nhân 殺盜非殺人: giết đờn ăn trộm-không phải là giết người » nói ở sách Mặc-biện.

Ông cho là những điều ấy làm về cách dùng danh mà làm loạn danh. Đối với những thuyết ấy, ông nói rằng: Nghiệm cái tại sao có danh mà xem những điều ấy thật tinh-thực có dùng được không. Nếu không, thì có thể cấm được ».

2. Làm về sự dùng cái thực mà làm loạn danh.

— Trang-tử nói rằng: « Sơn uyên bình 山淵平: Núi với vực bằng nhau »; Tống-tử nói rằng: « Tình dục quả 情欲寡: Tình muốn ít »; Mặc-tử nói rằng: « Sô hoạn bất gia cam, đại chung bất gia lạc 絲豢不加

甘, 大鐘不加樂: Giông ăn cỏ ăn cám không ngon, tiếng chuông lớn không vui ».

Tuân-tử cho những thuyết ấy là lâm về cái thực mà làm loạn danh, cho nên nói rằng: « Nghiệm cái sở duyên ở cái đồng cái dị mà xem những điều ấy thật tinh-thực có điều lý được không. Nếu không thì có thể cảm được ».

3. Lâm về sự dùng danh mà làm loạn cái thực. — Tuân-tử cho những lời nghị-luận như: « *Phi nhi yết danh hữu ngưu mã phi mã giả* 非而謁楹有牛馬非馬也 » làm loạn danh và thực. Câu này các nhà khảo-cứu vẫn không hiểu rõ nghĩa là gì. Đoạn trên thì ai cũng chịu là không hiểu, còn đoạn dưới thì có người cho là Tuân-tử bác cái thuyết của Công-tôn Long: « *Bạch mã phi mã* 白馬非馬: Ngựa trắng không phải là ngựa ». Sắc trắng là nói về sắc, ngựa là nói về hình. Sắc không phải là hình, hình không phải là sắc. Nếu vậy mà nói: ngựa trắng không phải là ngựa, là lâm về cái danh của hình và của sắc, cho nên làm loạn mất cái thực của con ngựa trắng. Vậy nên nói rằng: « Nghiệm cái danh ước xem cái sở thụ mà trái với lời, thì có thể cảm được ».

Phàm những thuyết không chính và những lời nói lệch làm xa lìa cái chính đạo, cũng những kẻ tự tiện bày đặt ra, là không bao giờ không đồng loại với ba điều ấy. Cho nên bậc

minh quân biết giữ cái danh phận cho rõ, mà không dùng sự biện-thuyết làm loạn danh ». (*Chính-danh*, XXII).

Cái học chính-danh của Tuân-tử tuy có nhiều điều rất tinh-tường, nhưng chỉ vì ông khuynh-hướng về mặt dùng thủ - đoạn chuyên-chế mà ngăn cấm những điều trái với sự công dụng thiên - cận, thành thử ông chủ-trương cái chính - sách chuyên - chế cho đời sau vậy.

Biện-luận. — Tuân-tử vốn là một nhà biện-thuyết, song ông cho là người biện-thuyết phải nói những điều đạo nghĩa, thì người ta mới nghe. Ông nói rằng: «Phàm lời nói mà không hợp đạo tiên - vương, không thuận lễ nghĩa, thì gọi là lời nói gian, tuy nói giỏi, người quân - tử không nghe. Nói đạo tiên - vương, thuận lễ nghĩa, thân - thiện với kẻ học - giả, thế mà không thích giảng thuyết, không vui về giảng thuyết, thì không phải là kẻ sĩ thành-thực mền điều lành vậy. Cho nên người quân - tử đối với sự đàm - thuyết, phải để cái chí mình thích về điều mình nói, và việc mình làm, yên về điều mình nói, mình vui mà nói. Bởi vậy người quân-tử tất là hay đàm-thuyết. Phàm người ta ai chẳng thích nói những điều mình đã mền chuộng mà người quân-tử lại thích hơn hết ». (*Phi-tướng*, V).

Người quân-tử biện-thuyết là vì mình biết có điều lành điều hay đem ra đề cùng bàn với thiên - hạ, cho nên lời của người quân - tử quý như vàng như ngọc, nghe vui như tiếng chuông, tiếng trống, tiếng đàn, tiếng địch. Vậy nên người quân - tử thích nói mà không mỏi.

Nói, phải hợp thích - hợp với đạo nhân-ái, chứ không thì thà nín lặng còn hơn. Tuân-tử nói rằng: « *Tiểu-nhân biện, ngôn hiểm; quân-tử biện, ngôn nhân giả. Ngôn nhi phi nhân chi trung giả, tắc kỳ ngôn bất nhược kỳ mặc giả, kỳ biện bất nhược kỳ nột giả* 小人辨, 言險; 君子辨, 言仁也. 言而非仁之中也, 則其言不若其默也, 其辨不若其訥也: Kê tiểu-nhân biện-thuyết thì nói những điều nham-hiềm, người quân-tử biện-thuyết thì nói những điều nhân-ái. Nói mà không hợp với lẽ nhân - ái, thì nói không bằng im lặng, biện-thuyết không bằng tri-độn không nói được». (*Phi-tướng, V*). Bởi vậy Tuân-tử hết sức công - kích những người dùng tà-thuyết mà biện-luận, làm loạn mất cái chính-đạo.

Cứ như ý Tuân - tử, thì nếu thiên - hạ thái-bình, người trên dùng nhân chính mà trị dân, người hiền đều có thứ vị mà dạy dân, thì không cần phải có biện-thuyết làm gì. Nhưng đã biện-thuyết, thì phải làm cho rõ những

điều ngay chính, khiến người ta nghe mà theo cho đúng đạo phải. Ông nói rằng: «Đời với dân, thì lấy đạo làm một mối để cho dân theo, mà không nên cùng cộng cả các mối để làm loạn lòng dân. Cho nên bậc minh quân lấy cái quyền thế mà cai-trị dân, lấy đạo mà đạo-đặt dân, lấy mệnh - lệnh mà truyền bảo dân, lấy nghị - luận mà làm cho sáng dân, lấy hình - pháp mà cấm dân, cho nên dân hóa theo đạo như thần, dùng biện-thuyết làm gì nữa ?

«Nay bậc thánh bậc vương mất, thiên - hạ loạn, lời nói gian dấy lên, người quân - tử không có quyền thế để cai - trị dân, không có hình-pháp để cấm dân, cho nên mới có biện-thuyết. Vì cái thực không hiểu, nhiên hậu mới có cái mệnh (tức là sự đặt thành danh), cái mệnh không hiểu, nhiên hậu mới có cái kỳ (tức là tìm cách đặt danh cho người ta hiểu), cái kỳ không hiểu, nhiên hậu mới có cái thuyết, cái thuyết không hiểu, nhiên hậu mới có cái biện. Cho nên kỳ, mệnh, biện, thuyết, là cái văn sức lớn của sự dùng, và là cái đầu của vương nghiệp. Nghe cái danh mà hiểu cái thực là sự dùng của danh vậy. Nhiều danh xếp lại thành văn, là cái vẻ đẹp của danh. Cái dùng và cái vẻ đẹp đều được cả, gọi là biết danh.

« Danh là để hội các cái thực, từ là để gồm các danh của những cái thực khác nhau mà luận một cái ý, biện-thuyết là không dùng danh với thực khác nhau, để hiểu cái đạo động tĩnh, (nghĩa là trong khi biện-luận phải dùng danh trước sau cho đúng, để hiểu cho rõ sự phải trái); kỳ, mệnh là cái dụng của sự biện-thuyết; biện-thuyết là cái đạo tương-tương của tâm; tâm là cái công-tề của đạo, (nghĩa là tâm gây ra đạo và làm chủ-tề của đạo: tâm giả giả, đạo chi công tề giả 心也者, 道之工宰也); đạo là để kinh luân và điều lý việc trị. Tâm hợp với đạo, thuyết hợp với tâm, từ hợp với thuyết. Chính cái danh mà hội hợp các vật cho đúng, hình chất của vật rõ-ràng, nghe cái danh là hiểu, biện-luận cái khác nhau mà không quá, suy xét các đồng loại mà không trái. Nghe thì hợp văn, biện-luận thì hết lẽ, làm cho ngay chính cái đạo, mà biện biệt rõ cái gian, như kéo thẳng cái dây để giữ đường thẳng đường cong. Vậy nên những lời tà thuyết không thể làm loạn được, mà bách gia cũng không giấu-giếm được.

« Có cái đức sáng nghe thấu gồm cả mọi việc, mà không có cái dung mạo kiêu-căng; có cái đức tốt bao bọc tất cả mọi vật mà không có cái sắc khoe khoang; cái thuyết thi-hành ra, thì làm cho thiên-hạ chính, cái

thuyết không thi-hành ra, thì làm sáng rõ cái đạo, mà lui mình ẩn ở chỗ cùng. Ấy là sự biện-thuyết của bậc thánh-nhân. Được cái tiết từ-nhượng, thuận cái lý lớn trẻ, những tên kỳ hủ không gọi, lời quái gở không nói, lấy lòng nhân mà nói, lấy lòng mến học mà nghe, lấy công tâm mà biện-luận, không động về sự khen chê của nhân chúng, không lo làm cho đẹp mắt vui tai người nghe, không vì-uể cái quyền quý của kẻ quý-hiền, không ưa truyền-bá những lời thiên-lệch. Cho nên có thể ở chỗ đạo mà không hai lòng, bàn luận mà không ai cướp-lấn được, hòa mà không lưu-đãng, quý cái công-chính mà rẻ cái bi-lậu và sự tranh danh. Ấy là sự biện-thuyết của kẻ sĩ và kẻ quân-tử vậy ». (*Chính-danh*, XXII).

Tuân-tử cũng như Mạnh-tử cho việc biện-thuyết là việc bất đắc dĩ, chứ không phải là cái chính đạo của thánh-nhân. Song vì thời-thế mà phải biện-thuyết. Tuy nhiên lời biện-thuyết của người quân-tử không như lời biện-thuyết của người ngu-hèn. « Lời người quân-tử nông mà tinh-tế, gàn mà có thông-loại, so-le mà đều-đặn. Người quân-tử sửa cái danh cho chính, dùng lời nói cho đáng, để bộc-bạch cái chí nghĩa vậy. Danh từ của người quân-tử là cái sai-khiến của chí nghĩa, hễ cái sai-khiến ấy mà đủ thông-đạt cái lý, thì thôi. Nếu cái sai-khiến ấy mà câu-thả là gian vậy.

Cho nên danh đủ chỉ rõ cái thực, lời đủ làm cho rõ cái gốc, thì thôi. Ngoài những điều ấy, thì gọi là nạn - thuyết, ấy là cái của người quân-tử bỏ đi, mà kẻ ngu nhặt lấy để làm cái quý của mình. Cho nên lời của kẻ ngu không có đầu đuôi mà sơ - lược, vợi-vàng mà không có thống - loại, nhiều lời mà sôi nổi. Kẻ ngu dối lừa cái danh, huyễn - hoặc cái lời, mà không sâu vào đến chí nghĩa, cho nên giáy xéo đến chỗ cùng tột mà không có gốc, rất khó nhọc mà không có công, tham mà không có danh. Vậy nên lời nói của kẻ trí-giả, nghĩa thì dễ biết, mà làm thì dễ chịu, giữ thì dễ vững, thành-đạt thì ắt được điều mình muốn, mà không gặp điều mình ghét. Kẻ ngu thì không thể ». (Chính-danh, XXII).

Phương-pháp luận-lý của Tuân-tử. — Cái học của Tuân - tử là cái học chủ ở sự biện-luận, cần phải dùng lý - trí mà suy-luận, chứ không giống như cái học của Khổng-tử và Mạnh-tử, vụ lấy trực-giác mẫn-nhuệ để cầu cái tâm-đắc. Bởi có nhiều điều Khổng tử và Mạnh-tử chỉ rút lại độ vài câu, mà Tuân-tử thì nói đến bao nhiêu lời mới hết. Đó là cái yếu điểm của hai sự học khác nhau vậy.

Lối dùng trực - giác, thì tuy người thường khó hiểu, nhưng ai đã hiểu được, thì cái phần sở đắc lại uyên - áo lắm. Lối dùng lý-tri

mà suy luận, thì tuy kém phần sâu xa, nhưng dễ hiểu và cái phương-pháp luận-lý lại sáng rõ hơn.

Xem cái lối biện-luận của Tuân-tử thì thấy rõ cái phương-pháp chứng-luận, cốt tìm cái long chính như đã nói ở mục Chính - danh, để làm chuẩn-đích. Ngôn luận điều gì phải lấy bạc thánh bạc vương làm thầy. Theo cái phương-pháp ấy tất là phải dùng phép diễn dịch mà suy luận, nghĩa là bất cứ điều gì cũng lấy cái chuẩn-đích đã nhận làm chứng-cứ, rồi cứ theo đó mà suy ra. Hễ hợp với cái chuẩn-đích ấy là phải, không hợp với cái chuẩn-đích ấy là trái. Tuân-tử nói rằng: « Bạc đại nho phải theo hậu-vương, tóm lẽ nghĩa làm một, thống nhất chế-độ, lấy cái nông mã tri-thủ cái rộng, lấy đời nay mã tri-thủ đời xưa, lấy một mã tri-thủ vạn.... Những vật kỳ, những sự biến lạ, có khi chưa từng nghe thấy, hoặc chưa từng trông thấy, nhưng thốt nhiên khởi lên ở một chỗ nào, thì lấy thống loại mà ứng, ắt là không có điều gì ngừng-trệ, hồ thẹn, rồi mở phép ra mà đo lường, thì ảm nhiên hợp như cái phù-tiết vậy ». (*Nho-hiệu*, VIII). Đại phạm lối luận-lý của Nho-giáo là theo phép diễn-dịch, chứ không mấy khi theo phép qui-nạp. Bởi chưng Nho-giáo thuộc về môn triết-học thuần lý, chỉ có phương-pháp ấy là thuận tiện hơn cả.

IV. — GIÁO - DỤC TRIẾT - LÝ

Tính ác. — Cái học của Tuân-tử theo cái tôn-chỉ trái với cái học của Mạnh-tử. Mạnh-tử lấy cái nghĩa « thiên mệnh chi vị^o tính », cho việc Trời là chi công chi chính, nên chi mới nói là tính thiện. Tuân-tử cho việc trời không quan-hệ gì đến việc người, và người lại hay làm điều ác, nên chi mới nói là tính ác. Bởi vậy về đường giáo-dục Mạnh-tử chủ ở sự « dưỡng tính », nghĩa là cái bản tính của Trời phú cho ta là thiện, ta sở dĩ làm điều bất thiện là bởi ta để vật dục làm mờ tối mất cái tính ấy, cho nên cái mục-đích của sự giáo-dục là cần phải nuôi cái tính ấy lên, thì rồi ta bỏ điều bất thiện mà làm điều thiện. Tuân-tử chủ ở sự « kiểu tính », nghĩa là cái tính của người ta là ác, ta phải tìm cách mà uốn nắn cái tính cho hợp đạo để làm điều thiện.

Trong một cái học của Nho-giáo mà thành ra hai cái thuyết tương phản nhau. Tuy vậy, nhưng cái phương-pháp giáo-dục của hai thuyết ấy cũng tương-tự nhau. Vì cả hai thuyết đều công nhận lấy nhân nghĩa lễ nhạc mà giá-ohóa. Mạnh-tử thì dùng nhân nghĩa lễ nhạc mà gây nuôi cái tính thiện của người ta vẫn có sẵn; Tuân-tử thì dùng nhân nghĩa lễ

nhạc mà sửa cái tính ác cho thành tính thiện. Thành thử cái phương-pháp vẫn là một, mà cái mục-đích thì mỗi bên một khác.

Xét kỹ ra, thì cái học của Mạnh - tử có phần thắng-lợi hơn, là vì người ta thường tự tin mình thế nào, là rồi thành ra thế ấy. Minh tự tin mình là thiện, thì rồi thành ra thiện, mình tự tin mình là ác, thì rồi thành ra ác. Vậy nên ta phải nghĩ luôn đến cái phần thiện của ta, hơn là nghĩ luôn đến cái phần ác của ta. Nghĩ như thế, không phải là đề tăng bậc cái trạng-thái hiện-tại của ta, nhưng cốt đề cho ta khỏi thất-vọng về đường tiến-hóa. Cũng vì thế cho nên nói rằng : cái học của quân-tử phải chủ ở sự «thượng đạt». Đối với sự giáo-dục, không gì lợi cho sự tiến-hóa bằng cái chủ-nghĩa lạc-quan, nó làm cho người ta có cái lòng tự tin ở bản-thể của mình, và không gì hại bằng cái chủ-nghĩa bi-quan, nó làm mất cái lòng tự tin ấy. Cái lý-tưởng cực cao là đề khiến người ta có thể lúc nào cũng cho mình vốn là hoàn-toàn, thì rồi mới cố gắng mà tiến lên đến chỗ thật hoàn - toàn, chứ đã cho mình là hèn - hạ tàn-ác, thì còn tiến-hóa làm sao được. Thành thử cái thuyết tính ác của Tuân-tử vẫn khiến cưỡng, bởi thế hậu-nho bỏ cái thuyết ấy mà theo cái thuyết tính thiện của Mạnh - tử, tưởng cũng đã nghĩ xác lý lắm vậy.

Nay ta xét xem tại sao mà Tuân-tử lại nói là tính ác. Ông nói ngay đầu thiên *Tính - ác* rằng: « *Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả nguy* 人之性惡, 其善者僞也: Tính của người là ác, những điều thiện là người làm ra ». Chữ *nguy* viết bên chữ *nhân* và bên chữ *vi 爲*, là chữ hội - ý, có nghĩa nói việc người làm, chứ không phải nghĩa thường ta vẫn học *nguy* là dối. Tuân - tử lại cắt nghĩa rõ chữ *tính* và chữ *nguy*. Ông nói rằng: « *Bất khả học, bất khả sự, nhi tại nhân giả, vi chi tính. Khả học nhi năng, khả sự nhi thành chi tại nhân giả, vi chi nguy* 不可學, 不可事, 而在人者, 謂之性. 可學而能, 可事而成之在人者, 謂之僞. Không học mà hay, không làm mà thành ở người ta, gọi là tính. Có học mới hay, có làm mới thành ở người ta gọi là nguy ». Ông lại nói ở thiên *Chính - danh* rằng: « Sinh ra mà có sẵn gọi là tính. Tính là do cái hòa khí xung-hợp mà sinh ra, tinh linh hợp với ngoại vật, cảm ứng lẫn nhau, không bị dịch-sử mà tự nhiên. Sự yêu, ghét, mừng, giận, thương, vui, của tính gọi là tính. Tính thì không biết thế nào là cùng, cho nên phải có tâm để chọn cái nên, cái không nên mà làm, gọi là tư-lự. Tâm tư-lự để khiến người ta hành-động, gọi là nguy. Có tư-lự lâu ngày, có học-tập nhiều,

thì sau mới thánh, nghĩa là mới uốn nắn được cái bản tính, thế gọi là ngụy».

Nói tóm lại, tính là tự nhiên của Trời sinh ra, ngụy là cái phải dùng nhân-lực mà làm ra. Cho nên mới nói rằng: « Tính giả bản thủy tài phác giả, ngụy giả văn lý long thịnh giả 性者本始材樸也, 僞者文理隆盛也: Tính là cái bản thủy sẵn có cái bản-năng chất-phác, ngụy là cái văn lý long-thịnh vậy». (Lê-luận, XIX).

Xem câu « Tính là do cái hòa khí xung-hợp mà ra », thì hiểu rõ là Tuân-tử nói cái tính khí-chất, không phải như Mạnh-tử nói cái tính là phần thiên lý của Trời phú cho người. Cái nghĩa chữ tính của mỗi người một khác, cho nên cái học-thuyết cũng khác nhau vậy.

Tuân-tử lấy lẽ gì mà cho là tính ác? Ông nói rằng: « Nay cái tính của người ta sinh ra là có hiếu lợi, thuận cái tính ấy thì thành ra sự tranh-đoạt, mà sự từ-nhượng không có vậy; sinh ra là có đố-ky, thuận cái tính ấy thì thành ra tàn tặc, mà lòng trung tín không có vậy; sinh ra là có lòng muốn của, tai mắt có cái thích về thanh sắc, thuận cái tính ấy là thành ra dâm-loạn, mà lễ-nghĩa văn-lý không có vậy. Thế thì theo cái tính của người ta, thuận cái tính của người ta, ắt là sinh ra sự tranh-đoạt, hợp với việc phạm

phận, loạn lý mà thành ra tàn-bạo. Cho nên phải có thầy, có phép để hóa đi, có lễ nghĩa để đạo-dẫn, nhiên hậu mới có từ-nhượng hợp văn-lý và thành ra trị. Lấy thể mà xem, thì cái tính của người ta ác, là rõ lắm, mà cái thiện của tính là người ta làm ra vậy. Cho nên cây gỗ cong phải đợi có cái khuôn uốn, rồi hơi nóng lên mà uốn mới thẳng được. Một miếng sắt, miếng thép, phải đợi có mài dũa mới sắc. Cái tính ác của người ta cũng vậy, ắt phải đợi có thầy, có phép dạy dỗ, rồi sau mới có lễ nghĩa và mới là trị. Người ta không có thầy, có phép, thì thiên-lệch nguy-hiêm mà không chính, không có lễ nghĩa thì bội-loạn mà không trị. Đời xưa thánh-nhân lấy cái tính của người ta ác, lấy sự thiên-lệch nguy-hiêm mà không chính, bội-loạn mà không trị, bởi thế mới khởi xướng lên lễ nghĩa và chế-định ra pháp-độ, để kiêu-sức cái tính tình của người ta mà chính lại, để nuôi hóa cái tính tình của người ta mà đạo-dẫn, khiến cho theo cái trị, hợp cái đạo vậy. Người ta ai hóa theo thầy, theo phép, tích-tập văn-học theo lễ nghĩa là người quân-tử; buông cái tính tình để yên sự nom dòm mà trái lễ nghĩa là kẻ tiểu-nhân. Lấy thể mà xem, thì cái tính ác của người ta rõ lắm, mà cái thiện là người ta làm ra vậy».

Trong thiên *Tính-ác*, Tuân-tử viện các lẽ đề bác cái thuyết tính thiện của Mạnh-tử. Ông cho rằng vì cái tính vốn ác-cho nên thánh-nhân mới đặt ra nhân nghĩa lễ phép để khắc-sức cái tính cho thiện, chứ nếu tính đã thiện, thì còn cần gì đến bậc thánh bậc vương và nhân nghĩa lễ phép làm gì nữa.

«Phàm người ta muốn làm điều thiện là vì cái tính ác vậy. Hề mỏng là muốn dày, xấu là muốn đẹp, hẹp là muốn rộng, nghèo là muốn giàu, hèn muốn sang. Nếu không có ở trong là ắt phải tìm ở ngoài... Cái tính của người ta ắt vốn không có lễ nghĩa, cho nên phải cưỡng mà học để cho có lễ nghĩa, tính không biết lễ nghĩa, cho nên phải tư-lự để tìm cho biết lễ nghĩa. Vậy nên cứ theo tính, thì người ta không có lễ nghĩa. Người mà không có lễ nghĩa thì loạn, không biết lễ nghĩa thì trái». (*Tính-ác*, XXIII).

Tuân-tử lại bác cái lượng-tri lượng-năng. Ông cho là người ta ai cũng có cái « *khả dĩ tri chi chất, khả dĩ năng chi cụ* 可以知之質, 可以能之具: cái chất khả lấy mà biết, cái cụ-thể khả lấy mà hay ». (*Tính-ác*, XXIII). Song cái chất *khả dĩ tri* và cụ-thể *khả dĩ năng* ấy vị tất đã biết được và vị tất đã hay được. Bởi vậy ông nói rằng: « Kẻ làm nghề, làm ruộng, làm thợ, đi buôn, chưa từng đã không có người nọ *khả dĩ làm được việc*

người kia, song chưa có người nọ làm được việc người kia. Xem thế thì biết cái *khả dĩ vi*, vị tất đã *năng* được; tuy không *năng* được nhưng không hại cho cái *khả dĩ vi*. Vậy thì *năng* với *bất năng* cùng với *khả* và *bất khả* khác nhau xa lắm vậy». (Tĩnh - ác, XXIII). Thí-dụ như mắt *khả dĩ* trông thấy, tai *khả dĩ* nghe thấy, song cái *khả dĩ* trông thấy ấy, vị tất đã trông thấy rõ, cái *khả dĩ* nghe thấy ấy, vị tất đã nghe thấy suốt. Như vậy thì lương-tri vị tất đã biết được, mà lương-năng vị tất đã hay được.

Cứ theo cái thuyết ấy, thì Tuân - tử cho lương-tri lương-năng là cái *khả dĩ tri* và cái *khả dĩ năng*, chứ không phải là *tri* và *năng*. Nhưng thiết tưởng cái ý-kiến ấy không đúng, vì xét kỹ ra người ta vẫn có cái lương-tri lương-năng, quý hơn cái *tri* và cái *năng* thường. Nhờ có cái lương-tri, ta mới hiểu được những điều cao-xa siêu-việt, và có lương-năng, ta mới làm được những việc khó-khẩn một cách rất mau-mắn. Song vì cái học của Tuân - tử chỉ chuyên dùng lý-trí cho nên ông không nhận có lương-tri, lương-năng. Đó là một điều sở đoán trong cái học của Tuân-tử vậy.

Nói rút **lại**, Tuân - tử nhất quyết cho tính tự-nhiên là **ác**. Tuy nhiên, cái tính ấy có thể

làm thành ra thiện được. Cho nên về đường giáo-dục ông rất chú-ý về sự kiều-tính.

Giáo-dục. — Cái tính đã ác, thì cái chủ-đích sự giáo-dục là cần phải uốn nắn cái tính lại cho thiện. Tuân-tử nói rằng : « Tính là cái ta không thể làm ra được, nhưng có thể hóa đi được. Tính là không phải tự-nhiên ta có được, nhưng có thể làm cho có được. Chú ý làm-lụng, tập thành thói quen để hóa cái tính, gồm cả làm một mà không hại, để thành ra cái tích-tập. Cái tập-tục đổi cái chí, yên lâu đổi cái chất (*Tập tục di chí, an cửu di chất* 習俗移志, 安久移質), gồm cả làm một mà không hại, thì chóng đạt đến thần minh, tham dự với trời đất vậy... Người thường mà tích thiện và toàn hết được điều thiện, thì gọi là thánh-nhân. Ai có cầu thì rồi mới được, có làm thì rồi mới nên, có tích mãi lên thì rồi mới cao, có hết cái thiện thì rồi mới là thánh, cho nên thánh-nhân là người tích nhiều đức-hạnh. Người ta tích việc cày cấy mà làm kẻ nông-phụ, tích việc đục đẽo mà làm người thợ, tích hàng-hóa mà làm người buôn bán, tích lễ nghĩa mà làm người quân-tử. Con người làm thợ không đưa nào là không nối nghề của cha, mà dân trong nước không ai là không yên quen lối mặc của mình. Ở nước Sở mặc theo lối nước Sở, ở

nước Việt mặc theo lối nước Việt, ở đất Trung-hạ mặc theo lối Trung-hạ, ấy không phải là thiên tính, nhưng là thuận theo cái tích-tập mà khiến ra như vậy. Cho nên người nào biết cần sự chú-thố, thận cái tập-tục, làm vĩ-đại cái tích-tập, thì làm quân-tử; buông cái tính tình mà không đủ học-vấn, thì làm tiểu-nhân. Làm quân-tử thì thường yên và vinh, làm tiểu-nhân thì thường nguy và nhục. Phàm người ta ai chẳng muốn yên và vinh mà ghét nguy và nhục, song chỉ có quân-tử mới làm được những điều mình thích, tiểu-nhân thì càng ngày càng gây thêm những điều mình ghét» (Nho-hiệu, VIII).

Sự giáo-dục của quân-tử chủ ở sự tích, nghĩa là góp thành cái thói quen, cứ làm mãi điều thiện, để sửa đổi cái tính ác tự-nhiên của người ta. Lối giáo-dục ấy nếu biết cách dùng, thì không phải là không có giá-trị, nhưng về sau dùng bậy, thành ra lối áp-chế đè-nén, làm mất cái nhân-cách tự-chủ của con người ta, và thành một cái lưu-tệ trong sự giáo-dục của người Á-đông ta từ xưa đến nay vậy.

Sự pháp. — Bởi sự giáo-dục phải đè-nén để đổi cái tính ác, cho nên Tuân-tử rất trọng thầy và phép. Ông nói rằng: «Người không có thầy, không có phép mà biết, thì tất đi ăn-

trộm, dững mánh thì tất đi làm giặc, tài giỏi thì làm loạn, xem xét thì làm những điều quái-lạ, biện-luận thì nói những điều hoang-đường giả-dối. Người có thầy có phép mà biết, thì chóng thông; dững mánh thì chóng có oai; tài giỏi thì chóng thành; xem xét thì chóng biết hết lý; biện-luận thì chóng biết phải trái. Cho nên có thầy, có phép, là cái của quý của người ta; không có thầy, không có phép, là cái vạ lớn của người ta vậy. Người mà không có thầy, không có phép, thì trọng cái tính; có thầy có phép, thì trọng cái tích-tập. Theo thầy và theo phép là sở đắc ở cái tính, mà không phải sở thụ ở cái tính. Tính không đủ để độc-lập mà trị» (Nho-hiệu, VIII).

Sự giáo-dục của Tuân-tử là cần phải có thầy và có phép, để uốn nắn cái tính người ta, mà cái hiệu-quả là cốt ở tích-tập, nghĩa là phải học tập nhiều thì mới hay được.

Học. — Tuân-tử cho sự học là sự rất cần cho người ta. Có học mới nên người ngay lành được. Cho nên nói rằng: « Nhân chi ư văn học giả, do ngọc chi ư trác ma giả 人之於文學也, 猶玉之於琢磨也: Người ta đối với văn-học cũng như hòn ngọc đối với sự mài dũa vậy » (Đại-lược, XXVII) Song học thì phải thế nào? Học phải theo

cái khuôn phép của thánh hiền mà luyện tập lấy mình. Tuân-tử nói rằng : « Học không phải theo cái của mình có (học bất khả dĩ kỷ 學不可以己). Màu xanh lấy ở màu chàm ra, mà hơn màu chàm ; vàng đồng bởi nước thành ra, mà lạnh hơn nước. Cây gỗ lúc thẳng theo đúng cái dây, đem uốn làm bánh xe, thì cái cong theo đúng cái thước tròn, dù có đem phơi ra cũng không thẳng lại được nữa, vì cái uốn khiến ra như thế. Cho nên cây gỗ theo dây thì thẳng, loài kim đã mài là sắc, người quân-tử học rộng mà một ngày ba lần xét lại mình, thì biết rõ mà làm việc không có lảm vạy ». (Khuyến-học, I). Ông cho sự học của người ta là cốt làm cho mất cái ác của mình đi để thành ra thiện. Làm được như thế, là nhờ có cái ngoài giúp vào mới có công-hiệu, chứ cứ lấy cái của mình có sẵn thì không bao giờ nên được. « Quân-tử sinh phi dị giả, thiện giả ư vật giả 君子生非異也, 善假於物也 : Người quân-tử không phải là sinh ra khác người ta, vì khéo mượn cái vật ở ngoài vạy ». (Khuyến-học, I). Mượn cái ngoài để học tập mãi mãi lâu ngày ắt là thành công. « Không góp từng nửa bước, không đi đến nghìn dặm được, không góp những ngòi nhỏ, không nên được sông lớn, bể cả. Thành công là ở sự làm luôn luôn mà không bỏ. Khắc chàm mà bỏ, thì dấu gỗ mục

cũng không đục được, khắc chạm mà không bỏ, thì dầu vàng đá cũng làm được » (Khuyển-học, 1). Vậy sự học của người ta phải chuyên-nhất, thì rồi mới rèn đúc ra được cái nhân-cách tôn-quí.

Cái học của người quân-tử không phải là cái học ở cửa miệng, phải học cho hóa cả cái tâm-thần, biến cả cái bản-tính xấu của mình, khiến cho sự ngôn-ngữ, việc hành-động đều có thể làm khuôn làm phép cho người ta theo được. Cái học ấy khác với cái học của tiểu-nhân, chỉ vụ lấy sự tai nghe, miệng nói mà thôi, chứ không có ích gì cho tâm-thần. Cho nên nói rằng: « Quân-tử chi học giả, nhập hồ nhĩ, trừ hồ tâm, bố hồ tứ thể, hình hồ động tĩnh. suyễn nhi ngôn, nhuễn nhi động, nhất khả dĩ vi pháp tắc; tiểu-nhân chi học giả, nhập hồ nhĩ, xuất hồ khẩu; khẩu nhĩ chi gian tắc tứ thốn hỹ, hạt túc dĩ mĩ thất xích chi khu tai? 君子之學也, 入乎耳, 著乎心, 布乎四體, 形乎動靜, 端 (1) 而言, 顛而動, 一可以爲法則; 小人之學也, 入乎耳, 出乎口: 口耳之間則四寸耳, 曷足以美七尺之軀哉? Sự học của người quân-tử, vào ở tai, rõ ra ở tâm, hiện ra ở tay chân, thờ ra mà nói, cụ-cự mà động, đều là

(1) Chữ 端 đọc làm chữ 端 suyễn.

có thể lấy làm phép tắc ; sự học của kẻ tiểu-nhân, vào ở tai ra ở miệng ; khoảng từ tai đến miệng có bốn tắc, sao đủ làm cho đẹp cái thân bảy thước được ? » (Khuyến-học, I).
 Thật kẻ học-giả là học để sửa mình cho ngay lành, chứ không phải là học để khoe với người và để làm những điều giả-dối, phi nhân phi nghĩa. « *Cổ chi học giả vị kỷ, kim chi học giả vị nhân. Quân-tử chi học giả, dĩ mĩ kỳ thân ; tiểu-nhân chi học giả, dĩ vi cầm* 古之學者爲己, 今之學者爲人. 君子之學也, 以美其身 ; 小人之學也, 以爲禽犢 : Kẻ học-giả đời xưa là vị mình, kẻ học-giả đời nay là vị người. Sự học của quân-tử là để làm cho đẹp cái thân mình ; sự học của tiểu-nhân là để làm giống chim muông ». (Khuyến-học, I).

Học thì phải biết, biết thì phải làm, chứ không phải là học cho biết để lấy cái biết của mình mà lừa dối thiên-hạ, rồi chính mình lại không làm những điều mình biết. Tuân-tử cho sự biết với sự làm là một, nghĩa là biết mà làm được mới thực là biết. Nếu biết mà không làm được, thì sự biết ấy không phải là thật biết. Ông nói rằng : « *Bất văn bất nhược văn chi, văn chi bất nhược kiến chi, kiến chi bất nhược tri chi, tri chi bất nhược hành chi. Học cú ư hành chi nhi chi hỹ. Hành chi minh giả, minh chi vị thánh* »

nhân. Thánh-nhân giả giả bản nhân nghĩa, đương thị phi, tề ngôn hạnh, bất thất hào ly. Vô tha đạo yên, dĩ hồ hành chi hỹ 不聞不若聞之, 聞之不若見之, 見之不若知之, 知之不若行之. 學至於行之而止矣. 行之明也, 明之爲聖人. 聖人也者本仁義, 當是非, 齊言行, 不失毫釐. 無他道焉, 已乎行之矣: Chẳng nghe chẳng bằng nghe, nghe chẳng bằng trông thấy, trông thấy chẳng bằng biết rõ, biết rõ chẳng bằng làm được. Học đến làm được mới thôi. Làm được là sáng-suốt mọi việc, sáng-suốt mọi việc thì làm thánh-nhân. Thánh-nhân là người lấy nhân nghĩa làm gốc, định rõ phải trái, lời nói với việc làm như nhau, không sai lầm một hào một ly nào. Học đến làm được mới thôi. Không có đạo nào khác nữa. » (Nho-hiệu, VIII). Tuân-tử cho cái biết có làm được, mới thật là biết. Về sau đến đời nhà Minh, có cái thuyết « tri hành hợp nhất » của Vương Dương-minh thật là khởi phát từ đó vậy.

Tuân-tử cho sự học có đầu có cuối. Học cho đến bậc người hoàn-toàn, cho hết đời mới thôi. « Sự học khởi đầu ở đâu, cuối cùng ở đâu? — Rằng: Cái thuật thì khởi đầu đọc các kinh, cuối cùng thì đọc lễ; cái nghĩa thì khởi đầu làm người học-trò, cuối cùng làm bậc thánh-nhân. Lòng thành-thực tích được

nhiều, việc làm lâu thì mới thấu tới cái học. Học đến chết thì sau mới thôi. Cho nên cái thuật học thì có cùng, mà cái nghĩa sự học thì không có dáy-phút nào bỏ được vậy. Làm điều ấy là người, bỏ điều ấy là cầm-thú vậy» (Khuyến-học, I).

Sĩ và quân-tử. — Đã là người đi học, tức là kẻ sĩ, thì phải có cái tư-cách kẻ sĩ, và phải biết cái đức-hạnh của người quân-tử là thế nào. Kẻ sĩ phải lo sửa mình cho ngay chính, chứ không cần phải theo thói thường. « *Phù sĩ dục độc tu kỳ thân, bất dĩ đắc tội vu tị tục chi nhân giã* 夫士欲獨修其身, 不以得罪于比俗之人也: Kẻ học-trò muốn một mình sửa lấy một mình, không lo có tội với người thường-tục. » (Tu-thân, II). Kẻ sĩ cũng có năm bảy kẻ sĩ: Có kẻ thông-sĩ, có kẻ công-sĩ, có kẻ trực-sĩ, có kẻ xác-sĩ, có kẻ tiểu-nhân. Trên thì có thể làm cho tôn-trọng bậc quân-vương, dưới thì có thể yên dân, vật đến thì tiếp ứng được, sự dấy lên thì biện luận được, như thế là bậc thông-sĩ. Không theo kẻ dưới mà làm tội bậc trên, không đồng ý với bậc trên mà ghen-ghét kẻ dưới, lấy cái trung mà phân-tranh, không lấy cái tư mà hại cái trung, như thế gọi là bậc công-sĩ. Cái hay của mình dẫu bậc trên không biết, cũng không oán giận mà làm trái đấng

quân-vương; cái dở của mình, dầu bạc trên không biết, cũng không nhận cái thưởng, không khoe cái hay của mình, không che cái dở của mình, cứ lấy tình thật mà làm hết cái lòng trung-trực, như thế gọi là kẻ trực-sĩ. Lời nói ngày thường là phải tin, việc làm ngày thường là phải cẩn-thận, sợ theo cái lưu-tục mà cũng không dám riêng một mình làm quá ra là người quân-tử, như thế là kẻ xác-sĩ. Nói không thường tin, làm không thường chính, chỉ biết có lợi mà thôi, hễ có lợi là khuynh-hướng theo, như thế là kẻ tiêu-nhân vậy» (Bất-cấu, III). Kẻ sĩ dầu thế nào cũng không bỏ nghĩa mà theo lợi. «Thân lao nhi tâm an, vi chi; lợi thiểu nhi nghĩa đa, vi chi; sự loạn quân nhi thông, bất như sự cùng quân nhi thuận yên 身勞而心安, 爲之; 利少而義多, 爲之; 事亂君而通, 不如事窮君而順焉: Minh khó nhọc mà bụng yên, thì cứ làm; lợi ít mà nghĩa nhiều, thì cứ làm; thờ ông loạn-quân mà thông đạt, không bằng thờ ông cùng-quân mà thuận hành cái đạo». (Tu-thân, II). Kẻ sĩ và người quân-tử thì lúc nào cũng lo sửa đạo, chứ không lo cái nghèo đói. «Sĩ quân-tử bất vi bản-cùng đãi hồ đạo 士君子不爲貧窮怠乎道: Kẻ sĩ và người quân-tử không vì nghèo cùng mà lười bỏ cái đạo» (Tu-thân, II):

Người quân-tử và kẻ tiểu-nhân khác nhau là thế nào? « Quân-tử dịch vật, tiểu-nhân dịch ư vật 君子役物, 小人役於物: Người quân-tử dịch-sử các vật, kẻ tiểu-nhân để các vật dịch-sử mình » (Tu-thân, II). Người đã để ngoại vật dịch-sử được, thì thành ra mất tự-chủ và chỉ làm nô-lệ ngoại-vật. — « Quân-tử đại tâm tắc thiên nhi đạo, tiểu-tâm tắc úy nghĩa nhi tiết... Tiểu-nhân tắc bất nhiên, đại tâm tắc mạn nhi bạo, liễu tâm tắc dâm nhi khuynh 君子大心則天而道, 小心則畏義而節... 小人則不然, 大心則慢而暴, 小心則淫而傾⁽¹⁾: Người quân-tử mở rộng cái tâm ra thì hợp với Trời mà thuận đạo, thu cái tâm nhỏ lại thì lo sợ điều nghĩa mà có tiết-độ... Kẻ tiểu-nhân thì không thế, mở rộng cái tâm ra thì ngạo-mạn mà bạo-ngược, thu nhỏ cái tâm lại thì dâm - đăng mà nghiêng-lệch » (Bất-cẩu, III). Tuân-tử nói rằng: « Phạm người ta có một cái như nhau, là đói thì muốn ăn, rét thì muốn ấm, nhọc thì muốn nghỉ, thích cái lợi mà ghét cái hại, ấy là cái mà người ta ai sinh ra cũng có cả ». (Vinh-nhục, IV). Nhưng chỉ khác nhau có cái đạo-lý. Hễ người biết ăn-ở cho phải đạo lý là quân-tử, mà ăn-ở trái với đạo lý là tiểu-nhân,

(1) Đại tâm 大心 là đem cái tâm bao-quát việc to lớn, tiểu-tâm 小心 là đem cái tâm chú vào việc nhỏ-mọn, tức là nói cẩn-thận ở việc ấy.

cho nên nói rằng : « Tài, tính, trí, năng, quân-tử tiều-nhân nhất giã. Hiếu vinh, ố nhục, hiếu lợi, ố hại, thị quân-tử tiều-nhân chi sở đồng giã, nhược kỳ sở dĩ cầu chi chi đạo tắc dị hỹ 林, 性, 知, 能, 君子小人一也. 好榮, 惡辱, 好利, 惡害, 是君子小人之所同也, 若其所以求之之道則異矣 : Cái bản-năng, cái tính, cái khôn, cái giỏi, thì quân-tử tiều-nhân cùng là một cả. Muốn cái vinh, ghét cái nhục, muốn cái lợi, ghét cái hại, ấy là quân-tử và tiều-nhân giống như nhau cả, chỉ khác có cái lối theo cầu những điều đó mà thôi ». Ông lại giải rõ cái lối khác nhau là thế nào : « Kẻ tiều-nhân hay làm những điều không thật mà muốn người ta tin mình, hay làm những điều gian-trá mà muốn người ta thân mình, làm những việc cầm-thú mà muốn người ta cho mình là phải, nghĩ thì khó biết, làm thì khó yên, giữ thì khó vững, thành-đạt thì ắt không được cái mình muốn mà ắt gặp cái mình ghét. Người quân-tử có tin rồi mới muốn người ta tin mình ; ngay thẳng rồi mới muốn người ta thân mình ; sửa cái trung-chính, trị sự biện-biệt, rồi mới muốn người ta cho mình là phải ; nghĩ thì dễ biết, làm thì dễ yên, giữ thì dễ vững, thành-đạt ắt được cái mình muốn, không gặp cái mình ghét, vậy nên cùng thì không ai ần-tế được, thông thì rất sáng rõ, thân chết mà cái

đanh càng minh-bạch. Kẻ tiểu-nhân thì không lúc nào là không vươn cõ nhón chân mà muốn rằng mình khôn ngoan tài giỏi hơn người, chứ không biết rằng cái mình có và cái người ta có, không khác gì nhau, chỉ khác ở sự chú-thố của người quân-tử thì chính-đáng, mà sự chú-thố của mình thì quá-độ. Xét rõ cái trí năng của kẻ tiểu-nhân thì biết có thừa khả làm được việc của người quân-tử làm. Ví như người nước Việt yêu cái tục nước Việt, người nước Sở yêu cái tục nước Sở, người quân-tử yêu ở việc ngay chính, ấy không phải là bởi trí, năng, tài, tính, nhưng bởi sự chú-thố tập-tục khác nhau vậy....

Cổ quân-tử đạo kỳ thường, nhi tiểu-nhân đạo kỳ quái 故君子道其常,而小人道其怪: Cho nên người quân-tử nói cái thường mà kẻ tiểu-nhân nói cái quái lạ » (Vinh-nhục, IV).

« Người quân-tử không có tước mà quý, không có lộc mà giàu, không nói mà tin, không giận mà có oai, ở chỗ cùng khổ mà vinh, ở một mình mà vui, há lại không phải là cái tình chí-tôn, chí-phú, chí-trọng, chí-nghiêm, đều tích cả ở đó hay sao?... Cho nên người quân-tử chỉ vụ sửa lấy bề trong mà nhường ở bề ngoài, vụ tích đức ở thân mình, mà xử lấy theo đạo. Như thế thì cái danh quý khỏi lên như mặt trời mặt trăng, tiếng thiên-

hạ hưởng - ứng như sấm sét » (Nho-hiệu VIII). Vậy người quân-tử chỉ lo sửa mình mà làm điều thiện, chứ không cầu người ta quý mình, tin mình và dùng mình. « Người quân-tử có thể làm cho mình khả quý, không thể khiến người ta tất phải quý mình ; có thể làm cho mình khả tin, không có thể khiến người ta tất phải tin mình ; có thể làm cho mình khả dùng được, không có thể khiến người ta tất phải dùng mình. (Quân-tử năng vi khả quý, bất năng sử nhân tất quý kỷ ; năng vi khả tin, bất năng sử nhân tất tin kỷ ; năng vi khả dụng, bất năng sử nhân tất dụng kỷ 君子能爲可貴, 不能使人必貴己 ; 能爲可信, 不能使人必信己 ; 能爲可用, 不能使人必用己). Cho nên người quân-tử thẹn không sửa mình, không thẹn vì người ta làm ô-ước mình, thẹn không tin mình được, không thẹn vì người ta không tin mình ; thẹn mình không giỏi, không thẹn vì người ta không dùng mình. Thế mới không bị lời khen quyển-dụ, không sợ lời chê bai, cứ theo đạo mà đi, đoan-nhiên giữ mình cho ngay chính, không để ngoại-vật làm nghiêng lệch. Thế gọi là thật quân-tử » (Phi-thập-nhị-tử, VI).

○ Người quân-tử sở dĩ hơn người là lúc nào cũng biết theo cái công nghĩa mà không theo cái tư-dục. « Quân-tử chỉ năng dĩ công nghĩa

thắng tư dục giã 君子之能以公義勝私欲也: Người quân tử có thể lấy công nghĩa mà thắng được cái tư dục vậy » (Tu-thân, II). Còn việc cùng hay thông là cái mệnh, nếu ta biết « lạc thiên tri mệnh » thì dầu có khốn-cùng thế nào, trong lòng cũng vui làm việc đạo nghĩa.

Làm người quân-tử thường chỉ được sướng ở trong bụng, chứ không phải là bao giờ cũng phú quý vinh hoa. Những người trung nghĩa xưa nay đã mấy ai được thỏa chí bao giờ? Tuân-tử dẫn lời Khổng-tử nói với thầy Tử-Lộ, mà thích rõ cái cảnh-ngộ của người quân-tử: « Phù ngộ, bất ngộ giả, thời giã. Hiền, bất tiểu giả, tài giã. Quân-tử bác học thâm mưu, bất ngộ thời giã đa hỹ 夫遇, 不遇者, 時也. 賢, 不肖者, 材也. 君子博學深謀, 不遇時者多矣: Gặp hay không gặp là thời vậy. Giỏi hay không giỏi là cái bản-năng vậy. Người quân-tử học rộng mưu sâu, mà không gặp thời, nhiều lắm vậy » (Hữu-tọa, XXVIII). Vậy người đi học là cốt gây lấy cái nhân cách cho được tự quý tự cao, còn cái cảnh-ngộ bề ngoài, thì được phận nào hay phận ấy, không nên lấy việc ấy làm quan-ngại. Người quân-tử chỉ cốt lúc nào cũng lo sửa mình và phải làm những điều nhân nghĩa, trí dũng, trung hiếu, để cho trọn cái

danh nghĩa làm người ở đời. Người tiểu-nhân thì không thế, trong bụng giả dối mà chỉ cầu lấy được cái danh-vọng ở ngoài. « *Tiểu-nhân bất thành ư nội, nhi cầu chi ư ngoại* 小人不成於內, 而求之於外: Kẻ tiểu-nhân không thành-thực ở trong bụng mà cầu cái ở ngoài » (Đại-lược, XXVII). Vậy nên kẻ tiểu-nhân dẫu khôn khéo thế nào cũng vẫn là tiểu-nhân.

Nhân nghĩa. — Tuân-tử theo tôn-chỉ của Nho-giáo lấy nhân nghĩa, tri dũng, trung hiếu, mà dạy người ta. Song Khổng-tử thì chủ lấy chữ nhân nói gồm cả cái trực-giác mẫn-nhuệ và lòng từ-ái suốt đến vạn-vật mà vẫn giữ cái trật-tự phân-minh; Tuân-tử thì chỉ hiểu cái nghĩa hẹp chữ nhân là ái mà thôi, tức là cái nghĩa chữ nhân của người ta thường dùng vậy. Ông nói ở thiên Đại-lược rằng: « Nhân, ái giả..., nghĩa, lý giả 仁, 愛也... 義, 理也: Nhân là yêu vậy... nghĩa là lý vậy; và nói ở thiên Nghị-binh rằng: « Nhân giả ái nhân, nghĩa giả tuần lý 仁者愛人, 義者循理: Nhân là yêu người, nghĩa là theo lý ». Vậy chữ nhân của Tuân-tử chỉ là một cái đức-tính tốt nói về cái lòng yêu thương người mà thôi. Tuân-tử thường hay đem chữ nghĩa mà đối với chữ lợi. Ông cho nghĩa với lợi thì ai cũng muốn, nhưng người quân-tử thì biết

biện - biệt cái khinh cái trọng, cho nên sự hành-động bao giờ cũng hợp đạo-lý « Nghĩa dữ lợi giả, nhân chi sở lưỡng hữu giả 義與利者, 人之所兩有也 : Nghĩa với lợi là người ta có cả hai vậy ». Nhưng hễ người ta biết khiến lòng hiếu nghĩa thắng được lòng dục lợi, thì thành ra hay, mà đê lòng dục lợi đê được lòng hiếu nghĩa, thì thành ra dở. « Nghĩa thắng lợi giả vi trị thế, lợi khắc nghĩa giả vi loạn thế 義勝利者爲治世, 利克義者爲亂世 : Nghĩa thắng được lợi là đời trị, lợi đê được nghĩa là đời loạn ». Đại-lược, XXVII). Cho nên nói rằng : « Tiên nghĩa nhi hậu lợi giả vinh, tiên lợi nhi hậu nghĩa giả nhục 先義爲後利者榮, 先利而後義者辱 : Nghĩa trước mà lợi sau là vinh, lợi trước mà nghĩa sau là nhục » (Vinh-nhục, IV).

Không phải là Tuân-tử bỏ hết điều lợi, nhưng ông cho là điều lợi mà theo điều nghĩa, thì cái lợi có phần lớn hơn. Cái lợi do cái nghĩa mà ra, là cái lợi chính đáng, không việc gì phải bỏ, miễn là lúc nào cũng phải theo như lời Khổng-tử đã dạy : « Kiến lợi tư nghĩa 見利思義 : Thấy điều lợi nghĩ đến điều nghĩa » là được.

Trí dũng. — Người quân-tử phải có trí và có dũng, nhưng phải biết phân biệt thế nào là cái trí và cái dũng của người quân-tử, và

thế nào là cái trí và cái dũng của kẻ tiêu-nhân. Tuân-tử nói rằng: « Có cái trí của thánh-nhân, có cái trí của kẻ sĩ và quân-tử, có cái trí của tiêu-nhân, có cái trí của đứa dịch-phu. Nói nhiều thì có văn-vẻ và có thống-loại, ngộ-luận suốt ngày về những điều mình nói, thiên cử vạn biến, mà cái thống loại vẫn là một, ấy là cái trí của thánh-nhân.

« Nói ít thì dễ-dàng mà rõ-rệt, ngộ-luận có khuôn phép, không có phóng-túng, như kéo thẳng cái dây, ấy là cái trí của kẻ sĩ và quân-tử.

« Lời nói thì siểm, việc làm thì trái với lời nói, làm việc thì nhiều sự khinh nhờn, ấy là cái trí của kẻ tiêu-nhân,

« Thoảng-thỉnh, bộp-chộp mà không có thống-loại, kỳ-quặc, viển-vông mà không dùng được, gãy gọn, nhANH-nhẬU, tinh-tườNG mà không vụ lấy thiết-thực, không kể việc phải việc trái, không bàn đến điều cong điều thẳng, chủ ý chỉ kỳ lấy tranh thắng với người ta, ấy là cái trí của đứa dịch-phu vậy » (*Tính-ác*, XXIII).

Dũng cũng có ba thứ: « Có thượng dũng, có trung dũng, có hạ dũng. Khi thiên-hạ có đạo trung, thì mình quả-cảm mà giữ cái thẳng của mình, không nương tựa vào đâu cả; đấng tiên-vương có đạo thì mình quả-cảm theo cái y mà làm, trên không theo ông vua

đời loạn, dưới không theo dân đời loạn ; chỗ có nhân thì không biết có sự bần-cùng, chỗ không có nhân thì không biết có sự phú quý (nhân chi sở tại vô bần-cùng, nhân chi sở vong vô phú quý 仁之所在無貧窮, 仁之所亡無富貴). Thiên-hạ biết đến, thì đồng vui khổ với thiên-hạ ; thiên-hạ không biết đến, thì chững-chạc đứng một mình trong khoảng trời đất mà không sợ, ấy là thượng dũng.

« Lễ thì cung mà ý thì kiệm, chỉnh-tề ở sự tín mà khinh-bĩ tái-hóa. Ai là người hiền thì dám suy-tôn mà kính chuộng, ai là kẻ bất-tiểu thì dám đẩy ra mà bỏ đi, ấy là trung-dũng.

« Rẻ mình mà trọng của cải, yên mình ở chỗ họa-nạn mà hay dùng lời bông-lông mà giải-thuyết mọi điều, cầu-thả mà không kê điều phải điều trái, chủ ý chỉ kỳ lấy tranh thắng với người ta, ấy là hạ dũng vậy » (Tĩnh-ác, XXIII).

Hễ kẻ học-giả không biết dùng cái dũng cho chính-đáng, thì thành ra trái với đạo-lý và làm mất cái phẩm-giá của người quân-tử. Bởi vậy Tuân-tử lại nói : « Có cái dũng của hạng cầu-trệ, có cái dũng của bọn đi buôn và đi ăn-trộm, có cái dũng của kẻ sĩ và người quân-tử.

« Tranh ăn tranh uống, không có liêm-sĩ, không biết phải trái, không tránh chỗ đau

chỗ chết, không sợ người đông sức mạnh, mờ mờ vậy chỉ thấy lợi về ăn uống mà thôi, ấy là cái dưng của hạng cầu-trệ. Vì việc làm và điều lợi, tranh của cái, không có từ-nhượng, quả-cảm làm liều, thắm quá độ mà trái phép, mờ - mờ vậy chỉ thấy cái lợi mà thôi, ấy là cái dưng của bọn đi buôn và đi ăn trộm. Khinh cái chết mà bạo ngược, ấy là cái dưng của kẻ tiểu-nhân. Cứ cái nghĩa thì theo, không khuynh - hướng về quyền thế, không đoái-tưởng đến lợi - lộc, đem cả một nước mà cho, cũng không thêm nhìn, trọng cái chết, giữ cái nghĩa mà không rời, ấy là cái dưng của kẻ sĩ và người quân-tử vậy » (Vinh nhục, IV).

Trung hiếu. --- Trung hiếu là những đức tốt, ai cũng phải theo, song người đi học phải biết biện-biệt thế nào là thật trung, thật hiếu. Tuân-tử nói rằng: « *Nhập hiếu xuất lễ, nhân chi tiểu hạnh giả; thượng thuận hạ đốc, nhân chi trung hạnh giả; tông đạo bất tông quân, tông nghĩa bất tông phụ, nhân chi đại hạnh giả* 凡孝出弟, 人之小行也; 上順下篤, 人之中行也; 從道不從君, 從義不從父, 人之大行也: Vào hiếu ra lễ là cái tiểu hạnh của người ta; thuận theo người trên, thân yêu kẻ dưới, là cái trung hạnh của người ta; theo đạo mà không theo vua, theo

nghĩa mà không theo cha, là cái đại hạnh của người ta vậy » (*Tử-đạo*, XXIX).

Người làm tôi có bốn hạng. « Có bậc đại trung, có bậc thứ trung, có bậc hạ trung, có kẻ quốc-tặc. Lấy đức mà báo đáp vua, đề hóa được vua, ấy là bậc đại trung. Lấy đức đề sửa lỗi của vua mà giúp vua, ấy là bậc thứ trung. Lấy điều phải mà can-ngăn điều trái, làm cho vua giận, ấy là bậc hạ trung. Không lo đến sự vinh, sự nhục của vua, không lo đến nước hay hay dở, chỉ thâu-hợp cầu-dung để giữ lấy lợi lộc, nuôi lấy sự giao-thông bè đảng, ấy là kẻ quốc-tặc vậy », (*Thần-đạo*, XIII).

Người làm con hiếu có ba hạng: Người con hiếu có ba điều sở dĩ không theo mệnh cha. Theo mệnh thì cha mẹ nguy, không theo mệnh thì cha mẹ yên, người hiếu-tử không theo mệnh là hợp với đạo trung. Theo mệnh thì cha mẹ nhục, không theo mệnh thì cha mẹ vinh, người hiếu-tử không theo mệnh là hợp với điều nghĩa. Theo mệnh là căm thù, không theo mệnh thì làm cho cha mẹ được vẻ-vang, người hiếu-tử không theo mệnh là kính cha mẹ. Cha nên điều đáng theo mà không theo là không phải đạo làm con, chưa nên theo mà đã theo, là không hợp đạo trung. Biết rõ cái nghĩa đáng theo và không đáng theo mà lại hết sức cung kính, trung tín, đoan xác, rồi

cứ cần-thận mà làm, thế gọi là đạo hiếu vậy»
(*Tử-đạo*, XXIX).

Người học - giả phải biết rõ những điều phải trái. Dầu cái đức tốt thế nào mà mình không biết dùng cho hợp đạo lý, thì cũng thành ra dở. Người quân-tử sở dĩ khác kẻ tiểu-nhân chỉ có sự biện-biệt rõ cái đáng làm và không đáng làm đó mà thôi.

Lễ nhạc. — Hậu - nho thường cho cái học của Tuân-tử thiên về mặt *thượng-lễ*. Mới nghe tưởng là lời ấy không được đúng, vì Nho-giáo bao giờ cũng lấy lễ nhạc làm trọng, chứ không riêng gì cái học của Tuân-tử. Song xét ra thì lời phê-bình ấy cũng không phải là lầm hẳn, vì chung Tuân-tử đã xưng lên cái thuyết tính-ác, thì tất là về đường giáo-dục, phải dùng lễ nghĩa để kiềm-sức cái bản-tính và dùng âm-nhạc để hàm-dưỡng cái tình-dục của người ta. Tuân-tử lại quá thiên về mặt dùng lễ nghĩa. Ông nói rằng: « *Lễ giả nhân đạo chi cực giả* 禮者人道之極也: Lễ là cái cùng-cực của đạo người vậy » (*Lễ-luận*, XIX). Tu thân, trị quốc, việc gì ông cũng lấy hai chữ *long lễ* 隆禮 làm đầu. Bởi vậy cái học của ông thành ra một mối cực-đoạn trái với cái học của Khổng-tử.

lễ. — Tuân-tử cho lễ là bởi người quân-tử đặt ra để điều-lý vạn sự và giữ cái mối trị trong thiên-hạ, cho nên nói rằng: « Thiên địa giả sinh chi thủy giả, lễ nghĩa giả trị chi thủy giả, quân-tử giả lễ nghĩa chi thủy giả 天地者生之始也, 禮義者治之始也, 君子者禮義之始也: Trời đất là cái đầu sự sinh, lễ nghĩa là cái đầu sự trị, quân-tử là cái đầu lễ nghĩa » (*Vương chế*, IX). Chữ thủy ở đây tức là cái gốc vậy. Người quân-tử chế ra lễ nghĩa để làm cho trên có vua có thầy, dưới có cha có con, lập thành cái gốc lớn của thiên-hạ. Nếu không có cái gốc lớn ấy thì thành ra loạn.

Tại làm sao mà có lễ? « Người sinh ra là có lòng muốn, muốn mà không được thì không thể không tìm, tìm mà không có chừng mực, giới hạn, thì không thể không tranh. Tranh thì loạn, loạn thì khốn cùng. Tiên-vương ghét cái loạn, cho nên chế lễ nghĩa để phân ra trật-tự, để nuôi cái muốn của người ta, cấp cái tìm của người ta, khiến cái muốn không đến cùng kiệt các vật, các vật không làm cùng kiệt cái muốn; các vật với cái muốn phù trì lẫn nhau mà sinh trưởng; ấy là cái sở khởi của lễ. Cho nên lễ là nuôi vậy. Bậc quân-tử đã được cái nuôi, lại muốn cái phân-biệt. — Sao gọi là phân-biệt? — Rằng: Sang hèn có bậc, lớn nhỏ có khác nhau, nghèo giàu

khinh trọng đều có cái xứng đáng vậy » (Lễ-luận, XIX).

Tuân-tử nói rằng : « Lễ có ba cái gốc : Trời đất là cái gốc sự sinh, tiên-tổ là cái gốc chủng-loại, vua và thầy là cái gốc sự trị. Không có trời đất thì ở đâu mà sinh, không có tiên-tổ thì ở đâu mà ra, không có vua có thầy thì lấy đâu mà trị. Ba điều ấy mà thiếu đi một, là người ta không yên được. Cho nên trên thờ Trời, dưới thờ đất, tôn tổ-tiên, trọng vua và thầy, ấy là ba cái gốc của lễ vậy » (Lễ-luận, XIX).

Chữ lễ của Tuân-tử cũng có nghĩa rất rộng, đối với người nào cũng phải có lễ. « Lễ giả, quý giả kính yên, lão giả hiếu yên, trưởng giả dĩ yên, ấu giả từ yên, tiện giả huệ yên 禮也者貴者敬焉, 老者孝焉, 長者弟焉, 幼者慈焉, 賤者惠焉 : Lễ là đối với kẻ quý thì kính, đối với kẻ già thì hiếu-thảo, đối với kẻ lớn thì thuận, đối với người trẻ thì từ thiện, đối với kẻ hèn thì có ân-huệ » (Đại-lược, XXVII). Nhất là về sự thờ phụng kẻ sống, cúng tế người chết, người quân-tử rấ phải nghiêm-cẩn lắm. « Lễ giả cẩn ư trị sinh tử giả giả. Sinh, nhân chi thủy giả; tử, nhân chi chung giả. Thủy chung câu thiện, nhân đạo tất hỹ 禮者謹於治生死者也. 生, 人之始也, 死, 人之終也. 始終俱善, 人道畢矣 : Lễ là phải nghiêm cẩn về việc trị sự sinh, sự tử.

Sinh là cái khởi đầu của người ta, tử là cái cuối cùng của người ta. Thủy chung đều hay cả, thì trọn cái đạo làm người vậy ». « Cho nên người quân-tử phải kính cẩn lúc thủy mà thận trọng lúc chung. Thủy chung như nhất, ấy là cái đạo của người quân-tử, và cái văn vẻ của lễ nghĩa. Nếu hậu lúc sinh mà bạc lúc tử, tức là kính cái có biết mà nhờn cái không biết, ấy là đạo của người gian ác và lại là cái lòng bội-bạn vậy » (Lễ-luận, XIX).

Đối với xã-hội và quốc-gia, thì Tuán-tử nói rằng: « Vạn vật cùng sinh trong khoảng trời-đất mà hình-thể thì khác nhau, không có cái thích-nghi thường định mà đều có cái hữu-dụng cả. Số là nhân-loại cùng ở với nhau, sự cầu thì giống như nhau, mà lối cầu thì khác nhau: cái muốn thì giống như nhau, mà sự biết thì khác nhau. Người sinh ra ở đời ai cũng có cái muốn thỏa ý mình, mà cái muốn ấy thì kẻ trí người ngu giống như nhau, còn cách làm cho thỏa ý mình, thì kẻ trí người ngu khác nhau. Thế đồng mà trí khác, việc làm riêng mà không có vạ, buông cái dục mà không cùng, thì lòng cạnh-tranh của dân nổi lên mà không làm cho vừa ý được. Như vậy thì kẻ trí-giả chưa làm được việc trị vậy. Kẻ trí-giả chưa làm được việc trị, thì công danh chưa nên. Công danh chưa nên, thì quần-chúng đều một loạt như nhau cả. Quần-chúng

đều là một loạt như nhau, thì vua tôi chưa
dụng vậy. Không có vua đề chế bầy tôi, không
có kẻ trên đề chế người dưới, thì thiên-hạ
làm hại sự sinh-hoạt và buông rong cái lòng
muốn ra. Lòng muốn lòng ghét thì kẻ trí
người ngu cùng giống như nhau, nhưng cái
muốn thì nhiều mà vật thì ít, tất là thành ra
tranh nhau. Cho nên trăm nghề thành ra để
nuôi một người, khiến cho giữ được mỗi trị,
vì người giỏi không thể kiêm đủ mọi nghề,
và một người không thể kiêm đủ các chức
quan. Ở cách biệt nhau mà không giao-thiếp
vời nhau thì khốn cùng, quăn-tụ với nhau mà
không chia trật-tự thì tranh-đoạt nhau. Khốn
cùng là lo, tranh-đoạt là vạ. Cho nên cứ điều
lo, trừ điều vạ, thì không gì bằng làm cho rõ
cái phận kẻ trên người dưới, khiến người ta
quăn-tụ được. Kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, người
khôn sợ người ngu, dân dưới trái với người
trên, người trẻ khinh nhờn người lớn, không
lấy đức làm việc chính đề dạy dỗ người ta
biết rõ phận nghĩa, như vậy thì kẻ già người
yếu có cái lo không ai nuôi, người khỏe mạnh
có cái vạ phân-tranh. Việc làm khó nhọc thì
ghét, công lợi thì muốn, chức-nghiệp không
phân rõ, như vậy thì người ta có cái lo gây
việc và cái vạ tranh công. Nam nữ phối-hợp
vời nhau, vợ chồng phân biệt, việc cưới hỏi

đưa đón mà không có lễ, như thế người ta có cái lo về sự mất lễ phối-hợp mà có cái va tranh nhau về cái sắc. Cho nên kẻ trí-giả vì những điều ấy mà phân ra phận nghĩa cho rõ-ràng vậy » (*Phụ-quốc*, X).

Lễ là cốt để phân-biệt ra trật-tự và định cái giới-hạn cho minh-bạch, khiến việc hành-động của nhân-quần không rối loạn. Người ta ai cũng có lòng muốn, mà lòng muốn của người lại không biết đâu là bờ, nếu không có lễ để chia cái phận nghĩa cho rõ-ràng, thì tất thành ra sự tranh-đoạt. Vậy nên trong chữ lễ, Tuân-tử lấy chữ phận làm cốt.

Tuân-tử tin rằng dùng lễ có hiệu-quả rất lớn về việc xã-hội và quốc-gia. Cho nên ông nói rằng : « Long lễ quý nghĩa giả kỳ quốc trị, giản lễ tiện nghĩa giả kỳ quốc loạn 隆禮貴義者其國治, 簡禮賤義者其國亂 : Trọng lễ quý nghĩa thì nước trị, giản lễ rẻ nghĩa thì nước loạn » (*Nghị-binh*, XV). Ông cho lễ có ảnh-hưởng đến sự sinh-hoạt của người ta ở trong xã-hội, mà việc trị loạn đều bởi đó mà ra. « Lễ chi ư chính quốc-gia giả, như quyền hành chi ư khinh trọng giả, như thăng mặc chi ư khúc trực giả. Cổ nhân vô lễ bất sinh, sự vô lễ bất thành, quốc-gia vô lễ bất ninh 禮之於正國家也, 如權衡之於輕重也, 如繩墨之於曲直也. 故人無禮不

生, 事無禮不成, 國家無禮不寧 (1): Lễ đối với việc quốc-gia như quả cân và cân cân đối với sự nặng nhẹ, như dây và mực đối với đường thẳng đường cong vậy. Cho nên người mà không có lễ thì không sinh, việc mà không có lễ thì không nên, quốc-gia mà không có lễ thì không yên » (Đại - lược, XXVII).

Cái học của Tuân-tử trọng lễ như thế, cho nên ông cho là bất cứ việc gì hễ không có lễ là hỏng. « Lễ là cái cùng-cực của sự trị và sự biện-biệt, cái gốc của sự làm cho nước mạnh, cái đạo của sự uy-hành, cái cốt-yếu của công danh. Bậc vương bậc công theo đó mà được thiên-hạ, không theo đó thì làm hỏng xã-tắc. Cho nên áo giáp bền, ngọn giáo nhọn, không đủ để thắng trận, thánh cao hào sâu, không đủ lấy làm bền vững, lệnh nghiêm hình nhiều, không đủ lấy làm uy. Dùng lễ thì việc gì cũng thi-hành được, không dùng lễ thì việc gì cũng bỏ cả » (Nghị-binh, XV).

Lễ có thế-lực mạnh như thế, cho nên nói rằng: « Lễ giả pháp chi đại phận, quần loại chi cương kỷ giả. Cổ học chi hồ lễ nhi chí hỹ 禮者法之大分, 羣類之綱紀也. 故學至乎禮而止矣: Lễ là cái phận lớn của

(1) Sách Lễ-ký thiên kinh-giải, XXVI, cũng có đoạn này.

điền-pháp, cái kỹ-cương của quần-loại. Cho nên phải học đến lễ mới thôi vậy » (Khuyến-học, I).

Nhạc. — Lễ là phân, nhạc là hòa. Lễ là để tiết-chế tâm thân, nhạc là lấy cái đẹp cái hay tự-nhiên mà cảm-hóa lòng người. Bởi vậy Tuân-tử rất chú ý đến nhạc, và bài-bác họ Mặc về cái thuyết bỏ nhạc. Ông nói rằng : « Nhạc là để làm cho vui vậy. Cái tính người ta chẳng ai là chẳng muốn thế, cho nên không thể không có nhạc. Nhạc thì phát ra ở thanh âm, hình ra ở động tĩnh, mà cái đạo của người ta và sự biến đổi của thanh âm, động tĩnh, tính thuật, là hết thấy ở nhạc vậy. Cho nên người ta không thể không có nhạc, nhạc không thể không có hình, hình mà không làm ra thanh đạo, thì không thể không có loạn. Bậc tiên-vương ghét cái loạn cho nên mới chế ra tiếng nhã, tụng, để lấy mà làm cái đạo cho người ta, khiến cái thanh đủ lấy làm vui mà không lưu-đãng, khiến cái văn đủ biện-luận mà không ngoa, khiến cái khúc-trực, phồn tinh, liêm nhục, tiết tấu, đủ lấy mà cảm động cái lòng thiện của người ta, để cho cái khi tà-ô không có lối nào mà tiếp được. Ấy là cái phương-pháp của tiên-vương đặt ra nhạc vậy... Phàm cái âm nhạc vào người ta sâu, mà hóa người ta chóng, cho

nên tiên-vương cần-thận làm ra vãn. Nhạc trung-bình thì dân hòa-thuận mà không lưu-đãng, nhạc nghiêm-trang thì dân tề không loạn. Dân hòa và tề, thì binh mạnh thành bền... Cho nên nói rằng : Nhạc là để làm cho vui vậy. Người quân-tử vui về được cái đạo, tiểu-nhân vui về được cái muốn. Lấy cái đạo chế cái muốn, thì vui mà không loạn, lấy cái muốn mà quên cái đạo, thì mê-hoặc mà không vui. Cho nên nhạc là để làm cái đạo cho sự vui vậy. Tiếng kim thạch ti trúc là cốt ở đạo đức vậy. Nhạc thi-hành ra thì cái sở hướng của dân có phương. Bởi vậy nhạc là cái thịnh đức của việc trị người vậy » (Nhạc-luận, XX).

Nói rút lại, vì người ta sinh ra ai cũng có tình có dục, cho nên phải có lễ chế chia rõ cái phận nghĩa, để khỏi cái lo về sự tranh-đoạt ; người ta lại thích mến sự khoái-lạc, cho nên phải đặt ra âm nhạc trung bình để có cái vui thú chính-đáng, khiến cho không có điều dâm-loạn. Đó là cái chủ-đích của sự dùng lễ nhạc vậy.

V. — CHÍNH-TRỊ TRIẾT-LÝ

Cái học-thuyết của Nho-giáo tuy có phần triết-lý rất cao, nhưng bao giờ cũng chuộng

sự thiết-thực, cho nên các học-giả rất chú-trọng về đường giáo-dục và chính-trị. Giáo-dục là cách dạy người cho biết đạo-lý làm người, mà chính-trị là cách trị người trị nước cho hợp đạo-lý. Tuân-tử theo cái tôn-chỉ ấy, cho nên ông lấy việc chính-trị làm việc hành đạo rất hay.

Đạo hợp-quần của nhân-loại. — Người ta sở dĩ hơn các loài vật là vì biết hợp-quần để lập thành xã-hội, có tôn ti trật-tự, khiến cho thiên-hạ được yên trị. Tuân-tử nói rằng: « Lửa và nước có khí mà không có sinh, cây và cỏ có sinh mà không có biết, muông chim có biết mà không có nghĩa. Người thì có khí, có sinh, có biết, và lại có nghĩa, cho nên là quý nhất trong thiên-hạ. Người ta sức không bằng con trâu, chạy không bằng con ngựa, thế mà con trâu con ngựa đều bị người ta dùng được, là sao? Là tại người ta biết hợp-quần vậy. Người ta lấy cái gì mà hợp-quần được? — Rằng: lấy cái phận trên dưới. Định ra phận trên dưới thì làm thế nào mà có nhân? — Rằng: lấy nghĩa. Lấy nghĩa mà định trên dưới thì hòa, hòa thì hợp làm một, hợp làm một thì có nhiều sức, có nhiều sức thì mạnh, mạnh thì thắng được muôn vật » (*Vương-chế*, IX).

Trong sự hợp-quần của loài người có nghĩa là quí hơn cả. Bởi có nghĩa, cho nên người ta mới biết phân ra tôn ti trật-tự, để giữ cho sự sinh-hoạt của nhân-quần không có sự rối loạn. « Nhân chi sinh bất năng vô quần, quần nhi vô phận tắc tranh, tranh tắc loạn, loạn tắc cùng hỹ. Cố vô phận giả nhân chi đại hại giả, hữu phận giả thiên-hạ chi đại-lợi giả, nhi nhân-quần giả sở dĩ quản phận chi khu yếu giả 人之生不能無羣,羣而無分則爭,爭則亂,亂則窮矣.故無分者,人之大害也,有分者天下之大利也,而人君者所以管分之樞要也: Người ta sinh-hoạt ở đời không thể không quần-tụ, quần-tụ mà không định phận trên dưới thì tranh-đoạt nhau, tranh-đoạt nhau thì loạn, loạn thì khốn cùng vậy. Cho nên không định phận trên dưới là cái hại lớn của người ta, có định phận trên dưới là cái lợi lớn của thiên-hạ, mà đấng nhân-quần là cái then chốt để cai-quản cái phận trên dưới » (Phú-quốc, X). Vậy đã có nhân-quần là phải có nhân-quần, để giữ cái trật-tự cho xã-hội.

Quần-đạo. — Tuân-tử định rõ cái nghĩa quần-đạo, khiến cho bậc nhân-quần biết cái chức-vụ của mình. Ông nói rằng: « Đạo giả hà giả? — Viêt: quân-đạo giả. — Quân giả hà giả? — Viêt: năng quần giả. — Năng quần

giả giả hà giả? — Viết : thiện sinh dưỡng nhân giả giả, thiện ban trị nhân giả giả, thiện hiền thiết nhân giả giả, thiện phiên sức nhân giả giả. Thiện sinh dưỡng nhân giả, nhân thân chi; thiện ban trị nhân giả, nhân yên chi; thiện hiền thiết nhân giả, nhân lạc chi; thiện phiên sức nhân giả, nhân vinh chi. Tứ thống giả cụ, nhi thiên-hạ qui chi, phủ thị chi vị năng quân 道者何也? — 曰君道也。 — 君者何也? — 曰能羣也。 — 能羣也者何也? — 曰善生養人者也, 善班治人者也, 善顯設人者也, 善藩飾人者也。善生養人者, 人親之; 善班治人者, 人安之; 善顯設人者, 人樂之; 善藩飾人者, 人榮之。四統者具, 而天下歸之, 夫是之謂能羣: Đạo là sao? — Rằng: quân-đạo vậy. — Quân giả là sao? — Rằng: có thể quân-tự người ta vậy. — Có thể quân-tự người ta là thế nào? — Rằng: khéo giữ cho người ta sống và khéo nuôi người ta, khéo định ra trật-tự và cai-trị người ta, khéo làm cho rõ rệt và thiết-lập ra mọi việc cho người ta, khéo che đậy và sửa-sang cho ta. Ai khéo giữ cho người ta sống và khéo nuôi người ta, thì người ta thân yêu; ai khéo định ra trật-tự và cai-trị người ta, thì người ta yên; ai khéo làm cho rõ-rệt và thiết lập ra mọi việc cho người ta, thì người ta vui; ai khéo che đậy và sửa-sang cho người ta, thì người ta strong.

Bốn điều ấy mà đủ cả, là thiên-hạ theo về mình, thế gọi là có thể quản-tụ người ta » (Quân-đạo, XII). Theo cái tôn-chỉ ấy thì bậc nhân-quân phải biết rõ cái nghĩa hợp-quần. Hễ cái nghĩa ấy chính-đáng thì thiên-hạ được yên vui mà sinh-hoạt. Bởi thế mới nói rằng : « Quân giả thiên quần giả. Quần đạo đáng, tắc vạn vật giai đắc kỳ nghi, lục súc giai đắc kỳ trưởng, quần sinh giai đắc kỳ mệnh 君者善羣也. 羣道當, 則萬物皆得其宜, 六畜皆得其長, 羣生皆得其命 : Quân là người khéo khiến người ta hợp-quần. Cái đạo hợp-quần mà chính-đáng, thì vạn vật đáng thế nào đều được như thế, lục súc đều được sinh-trưởng, quần sinh đều được yên tĩnh mệnh » (Vương-chế, XI).

Đấng nhân-quân là người làm khuôn làm phép cho thiên-hạ, cho nên nói rằng : « Quân giả nghi giả, nghi chính nhi ảnh chính ; quân giả bản giả, bản viên nhi thủy viên, quân giả vu giả, vu phương nhi thủy phương 君者儀也, 儀正而影正 ; 君者槃也, 槃圓而水圓 ; 君者盂也, 盂方而水方 : Quân-giả là cái nêu, cái nêu ngay thì cái bóng ngay ; quân-giả là cái mâm, cái mâm tròn thì nước tròn ; quân-giả là cái chậu, cái chậu vuông thì nước vuông » (Quân-đạo, XII). Quân là cái khuôn, dân là cái phải theo khuôn mà thành ra tròn hay vuông. Vậy quân là cái gốc sự sinh-hoạt

của dân, cho nên nói rằng : « Quân giả là cái nguồn của dân, cái nguồn trong thì giòng nước trong, nguồn đục thì dòng nước đục. Cho nên người có xã-tắc, không yêu dân, không lam lợi cho dân, mà cầu dân thân yêu mình, thì không thể được vậy. Dân đã không thân không yêu mình mà cầu để mình dùng và để vì mình mà liêu chết, thì không thể được vậy. Dân đã không để mình dùng, không vì mình mà liêu chết, mà cầu binh mạnh, thành bền, thì không thể được vậy. Binh không mạnh thành không bền, mà cầu quân địch không đến, thì không thể được vậy. Quân địch đã đến mà cầu không có sự nguy-tước, thì không thể được vậy. Cái thực tình sự nguy-tước, diệt-vong, đều ở sự tích-tập ấy vậy » (Quân-đạo, XII). Bậc nhân-quân muốn cho dân yêu mình và qui mình, thì phải có nhân có nghĩa. « Hết nhân với thiên-hạ, hết nghĩa với thiên-hạ, hết oai với thiên-hạ. Hết nhân với thiên-hạ thì ai cũng thân yêu, hết nghĩa với thiên-hạ thì ai cũng quý, hết oai với thiên-hạ thì không ai địch nổi » (Vương-chế, IX). Vậy, lấy nhân nghĩa mà trị thiên-hạ, thì thiên-hạ cho ngôi quân là cái gốc chung của thiên-hạ; mà những sự sửa-sang và xếp-đặt làm cho tôn-nghiêm và vững-bền cái ngôi quân, là cốt để làm tôn nghiêm và vững-bền cái gốc của thiên-hạ. Cho nên nói rằng : « Người nào làm

tốt đẹp cho đấng nhân-quân là làm cho tốt đẹp cái gốc của thiên-hạ, làm cho yên đấng nhân-quân là làm cho yên cái gốc của thiên-hạ, làm tôn-quí đấng nhân-quân là làm tôn-quí cái gốc của thiên-hạ. Vì đời xưa đấng tiên-vương muốn phân-biệt ra để làm cho có đẳng-cấp, cho nên hoặc cho là đẹp, hoặc cho là xấu, hoặc cho là hậu, hoặc cho là bạc, hoặc cho là nhân, hoặc cho là vui, hoặc cho là khó nhọc, không phải là chỉ cốt để bày-vẽ, khoe-khoang, mà cốt để làm cho rõ cái văn-vẻ của đạo nhân và thông-đạt sự hòa-thuận của đạo nhân vậy. Chạm loài gỗ, khắc loài kim, làm ra có sắc có vẻ là chỉ để biện-biệt kẻ quí kẻ tiện mà thôi, chứ chính mình không cầu lấy sự đẹp để lòa người; làm ra cái chuông, cái trống, cái sáo, cái khánh, đàn cầm đàn sắt, cái sênh, để biện-biệt việc lành việc dữ, để hợp sự vui, định sự hòa mà thôi, chứ chính mình không cầu lấy cái sừng quá độ; làm ra cung thất, đèn đài, cốt để tránh lúc khô lúc ẩm và nuôi cái đức tinh, biện cái khiên cái trọng mà thôi, chứ chính mình không cầu cái đẹp ở bề ngoài... Nếu dùng nhiều sắc đẹp để làm đồ mặc, dùng nhiều mùi ngon để làm đồ ăn, dùng tài vật để chế ra đồ-đặc, hợp thiên-hạ mà làm chủ, là không phải để bày-vẽ ra cho sang, cho sừng, nhưng cốt để làm chủ-tể thiên-hạ, cai-trị muôn vật, nuôi muôn dân.

hao ý
biến-th

Sự kiểm-chế thiên-hạ thì còn gì hay bằng cái lòng-thiện của bậc nhân-nhân nữa? Cho nên cái trí-lự của bậc ấy đủ trị được thiên-hạ, cái nhân-hậu của bậc ấy đủ yên được thiên-hạ, cái tiếng đức của bậc ấy đủ hóa được thiên-hạ... Trăm họ thật được nhờ cái khuôn của bậc ấy, cho nên cùng đem nhau chịu khó nhọc làm cho bậc ấy được thông-thả, là để nuôi cái khuôn của bậc ấy; trăm họ thật được mến cái ơn hậu của bậc ấy, cho nên đem nhau liều chết mà cứu giúp bậc ấy, là để nuôi cái ơn hậu của bậc ấy; trăm họ thật quý cái đức của bậc ấy, cho nên mới khắc dũa đục chạm làm ra văn-vẻ mà phiến-sức cho bậc ấy, là để nuôi cái đức của bậc ấy. Cho nên khi bậc nhân-nhân làm chủ, thì trăm họ quý như Trời, thân như cha mẹ, vì bậc ấy mà liều sống chết, song vẫn vui lòng. Không tại có gì khác, chỉ tại là cái của trăm họ cho là phải, thì thật đẹp; cái của trăm họ được, thì thật lớn; cái của trăm họ lợi, thì thật nhiều » (Phú-quốc, X).

Đấng nhân-quân lo không có đức mà không lo không có sức mạnh. Vì rằng có đức thì tất có sức mạnh. Bởi vậy mới nói rằng: « Quân-tử dĩ đức, tiểu-nhân dĩ lực. Lực giả đức chi dịch giả. Bách tính chi lực dĩ chi nhi hậu công, bách tính chi quân dĩ chi nhi hậu hòa, bách tính chi tài dĩ chi nhi hậu tụ, bách tính chi thể dĩ chi nhi hậu yên, bách tính chi thọ

đãi chi nhi hậu trường 君子以德, 小人以力. 力者德之役也. 百姓之力待之而后功, 百姓之羣待之而后和, 百姓之財待之而后聚, 百姓之勢待之而后安, 百姓之壽待之而后長: Người quân-tử lấy đức, kẻ tiểu-nhân lấy sức mạnh. Cái sức mạnh là đề cho cái đức sai khiến. Cái sức mạnh của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới thành công, sự quân-tự của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới hòa thuận, cái tài-sản của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới tụ-hội, cái thế-lực của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới yên, cái thọ của trăm họ đợi cái đức của quân-thượng rồi sau mới lâu dài » (Phú-quốc, X). Ý nói người làm vua làm chúa vụ lấy cái đức mà phủ-dụ người dưới, người trăm họ lấy sức mạnh mà phục-dịch người trên. Trăm họ có sức mạnh, có năng-lực hợp-quần, có của-cải, có thế-lực, nhưng cần phải có cái đức của quân-thượng điều-lý, thì mới không sinh ra sự tranh-đoạt.

Thiên-hạ trọng bậc nhân-quân, tức là trọng cái đẹp chung và cái lợi chung của mình, mà bậc nhân-quân giữ cái ngôi mình, là giữ cái của chung cả thiên-hạ, chứ không phải là của riêng một nhà một họ nào. Cái ý-tưởng ấy là cái ý-tưởng rất trọng yếu của Nho-giáo. Người làm vua làm chúa phải lấy cái đức mà hóa

thiên-hạ, dùng cái trí công-chính mà làm lợi cho thiên-hạ, như vậy thì tất là thiên-hạ phải tôn phải quý. Nếu người nào giữ ngôi quân mà lại chỉ biết co một cái quyền lợi của mình mà thôi, và làm những điều dâm-tàn bạo-ngược, thì là trái với quân-đạo, không phải là bậc nhân-quân nữa. Vì rằng: « *Thiên chi sinh dân phi vị quân giả, thiên chi lập quân dĩ vị dân giả* 天之生民非爲君也, 天之立君以爲民也: Trời sinh ra dân không phải là vì ông vua, Trời lập ông vua lên là bởi vì dân vậy » (Đại-lược, XXVII). Bởi vậy thiên-hạ tuy phải tôn phù nhân-quân, nhưng khi nhân-quân là người tàn bạo, thì thiên-hạ lại có quyền được trừ bỏ đi. Chỗ này Tuân-tử cũng đồng một ý với Mạnh-tử, cho nên nói rằng: « *Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu* 誅暴國之君若誅獨夫: Giết ông vua tàn-bạo một nước cũng như giết một đũa độc-phu » (Chính-luận, XVIII). Vậy nên ai biết lấy nhân-nghĩa mà trị thiên-hạ là yên, lấy tàn-bạo mà trị thiên-hạ là nguy. « Quân-giả là thuyền, thứ-dân là nước. Nước chở thuyền, nhưng nước lại đánh đắm thuyền. Cho nên bậc nhân-quân muốn yên, thì không gì bằng trọng lễ và kính kẻ sĩ, muốn lập công danh, thì không gì bằng chuộng kẻ hiền, khiến kẻ năng. Ấy là cái tiết lớn của bậc nhân-quân vậy » (Vương-chế, IX),

Pháp hậu-vương. — Cái học của Tuân-tử về đường chính-trị có một điều tương-phần các tiên-nho là cái thuyết pháp hậu-vương. Các nho-giả đời trước đều lấy những thánh-vương như Nghiêu, Thuấn, làm tiêu-chuẩn. Tuân-tử thì cho những thánh-vương đời cổ cùng với thánh-vương đời Tam-đại không khác gì nhau, vì các vương-giả, bất cứ đời nào cùng theo một đạo cả. Đấng nhân-quân, cái ngôi thì tôn mà cái chí thì cung-kính, cái tâm thì cẩn-thận mà cái đạo thì lớn, những sự thính thị thì gần mà sự kiến văn thì xa. Bởi sao? Bởi cái thuật của mình giữ được như thế. Cho nên cái tình của nghìn người vạn người, với cái tình của một người cũng như nhau. Trời đất lúc đầu mới sinh ra cũng như ngày nay. Cái đạo của bách vương là cái đạo của hậu-vương», (*Bất-cấu*, III). Hậu-vương là nói những cận thời chi vương, như vua Văn vua Vũ nhà Chu vậy.

Tuân-tử cho vương - đạo bao giờ cũng là một, mà cái tình tình của người ta bao giờ cũng không khác. Cho nên nói rằng : « Thánh-vương có hàng trăm, ta biết bất-chước ai ? — Rằng : cái văn lâu ngày thì mất, cái tiết-tấu lâu ngày thì tuyệt, chức hữu-tư đời đời giữ pháp-độ lâu ngày cũng mất. Muốn biết cái sự nghiệp của thánh-vương thì xem ở chỗ rõ-ràng, tức là xem ở hậu-vương. Đấng hậu-

vương kia là đấng nhân-quân của thiên-hạ, bỏ hậu-vương mà theo thượng-cồ thì ví như bỏ đấng nhân-quân của mình mà theo đấng nhân-quân của người. Cho nên nói rằng: Muốn xem nghìn năm về trước, thì xem mấy ngày bây giờ; muốn biết ức vạn, thì xem một hai; muốn biết đời thượng-cồ, thì xét rõ cái đạo nhà Chu; muốn biết đạo nhà Chu, thì xét rõ ông vua mà người ta lấy làm quý. Cho nên nói rằng: lấy gần mà biết xa, lấy một mà biết vạn, lấy cái vi ần mà biết cái sáng rõ, tức là thế vậy. Kẻ vọng-nhân nói rằng: « Đời xưa và đời nay, cái tình khác nhau là vì cái đạo trị loạn khác nhau. » Chúng-nhân nghe lời ấy mà mê-hoặc vậy. Chúng-nhân ngu mà không có biện-thuyết, đại mà không biết đặc-lượng, cái sở-kiến của chúng-nhân còn khả-dối-được, huống chi chuyện nghe đã nghìn đời xưa. Đối với bọn vọng-nhân, ngay trong khoảng môn-đỉnh còn có điều sai ngoa, huống nữa là việc ở nghìn đời xưa. Còn bậc thánh nhân thì sao không đối-được? — Rằng: thánh-nhân lấy ý mình mà đặc cái ý của cồ nhân, cho nên người không đối-được mình, mà mình cũng không đối người. Lấy người đặc người, lấy tình đặc tình, lấy loại đặc loại, lấy ngôn-thuyết mà đặc cái công-nghiệp, lấy đạo mà xem hết cái lý của muôn vật, thì cồ kim không khác gì nhau. Các loại không

có trái nhau, tuy lâu đời nhưng cái lý vẫn đồng. Cho nên trông thấy tà-khúc mà không mê, xem tạp-vật mà không hoặc, là vì lấy những điều nói trên mà trắc-đạc. Trước đời Ngũ-Đế không có sự tích của người nào để lại, không phải là không có người hiền, nhưng vì lâu đời vậy. Trong đời Ngũ-Đế không có cái chính-sách truyền lại, không phải là không có thiện-chính, nhưng vì lâu đời vậy. Vua Vũ, vua Thang có truyền cái chính-sách lại, mà không rõ bằng nhà Chu, không phải là không có thiện-chính, nhưng vì lâu đời vậy. Cái truyền đã lâu thì cái luận sơ-lược, cái truyền gần thì cái luận tường-tận. Lược thì nói cái đại-cương, tường thì nói đủ mọi điều. Người ngu thì nghe cái đại-lược không biết cái tường, nghe cái tường không biết cái lớn. Bởi thế cho nên cái văn lâu ngày thì mất đi, cái tiết-tấu lâu ngày thì tuyệt-diệt » (*Phi-tướng*, V). Cứ như Tuân-tử thì bậc vương-giả phải theo cái đạo đời Tam-đại và theo phép của hậu-vương. « Đạo bất quá Tam-đại, pháp bất nhị hậu-vương 道不過三代, 法不貳後王 : Đạo không qua đời Tam-đại, phép không khác hậu-vương » (*Vương-chế*, IX). Nghĩa là đối với đời Chiến-quốc mà bàn vương-đạo thì không nên bàn quá việc nhà Hạ, nhà Ân, nhà Chu ; nếu xét quá lên nữa, thì xa lắm, khó tin là xác-thực

được, và dùng phép thì theo phép của vư-
ngiả đương thế, chứ không nên lia bỏ mà đi
tìm ở chỗ xa. Đó là cái tu-tướng đặc-biệt của
Tuân-tử về đường chính-trị vậy.

Vương bá và quyền - mưu. Trong việc
chính - trị, Tuân-tử theo cái tư-trào đương
thời mà chia ra làm ba lối: một là làm
vương, hai là làm bá, ba là làm mất nước.
«Nghĩa lập nhi vương, tín lập nhi bá, quyền
mưu lập nhi vong. Tam giả minh-chủ chi sở
cần trách giả, nhân-nhân chi sở vụ bạch giả
義立而王, 信立而霸, 權謀立而亡. 三
者明主之所謹擇也, 仁人之所務白也:
Cái nghĩa mà lập thì làm vương, cái tín mà
lập thì làm bá, cái quyền-mưu mà lập thì mất.
Ba lối ấy, đấng minh-chủ phải chọn kỹ, người
nhân phải làm cho minh-bạch vậy» (Vương-
bá, XI).

1. Vương đạo. — «Đem cả nước mà hò-hào
làm việc lễ nghĩa và không làm điều gì hại
đến lễ nghĩa. Làm một điều bất nghĩa, giết
một người không có tội mà được thiên-hạ,
thì kẻ nhân-giả không làm. Cứ vững giữ lòng
minh và giữ nước. Được như thế thì thật là
vững chắc lắm vậy. Những người cùng với
minh làm việc ấy đều là nghĩa-sĩ, những hình-
pháp đem bày tỏ ra cho quốc-gia, đều là
pháp nghĩa. Những điều mà nhân-chủ đã thật

tin và đem quàn-thần qui-hương cả về đó, đều là cái ý chú vào việc nghĩa. Như thế, thì kẻ dưới lấy nghĩa mà trông cậy người trên, ấy là cơ-bản định vậy. Cơ-bản đã định, thì nước định, nước định thì thiên-hạ định... Không bởi có gì khác, chỉ bởi cái cơ cố làm cho nên việc nghĩa. Ấy là việc nghĩa lập mà làm vương vậy ».

2. *Bá đạo* — « Đức tuy chưa đến cùng-cực, nghĩa tuy chưa nên hẳn, song cái lý của thiên-hạ cũng lược có tiết-tấu. Hình-pháp thường phạt làm tin cho thiên-hạ, kẻ bày tội ở dưới đều hiểu rõ mà biết những điều yếu-ước. Cái chính-lệnh đã bày ra thì dầu thấy rõ điều lợi của mình hỏng, nhưng cũng không lừa dối dân; đã kết ước với nước nào, thì dầu thấy rõ điều lợi của mình hỏng, nhưng cũng không lừa dối người. Như thế, thì binh mạnh thành bền, địch-quốc sợ mình, cả nước một nền, dân với nước đều tin. Tuy ở đất hẻo-lánh cũng có uy động cả thiên-hạ... Song không phải là hết lòng sửa cái gốc ở sự chính và sự giáo, không phải là lấy văn-lý làm căn-bản, không phải là làm cho lòng người ta phục. Làm điều gì thì xu-hướng về phương-lược, xét việc gì thì dùng cái thuật lấy dặt dãi lao, nghiêm-cẩn sự súc-tích, sửa-sang việc chiến bị, trên dưới một lòng tin nhau, thiên-hạ không ai dám đương với mình. Không bởi

cớ gì khác, chỉ bởi lược thủ cái tín mà làm. Ấy thế gọi là tín lập mà làm bá vậy».

3. *Vong quốc chi đạo* — «Đem cả nước mà hô-hào làm công-lợi, không cần mở cái nghĩa, giữ cái tín, chỉ cốt cầu lợi. Trong thì không sợ dối dân để cầu cái lợi nhỏ, ngoài thì không sợ dối nước thân với mình để tìm cái lợi lớn. Trong không lo sửa cho ngay chính những thồ địa tài hóa của mình, mà lại muốn những thồ địa tài hóa của người, như thế thì kẻ thần-hạ và trăm họ ai chẳng lấy lòng giả dối mà đối đãi với người trên. Người trên dối người dưới, người dưới dối người trên, thế là trên dưới chia rẽ nhau ra, như thế thì địch-quốc khinh mình, mà nước thân với mình ngờ-vực mình, ngày ngày dùng quyền-mưu mà nước không khỏi sự nguy biến, đến cuối cùng là nước mất... Ấy không bởi cớ gì khác, chỉ bởi không dùng lễ nghĩa mà chỉ dùng quyền-mưu vậy» (*Vương-bá*, XI).

Trong ba lối ấy, hễ ai khéo chọn thì giá-ngự người, không khéo chọn, thì bị người giá-ngự. Tuân-tử theo tôn-chỉ Nho-giáo, cho nên ông rất tôn-sùng vương đạo, và bày tỏ cái phương-pháp của vương-giả trị thiên-hạ ra một cách rất rõ-ràng vậy.

Phương - pháp của vương - giả. — **Bậc vương-giả** là người có đạo đức hoàn-toàn,

lấy điều công chính nhân nghĩa mà trị thiên-hạ. Người ấy phi là bậc thánh-nhân không giữ được ngôi thiên-tử cho xứng-đáng. Cho nên nói rằng : « *Thánh-nhân bị đạo toàn mỹ giả, thì huyện thiên-hạ chi quyền xưng* 聖人備道全美者也, 是懸天下之權稱也 : Thánh-nhân có cái đạo hoàn-bị, toàn-mỹ, thì mới cầm được cái cân và quả cân của thiên-hạ » (Chính-luận, XVIII). Bậc vương-giả phải sửa cái đạo làm việc nghĩa, lấy cái lợi chung của thiên-hạ, trừ cái hại chung của thiên-hạ, thì thiên-hạ theo về mình vậy » (Chính-luận, XVIII). Muốn đạt tới cái chủ-đích ấy thì phải theo phương-pháp nào ? Tuân-tử nói rằng : « Dùng kẻ hiền-năng, thì không đợi phải theo thứ-tự mới cất nhắc lên ; bỏ người dở thì bỏ ngay trong chốc lát, trừ kẻ nguyên-ác thì không đợi có dạy bảo rồi mới giết ; theo đạo trung-dung, thì dân không đợi có chính-trị rồi mới hóa, cái phận chưa định thì phải định ngay trên dưới. Tuy con cháu bậc vương, công, sĩ, đại-phu, mà không theo lễ nghĩa thì bỏ làm thứ-nhân ; con cháu thứ-nhân mà tích-tập văn-học, chính thân hạnh, theo lễ nghĩa, thì cho làm khanh, tướng, sĩ, đại-phu. Như vậy thì những gian ngôn, gian thuyết, gian sự, gian năng, đều trốn-tránh cả. Những dân phản trắc thì đặt quan dạy-dỗ, đợi cho hóa thành thiện. Lấy sự ban

thường mà khuyến-miễn, lấy hình-phạt mà trừng-trị. Ai yên chức phận thì nuôi, ai không yên chức phận thì đày đi xa... Cái đại phạm về việc thính chính là người nào lấy điều thiện mà đến, thì lấy lễ mà đãi; lấy điều bất thiện mà đến, thì lấy hình mà đãi. Hai điều ấy phân-biệt, thì kẻ hiền và kẻ bất-tiểu không lẫn, việc phải việc trái không loạn. Kẻ hiền và kẻ bất-tiểu không lẫn, thì người anh-kiệt đến, việc phải việc trái không loạn, thì quốc-gia trị. Như thế thì thanh-danh càng ngày càng vang lừng khắp thiên-hạ, ai cũng muốn theo lệnh hành cấm chỉ. Ấy là việc vương-giả hết vậy» (*Vương-chế*, IX).

Cái chính-sách của vương-giả là trọng người hiền, khinh người dở. Bậc vương công mà không có lễ nghĩa văn-học, thì phải truất xuống làm dân, không được giữ quyền tước, người dân mà có văn-học, biết lễ nghĩa, thì được cất nhắc lên làm khanh làm tướng. Cái quyền chính-trị trong nước đề chung cả cho người tài giỏi, chứ không đề riêng cho một bọn quý-tộc. Đó là thật theo đúng cái chủ-nghĩa *duy-tân* rất chính đáng của Nho-giáo vậy. Bậc thánh vương đời trước theo cái chủ-nghĩa ấy mà trị thiên-hạ, cho nên nói rằng: «Thánh vương tại thượng, đồ đức nhi định thứ, lượng năng nhi thụ quan, giai sử dân tài kỳ sự nhi các đặc kỳ nghi. Bất năng dĩ nghĩa

chế lợi, bất năng dĩ nguy sức tính, tắc kiêm dĩ vi dân 聖王在上, 圖德而定次, 量能而授官, 皆使民載其事而各得其宜, 不能以義制利, 不能以僞飾性, 則兼以爲民: Bậc thánh vương ở trên, tìm cái đức mà định thứ bậc, lượng cái tài năng mà cho làm quan, việc gì cũng để dân gánh vác lấy, ai làm được việc nào cho làm việc ấy. Người nào không thể lấy cái nghĩa chế cái lợi, không thể cố làm để kiêu-sức cái tính ác của mình, thì bắt xuống làm dân » (*Chính-luận*, XVIII). Việc trị thiên-hạ mà theo đúng cái phương-pháp ấy thì không sao có sự biến-loạn.

Tại làm sao mà ta cần phải bắt-chước thánh vương? Là tại thánh vương biết rõ cái đáng quý và biết lấy cái nghĩa mà làm cho ta trông thấy rõ cái lợi lớn. Cho nên nói rằng: « Bàn cách bắt-chước thánh-vương thì biết điều mình quý vậy; lấy điều nghĩa chế điều lợi, thì biết rõ cái lợi của mình. Bàn sự biết điều mình quý, thì biết sự mình tự dưỡng vậy; biết rõ cái lợi của mình, thì khi hành-động mình biết rõ lối mà theo vậy. Hai điều ấy là cái gốc của sự thị phi, cái căn-nguyên của sự đắc thất vậy » (*Quân-tử* XXIV). Bậc thánh vương giữ ngôi quân, thống-trị thiên-hạ, cốt làm cho cái phận nghĩa phân-minh, trên dưới có trật tự. Cho nên nói rằng « Thánh vương ở trên, cái phận nghĩa thi-hành ra ở dưới, kẻ

sĩ và đại-phu không làm những việc dâm-đăng, quan lại không làm những việc lười biếng và khinh nhờn, nhân chúng và trăm họ không có cái tục gian quái, không có cái tội trộm cướp, không dám phạm những điều cấm của vua. Thiên-hạ đều hiểu rõ là những người trộm cắp không thể làm giàu được, những đứ giặc cướp không thể thọ được, những đứ phạm điều cấm của vua không thể yên được. Theo đạo thì người ta được cái sở thích của mình, không theo đạo thì gặp cái sở ố của mình vậy » (Quân-tử, XXIV).

Hình-pháp. — Vương-giả cốt dùng lễ nghĩa để trị thiên-hạ, song nếu còn có người ngoan-ngạnh không chịu theo giáo-hóa, thì tất là phải dùng đến hình-phạt. « Phàm hình, nhân chi bản, cấm bạo ố ác, thả trưng kỳ vị giã 凡刑, 人之本, 禁暴惡惡, 且徵其未也 : Phàm hình pháp là cái gốc của thiên-hạ, ngăn-cấm điều bạo-ngược, ghét bỏ điều ác, là để răn những điều chưa xảy ra » (Chính-luận, XVIII). Phạt người có tội là để khiến những kẻ gian-ác đừng làm những điều phi-pháp và sự thưởng sự phạt của vương-giả bao giờ cũng phải cho công-minh và xứng-đáng. « Dùng hình pháp mà đáng tội, thì có uy; không đáng tội thì người dưới khinh nhờn, ban thưởng tước lộc mà đáng cho kẻ

hiền tài thì qui, không đáng thì không qui. Đời xưa dùng hình-pháp không quá cái tội, ban thưởng tước lộc không vượt qua cái đức, cho nên có khi giết cha mà dùng con làm tôi, giết anh mà dùng em làm tôi. Người thiện kẻ ác phân-biệt, ai nấy đều lấy cái trung-thành mà thông đạt, không bị sự khuất trệ. Ấy là để khuyên kẻ làm thiện và răn kẻ làm không thiện, hình phạt thì giảm bớt mà cái uy quyền thi-hành ra như nước chảy, chính lệnh rất phân - minh mà việc hóa đổi như thần » (Tuân-tử, XXIV).

Cái lý-thuyết của Tuân-tử về đường chính-trị, tuy không trọng hình-pháp lắm, nhưng vì đã theo cái thuyết tính ác, thì cái kết-quả tự-nhiên tất phải trọng hình-pháp, thành ra cái tôn-chỉ của Nho-giáo bởi đó mà sai lầm đi mãi.

*
* *

Tuân-tử là bậc đại-hiền trong Nho-giáo về cuối đời Chiến-quốc, học-vấn uyên-bác, văn lý tinh-vi. Ông thấy đạo của tiên-vương mờ tối, người đời mê hoặc về công-lợi và quyền-mưu, các tà-thuyết bí-tử làm loạn lòng người, cho nên ông cực-lực bài-bác các học-thuyết

khác để làm cho sáng rõ cái đạo công-chính của thánh hiền.

Dương-Lạng 楊儻 đời nhà Đường là người chủ-thích sách Tuân-tử tối cổ hơn cả, làm bài tựa nói rằng : « Đời Chiến-quốc họ Thân, họ Thương ⁽¹⁾, hà-ngược, lấy sự giết cả họ mà luận tội ; họ Tôn, họ Ngô ⁽²⁾ biến-trá, giết người đầy thành. Những kẻ đàm-thuyết lại chuộng họ Thân, họ Mặc, họ Tô, họ Trương, vì thế mà đạo họ Khổng gần mất. Kẻ sĩ có chí thấy thế lấy làm đau lòng nhưc óc vậy. Cho nên Mạnh Kha mở ra trước, Tuân Khanh chặn hưng ở sau. Xem cách lập ngôn, chỉ sự của Tuân-tử, lấy cái cùng-cực làm căn-bản, lấy cái yếu-trọng làm đạo-lý, bày tỏ những việc đời xưa mà chống giúp đương thế, dẹp sự rối loạn, dạy việc đạo-lý, thực là kẻ sĩ danh-thế và bực thầy của vương-giả. Sách của ông cũng có thể làm lông làm cánh cho sáu Kinh, thêm sáng cho họ Khổng, không phải như những sách của chư tử vậy. Bởi chưng Chu-công đã chế-tác ra, Trọng-Ni đã tổ-thuật lại, họ Mạnh, họ Tuân tán-thành, cột đề giữ cho bền vương-đạo một cách rất sâu rất đủ, tuy có bốn rợ giao xâm ở đời Xuân - thu, ba

(1) Thân Bất-Hại và Thương Ưởng là hai nhà chính-trị chuyên dùng hình pháp.

(2) Tôn Võ và Ngô Khởi là hai nhà binh-gia, có nhiều mưu lược.

giường bỏ đứt ở đời Chiến-quốc, song đạo ấy vẫn không mất ».

Đó là lời phê-bình của một nhà nho-học đời Đường, đã có công xem kỹ cái học của Tuân-tử. Song ta xét cái học ấy có mấy điều rất hệ-trọng, trái với cái tôn-chỉ thuần-chính của Nho-giáo và gây thành cái kết-quả rất hại cho sự học-vấn về sau.

Một là cái học của Tuân-tử kém cái học của họ Khổng và họ Mạnh. Bởi vì ông bỏ mất cái học hình-nhi-thương và chỉ chuyên tri cái học hình-nhi-hạ, cho nên cái học của ông tuy có vẻ tinh-tường về đường nghị-luận, nhưng vẫn không có cái lý nhất-quán là cái yếu-diểm của Nho-giáo. Một cái học chỉ biết có các cái ngọn mà không biết đến cái gốc, thì tất thế nào cũng phải chi-li, vụn-vặt, làm mất cái phần cao-siêu hoǎng-đại. Điều ấy, các học-giả nên chú ý mà nhận cho kỹ, trong khi xem cái học-thuyết của Tuân-tử.

Hai là Tuân-tử kíp về sự muốn chữa cái lưu-tệ đương-thời. Thửa ấy ông thấy cái học của họ Lão, họ Trang thịnh hành lên, đem cái chủ-nghĩa hoài-nghi, lập thành cái thái-độ tiêu-cực, rất hại cho sự tiến-bộ của xã-hội. Ông bèn chủ lấy sự công-dụng mà chống lại, nhất-thiết những điều siêu-việt ra ngoài cái phạm-vi thực-dụng thiên-cận là ông bảo nên bỏ hết. Ông cho những điều như: « *sung hư*

chi tương di dịch, kiên bạch đồng di chi phân cách 充虛之相施 (1) 易, 堅白同異之論 隔: Sự thay đổi của cái đầy cái rỗng, sự phân cách của cái cứng cái trắng », đều là sự vô ích cho sự học của người quân-tử. Ông lại nói ở thiên Giải-tế rằng: «*Nhược phù phi phân thị phi, phi trị khúc trực, phi biện trị loạn, phi trị nhân đạo, tuy năng chi, vô ích ư nhân; bất năng vô tổn ư nhân 若夫非分是非, 非治曲直, 非辨治亂, 非治人道, 雖能之, 無益於人; 不能, 無損於人:* Còn như những điều không phân sự phải trái, không trị công ngay, không biện-biệt sự trị loạn, không trị nhân đạo, thì tuy có hay cũng không có ích gì cho người, mà không hay cũng không có tổn gì cho người». Ông chỉ lấy sự công-dụng làm đầu, ngoài ra không thiết đến những điều cao thâm huyền viển. Một cái học đã thiên lệch đi như thế, thật là hại cho sự học-vấn và sự tri-thức và làm thấp mất cái học của Nho-giáo.

Ba là Tuân-tử đã không đạt tới cái lý đơn-nhất siêu-việt, quán-triệt cả vũ-tru, thì tất ông phải lấy cái lý thường làm chuẩn-dịch để phê-bình và phán-đoán mọi sự. Vậy nên ông cho những điều gì không hợp cái lý ấy,

(1) Chữ di 移 trong sách viết làm ra chữ thi 施.

không phân việc phải trái, không biện-biệt sự trị loạn, là phải bỏ đi. Song cái lý thường của ta, thì có cái vô cùng chí lý, mà sự phải trái và sự trị loạn, thì mỗi thời một khác và mỗi người hiểu ra một cách, lấy gì làm mực nhất định mà theo? Tuân-tử thấy rõ chỗ nguy-hiểm ấy, cho nên xưng lên cái thuyết: « *Cố học giả giả, cố học chỉ chi giả* 故學也者, 固學止之也: Cho nên học là vốn học cho đến chỗ thôi vậy ». Chỗ thôi ấy là *chí-túc*, tức là bậc thánh bậc vương. Lấy bậc thánh bậc vương làm tiêu-chuẩn cũng cực, không được vượt qua hơn nữa. Hễ ai không theo là cấm. Đó là cái phương-pháp chuyên-chế đã thấy ở cái học chính-danh vậy. Cái phương-pháp ấy thành ra cái chủ-nghĩa độc-tôn, tuy đương thời là cốt để vãn cứu cái học hoài-nghi, nhưng về sau thật là một cái trở-lực cho sự học-vấn. Nho-giáo mà sau thành ra một cái học tầm-thường, mất hết cả các cái quan-niệm cao iển, là bởi cái kết-quả tự-nhiên của cái chủ-nghĩa hẹp-hòi về công-dụng, và cái chủ-nghĩa chuyên-chế độc-tôn.

Ta phải biết rằng những sự ứng-dụng của sự học-vấn là phải vượt qua cái lợi thiên-cận trước mắt của người thường, phải đem cái nhỡn-giới của sự học-vấn lên cao quá những cái quyền-lợi ngay một lúc, thì ta mới đạt tới những điều ca-oxa huyền-bí và mới

hiều rõ cái ứng-dụng lớn của sự học-vấn, rất cần cho sự tiến-hóa chính-đáng của xã-hội.

Muốn cho sự tiến-hóa mỗi ngày một hơn lên, thì cần phải có cái học cao viễn hoằng đại, chứ nếu đã bó-buộc nhân trí và một cái khuôn nhất-định, nhỏ hẹp không bao giờ được thay đổi, thì nhân trí còn mở-mang ra sao được? Cái lối chuyên-chế nhỏ hẹp ấy dù có lợi nữa, thì cũng chỉ lợi được một thời, mà cái hại đến mấy mươi đời.

Cái học của Tuân-tử sở dĩ kết-quả thành ra cái chủ-nghĩa hẹp-hòi về công-dụng và cái chính-sách chuyên-chế, là căn-bản ở cái thuyết tính ác. Đã cho cái tính người ta là ác, thì tất-nhiên phải dùng cái chính-sách chuyên-chế mà trừng-trị. Đó là vì Tuân-tử không đạt tới cái lý siêu-việt hình-nhi-thượng và lại kíp về việc cứu thời, cho nên mới lập ra cái thuyết ấy. Hậu-nho lấy điều ấy mà chế Tuân-tử, nhất là đến đời Tống, các nho-giá công-kích cái thuyết tính ác kịch-liệt hơn nữa, thật là không lầm vậy.

Xét kỹ về đường thực-dụng, thì Mạnh-tử và Tuân-tử, tuy mỗi người có một cái ý-kiến cao thấp khác nhau, nhưng hai người cùng theo một cái mục-đích: Mạnh-tử nói tính thiện là khuyên người ta làm điều lành, mà Tuân-tử nói tính ác là răn người ta làm điều ác. Hai ông đều có ý khuyên-miễn người ta

làm điều thiện, bỏ điều ác. Nếu ta đem hai cái thuyết ấy mà so với cái nghĩa câu *tính tương cận* của Khổng-tử, thì thấy rõ mỗi thuyết thiện về một mặt. Nói tính thiện thì không nhận có hạng hạ-ngu, mà nói tính ác thì không nhận có bậc thượng-trí. Chẳng qua là hai ông đều bởi cái lòng giận thời ghét tục mà nói ra như thế. Tuy nhiên hai ông vẫn lấy Khổng-tử làm quyền hành, cho nên dẫu có quá và bất cập, cũng không mất cái tiếng là bậc đại-hiền trong Nho-giáo. Vậy nên từ đời Tần đời Hán đến đời Đường, các học-giả thường đề Tuân-tử đứng ngang với Mạnh-tử.

Cái học của Tuân-tử, tuy về sau vẫn có thể-lực, nhưng không bằng cái học của Mạnh-tử, là vì cái học của Tuân-tử thấp và hẹp. Cũng vì thế mà sách của Mạnh-tử, thì từ xưa đã có bọn bác-sĩ truyền tập, chú-thích rõ-ràng, cho nên có nhiều người đọc. Sách của Tuân-tử thì trước nhà Đường không thấy có ai chú-thích, và lại biên đi chép lại, càng ngày càng sai lạc thêm, có chỗ thì chữ nọ viết ra chữ kia, có chỗ thì thừa ra mấy chữ, có chỗ lại thiếu đi hàng mấy câu, cú đậu hồ-đồ, mạch lạc không được phân-minh. Bởi vậy có nhiều đoạn ý nghĩa tối-tăm, làm cho ai đọc cũng chán nản, thành thử cái học của ông không được thịnh hành như cái học của Mạnh-tử.

Nay ta đã xét rõ cái học của Tuân-tử, ta có thể nói rằng cái học ấy không phải là không có giá-trị, song kẻ học-giả cần phải biết cái nên lấy, cái nên bỏ. Phần nên lấy cũng khá nhiều, mà phần nên bỏ thì có mấy điều trọng-yếu ta đã kể rõ, để ai xem thì nên chú ý mà xét cho kỹ. Bởi vì cái học của ông bỏ mất phần hình-nhi-thượng và thiên về cái thuyết tính ác, chú-trọng về đường công-dụng, cho nên về sau môn-đệ của ông là bọn Hàn Phi và Lý Tư lại càng thiên về mặt hình-pháp và mặt công-dụng rất hẹp-hòi. Đó có lẽ là vì thời thế xui khiến ra như thế, song cũng bởi cái học của Tuân-tử không đạt tới chỗ cao-siêu, và bởi họ Hàn và họ Lý học kém hơn nữa, cho nên mới bị tể-tắc về đường công-lợi mà bỏ mất cái học công-chính và hoằng-đại của Khổng-giáo vậy.

THIÊN IV

CUỐI ĐỜI CHIẾN-QUỐC VÀ ĐỜI NHÀ TẦN

(230-202 trước Tây-lich)

THỜI-KỲ TRUNG-SUY CỦA NHO-GIAO

Nho-giáo truyền đến đời Chiến-quốc phải một thời trung-suy. Tình-thể xã-hội Tàu thừa ấy loạn-lạc đến cực-điểm : phong-tục bại-hoại, luân-thương đổ nát, vua chúa các nước chỉ chăm lo việc chiến-tranh, hết nước này đánh nước nọ, thì đến nước nọ đánh nước kia, việc can-qua không lúc nào nghỉ. Ở ngoài thì có Cường-Tần hà-hiếp và xâm-lược, ở trong thì việc chính-trị rối loạn. Những nhà học-giả phần nhiều hoài-bảo cái tư-tưởng hoài-nghi của họ Lão họ Trang, khuynh-hướng về mặt tiên-ực, cho đời người có hạn, mà sự tri-thức thì vô cùng, dẫu có học tập tìm kiếm, cũng không biết thế nào là thật phải, thế nào là thật trái. Bởi cái tư-tưởng hoài-nghi ấy, cho nên người ta bỏ mất cái lòng tin-ngưỡng về chân-lý và sự tiến-hóa. Còn những

người muốn cứu đời thì thấy sự học cao xa không có ích ngay cho việc đương thời, đều chú-trọng ở sự công-dụng thiên-cận, và thiên về mặt hình-pháp, chủ-trương cái thủ-đoạn chuyên-chế mà bắt buộc nhân-chúng phải phục-tùng những nhà có quyền-thế. Vì những lẽ ấy, các học-phái đều mất dần đi, chỉ còn lại cái học-phái hình-danh, chuyên chủ về mặt chính-trị.

Nho-giáo vốn là cái học tích-cực có cái tôn-chỉ rất cao minh, thế mà đến bấy giờ cũng biến-thiên ra cái học chuyên trị về mặt hình-pháp, chỉ cầu-lấy sự công-dụng hẹp-hòi trước mắt. Ấy là đủ biết cái học-thuật ở cuối đời Chiến-quốc đã suy kém lắm vậy.

Sự biến-thiên ấy có thể chia ra làm ba độ. Lúc đầu Khổng-tử lấy « nhân » mà dạy người ta cách đối thời dục vật, tức là lấy cái trực-giác mẫn-nhuệ mà theo thiên-lý để xử-trí mọi việc cho hợp thời thuận lý, khiến vạn vật các đặc kỳ sở và giữ được cái sinh-thú ở đời. Thật là một sự học có cái thái-độ rất ung-dung hoẵng-đại, đáng làm cơ-sở cho sự học của người quân-tử.

Cái học ấy truyền được hơn một trăm năm, Mạnh-tử lại phát-minh ra cái mới tâm-học rõ-ràng hơn nữa. Ông dạy người ta giữ lấy cái bản-tâm rất linh-diệu, tự nó sáng suốt, khiến ta biết rõ cái chân-lý ở đời. Theo cái

học của ông mà hễ người nào giữ được cái tâm sáng-suốt, thì biết « nhân » là vườn rộng ta ở, « nghĩa » là cái đường lớn ta đi, không bao giờ bị cái lợi và cái dục làm cho ta làm đường lạc lối. Nho-giáo truyền đến đó tuy về đường hình-thức có một vài điều hơi khác cái học của Không-tử, nhưng cái tinh-thần vẫn là một.

Cách Mạnh-tử độ mấy chục năm, thì có Tuân-tử xướng lên cái thuyết tính-ác và lại chú-trọng ở sự dùng lễ mà kiềm-sức cái tính-ác. Tuy ông vẫn giữ cái nền nhân nghĩa trung tín để làm cơ-sở cho sự giáo-hóa, nhưng ông thiên về mặt công-dụng và chủ-trương cái thủ-đoạn chuyên-chế để trừ bỏ những điều mà ông cho là tà-thuyết, bí-tử. Cái kết-quả của sự học ấy gây thành cái chính-trị chuyên-chế ở đời nhà Tần vậy.

Ấy là từ đời Xuân-thu đến cuối đời Chiến-quốc cái học của Nho-giáo đã biến-thiên đi như thế. Hết đời Tuân-tử thì trong Nho-giáo chỉ còn có một người trứ-danh hơn cả là Hàn Phi; song Hàn Phi lại không phải là người chân-nho nữa, cho nên ta có thể nói rằng Nho-giáo truyền đến đầu đời nhà Tần là đã gián-đoạn vậy.

Hàn Phi. — Hàn Phi 韓非 là một vị công-tử nước Hàn, cùng với Lý Tư 李斯 theo học

Tuân-tử Song Lý Tư vẫn chịu Hàn Phi giỏi hơn mình. Hàn Phi có tật nói ngọng, không đàm-thuyết được, cho nên hay làm sách. Ông thấy nước Hàn suy-nhược, thường hay dâng thư lên Hàn-vương để bày tỏ cái đạo trị-nước, nhưng Hàn-vương không dùng. Sau nước Tần đánh nước Hàn nguy-cấp lắm, vua nước Hàn sai ông đi sang sứ nước Tần. Vua nước Tần (tức về sau là vua Thủy-hoàng) đã xem sách của Hàn Phi, vẫn có lòng kính-phục, muốn dùng ông, nhưng lúc ấy bạn ông là Lý Tư đã làm tướng nước Tần, sợ ông được trọng-dụng, thì tranh mất quyền-lợi của mình, bèn nói dèm với vua nước Tần, bắt bỏ ngục. Lý Tư lại sai người đưa thuốc độc cho ông uống mà tử-tự. Hàn Phi tuy không được dùng ở đời, nhưng cái học của ông sau đem thi-hành ra ở nước Tần.

Hàn Phi là môn-đệ Tuân-tử, nhưng vì cái học của ông thiên về mặt hình-pháp, không phải là tôn-chỉ của Nho-giáo, vậy nên không thể cho ông vào hạng học-giả, đại-biêu Nho-giáo được. Tuy nhiên cái học của ông có quan-hệ đến sự trung-suy của Nho-giáo, nên chi ta lược qua một vài điều để bày tỏ cái học ấy là thế nào.

Sách của Hàn Phi làm ra hiện nay có tất cả là 55 thiên, trước gọi là Hàn-tử, rồi đến đời nhà Tống, các nho-giả sợ người ta lầm

với Hàn Dũ ở đời Đường, cho nên mới đời là Hàn-phi-tử. Trong 55 thiên ấy có nhiều thiên không phải là nguyên-văn của tác-giả. Song xét kỹ sách ấy ta cũng có thể biết rõ cái phần tinh-hoa vậy.

Trong sự học có hai lối tìm chân-lý. Một là dùng trực-giác, tức là dùng cái sáng-suốt tự-nhiên của tâm mà biện-biệt các sự-vật; hai là dùng lý-trí mà suy-xét các sự-vật. Lối thứ nhất thì biết rất nhanh và thấu ngay tới tinh-thần sâu-xa. Lối ấy chính là lối Khổng-tử và Mạnh-tử thường dùng. Học theo lối ấy thì lúc nào cũng cần phải có cái tâm hư-tĩnh để tu-dưỡng cho đến bậc nhân, thì rồi mới có cái trực-giác mãn-nhuệ và mới có cái biết rất sáng-suốt. Song theo cái học ấy thì có một điều rất khó là ai biết cái gì thì tự mình ý-hội lấy mà thôi, chứ thường không thể lấy lời nói mà giải rõ ra hết các ý nghĩa được, vậy nên mới gọi là cái học tâm-đắc, phi hạng trung nhân dĩ thượng có tư-cách đặc-biệt thì không học được. Hạng trung-nhân dĩ hạ, dầu có học cũng không thành-tựu, bởi thế cho nên có người học mất rất nhiều công-phu mà vẫn mang vô sở đắc 茫無所得, nghĩa là vẫn mơ-màng không có cái gì là sở đắc. Học như thế thì không có bổ-ích gì. Cũng vì thế cho nên thành ra bao

nhiều người học đạo thánh hiền mà vẫn không hiểu được đạo của thánh hiền.

Lối thứ hai thì dùng lý-trí mà suy sự-lý nọ đến sự-lý kia, cho đến cái sự-lý cuối cùng. Lối ấy chính là lối của Mặc-tử bên Mặc-giáo và Tuân-tử bên Nho-giáo thường dùng. Học theo lối này thì bất cứ hạng người trung nhân dĩ thượng hay trung nhân dĩ hạ cũng có thể học được, mà đã học cái gì thì biết tinh-tường cái ấy, và có thể phụ-diễn ra lời nói rất rõ-ràng. Bởi thế cho nên phải nói nhiều và viết nhiều, trái với cái lối tâm-học chỉ muốn « bắt ngôn nhi giáo ». Lối dùng lý-trí có mấy điều không lợi, là những điều mà ta có thể nói rõ ra được, thường là những điều thuộc về phần bì-phụ ở ngoài, ít khi thấu tới phần cốt tủy ở trong. Mà có thấu tới phần sâu xa nữa, thì cũng chỉ xét mặt nào biết mặt ấy mà thôi, chứ không thể quán-xuyến được hết các mặt khác. Lý-trí lại dễ uốn ra mặt nào cũng được, và nó hay tùy-tùng cái tư-tâm tư-ý của người ta mà gây thành cái ý-kiến thiên-lệch. Thí dụ : Một điều, theo lẽ tự-nhiên là phải, nhưng vì lòng ghét rồi lấy lý-trí mà viện ra các lẽ cho là trái được ; hoặc một điều trái thật, nhưng vì lòng yêu, rồi lấy lý-trí mà viện ra các lẽ để cho là phải được. Cái lý-trí của người ta dễ uốn như thế, thì lấy gì làm chắc ? Vậy, nếu

bỏ cái tâm sáng-suốt, mà chỉ theo cái lý-trí không chắc-chắn, thì thường hay có nhiều sự sai lầm mà không biết.

Những chân - lý ở đời ví như các con đường đi trong rừng rậm. Người có trực-giác sáng rõ tựa hồ người bay bổng lên trên cao, trông xuống thấy rõ các con đường đi ngang đi dọc. Người theo lý-trí thì hình như người len-lỏi theo một con đường, đi đường nào chỉ biết đường ấy, còn ở bên cạnh có những đường nào khác nữa không biết. Hoặc có biết thì cũng không biết hết cả mọi đường. Ấy hai lối khác nhau là thế, mỗi lối có cái sở trường và cái sở đoản, kẻ học-giả nên tế-nhận mà biết cho rõ.

Hàn Phi học theo Tuân-tử dùng lý-trí mà suy-luận cho đến cùng, tất phải thiên về mặt hình - pháp và mặt công - dụng, kết - quả là thành cái chế - độ chuyên - chế độc tôn. Nguyên cái học của Tuân-tử đã có nhiều điều xa cái tôn-chỉ của Khổng-giáo, đến Hàn Phi thì trái hẳn cái tôn-chỉ ấy.

Khổng-giáo lấy những bậc thánh hiền đời cổ làm tiêu-chuẩn là cốt dạy người ta biết dùng những điều nhân nghĩa để tùy thời mà ứng-dụng cho hợp thời và thuận lý, chứ có phải là bảo nên theo cho đúng những sự-nghiệp của thánh hiền đã làm đâu. Hàn Phi

không hiểu lẽ ấy, cho nên mới nói ở thiên Ngũ-đố rằng : « Đời thượng-cổ, người ít, cầm thú nhiều, thánh-nhân chụm cây làm tổ, để tránh các loài thú dữ làm hại ; người ta ăn trái cây cùng các loài sống-sít hôi tanh, thánh nhân dùng gỗ lấy lửa để nấu chín mà ăn cho khỏi bệnh tật. Đời trung-cổ nước lụt mênh-mông, ông Cồn ông Vũ khơi ngòi cho nước chảy. Đời cận-cổ vua Kiệt vua Trụ tàn-bạo, vua Thang vua Vũ phải chinh-phạt. Nay nếu có người chụm cây làm tổ, dùng gỗ lấy lửa ở đời nhà Hạ, thì tất bị ông Cồn ông Vũ cười ; nếu có người khơi ngòi cho nước chảy ở đời nhà Ân, nhà Chu, thì tất bị vua Thang vua Vũ cười. Vậy nay có người cho đạo vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Vũ, vua Thang, vua Võ là hay ở đương thời, tất là bị bậc thánh đời nay cười. Ấy là bậc thánh-nhân không vụ theo cổ, không bắt-chước cái đạo thường khả, chỉ xét việc đời và nhân đó mà phòng-bị ».

Thánh hiền cho cái đạo của cổ kim vẫn là một, bao giờ cũng phải lấy nhân nghĩa mà trị người, nhưng phải tùy thời mà ứng-dụng. Ở đời chât-phác phải dùng lối chât-phác, ở đời văn-minh phải dùng lối văn-minh. Đó là cái nghĩa tùy thời ở trong kinh Dịch, chính đúng cái nghĩa « thế dị tắc sự dị 世異則事異 : đời khác thì việc khác » và « sự

dị tắc bị biến 事異則備變: việc khác thì cách phòng-bị phải biến đổi» (*Ngũ-đổ*, XLIX). Thế mà Hàn Phi lại lấy những lẽ ấy mà bài-bác đạo của thánh hiền, thật là ông không hiểu cái tinh-thần sâu xa của Nho-giáo.

Hàn Phi lại theo cái thuyết pháp hậu vương của Tuân-tử mà thiên trọng về mặt chứng-nghiệm. Ông nói rằng: «*Khổng-tử*, *Mặc-tử* đều nói đạo vua Nghiêu, vua Thuấn, mà cái lấy cái bỏ không đồng nhau. Hai bên đều tự nhận là mình biết rõ vua Nghiêu, vua Thuấn; nhưng vua Nghiêu, vua Thuấn, không sống lại, thì ai định được cái chân-thực của đạo Nho và đạo Mặc? Nay muốn xét rõ cái đạo vua Nghiêu, vua Thuấn, từ trước 3000 năm, thì có thể nào chắc được không? Không có cái tham-nghiệm rõ-ràng mà quyết-chắc, là ngu; không quyết-chắc được mà cứ theo, là làm vậy. Cho nên ai theo tiền-vương mà quyết-chắc ở vua Nghiêu, vua Thuấn, không phải là ngu thì là làm vậy. Cái học ngu và làm là trái với việc làm, đáng minh-chủ không chịu vậy» (*Hiển-học*, L).

Cái học cần có chứng-nghiệm chính là cái học rất hay, nhưng về đường lý-thuyết có khi dẫu không có chứng-nghiệm mà cũng có thể hay được. Vì vậy mới cần có cái tâm

sáng - suốt để biện - biệt cái hay cái dở, sự phải sự trái. Vậy không nên cố-chấp bó-buộc sự tri-thức của người ta vào một chỗ chứng-nghiệm, khiến cho cái tinh-thần không mở rộng ra được mà soi đến những chỗ vô-hình uyên-áo. Những chỗ ấy có cái thế-lực quan-hệ đến sự tiến-hóa của nhân-loại, thường lại mạnh hơn những cái mà ta có thể chứng-nghiệm được. Phạm cái học nào mà chỉ chuyên chú về một mặt là hẹp và nông, rất hại cho tinh-thần và trí-tuệ của người ta.

Song phải biết rằng cái học của Hàn Phi là gặp về sự cứu thời, vụ lấy sự làm cho mạnh cái thế-lực của nhà vua, cho nên bất cứ điều gì hễ không lợi cho nhà vua là ông bác đi hết. Ông ở vào thời-đại cực loạn, người đời chỉ biết xu danh trục lợi, miệng nói những điều nhân nghĩa mà việc làm thì rất tàn-bạo. Ông thấy cái tinh-thể đương thời như vậy, cho nên ông tính cái đạo trị nước không gì hơn cái thủ-đoạn chuyên-chế, lấy thế-lực rất mạnh của nhà vua mà đàn-áp thần dân, bắt mọi người phải phục-tùng mệnh-lệnh, chứ không muốn có người trí-xảo, hay gây ra nhiều sự nguy-biến. Ông nói rằng: « *Thánh-nhân chi đạo, khử trí dữ xảo. Trí xảo bất khử, nan dĩ vị thường* 聖人之道, 去智與巧. 智巧不去, 難以爲常: Đạo của thánh-nhân là bỏ cái trí và cái xảo.

Trí xảo không bỏ thì khó lấy làm đạo thường » (Đương-quyền, VIII). Đây ta phải hiểu rằng bản ý của Hàn Phi không phải theo như cái học của Lão-tử, vụng lấy cái chất-phác mà theo đạo, nhưng cốt chủ-trương việc chuyên-chế độc tôn, cần cho người trong nước chỉ biết có quyền ông vua mà thôi, chứ không biết có quyền nào khác nữa. Ông vua muốn thế nào, thiên-hạ phải theo như thế, những người trí xảo thường hay thừa cơ mà cướp-quyền của vua, vậy nên phải bỏ,

Hàn Phi bác cả những điều cốt-yếu trong đạo luân-thường, như là hiếu để trung tín. Ông cho những điều ấy là làm loạn thiên-hạ. « Thiên-hạ giai dĩ hiếu để trung thuận chi đạo vi thị giả, nhi mạc tri sát hiếu để trung thuận chi đạo, nhi thâm hành chi, thị dĩ thiên-hạ loạn 天下皆以孝悌忠順之道爲是也, 而莫知察孝悌忠順之道, 而審行之, 是以天下亂: Thiên-hạ đều lấy cái đạo hiếu để trung thuận làm phải, mà không biết xét cái đạo hiếu để trung thuận, đề biết rõ mà thi-hành, là thiên-hạ loạn » (Trung-hiếu, LI). Cứ như ý ông thì người làm vua trị thiên-hạ chỉ cần có pháp-luật rất nghiêm mà thôi, chứ không cần đến luân-thường đạo-lý, Song có một điều ông không nghĩ đến nơi, là dầu xã-hội cần phải có pháp-

luật, nhưng dùng pháp-luật mà không lấy luân-lý làm gốc, thì thành ra hà-khốc, không phải là cái đạo chính-đáng để trị nước. Cách biện-luận trái ngược như thế, thật là một lý-thuyết quái-đản. Nhưng thời bấy giờ học-thuật đã kém, tư-tưởng của người ta khuynh-hướng về mặt công-dụng thiên-cận, học-giả còn ai nghĩ đến đạo-lý cao xa nữa, thành thử cái học hình-pháp mới thịnh-thành. Hàn Phi nói rằng: « Phế thường thượng hiền tắc loạn, xả pháp nhiệm trí tắc nguy. Cổ viết: thượng pháp nhi bất thượng hiền 廢常上賢則亂, 舍法任智則危. 故曰: 上法而不上賢: Bỏ đạo thường, chuộng kẻ hiền, thì loạn; bỏ phép, dùng kẻ trí, thì nguy. Cho nên nói rằng: chuộng phép mà không chuộng hiền » (Trung-hiếu, LI).

Trong cái học của Hàn Phi có phần khả thủ là phần nói về cái thể-cách của pháp-luật. « Pháp giả hiển lệnh trừ ư quan phủ, hình phạt tất ư dân tâm. Thường tồn thân pháp, nhi phạt gia hồ gian lệnh giả giả 法者憲命著於官府, 刑罰必於民心. 賞存慎法, 而罰加乎姦令者也: Pháp là phép-tác hiệu-lệnh rõ ra ở chỗ công, hình-phạt là để cho lòng dân quyết-chắc mà theo. Ai giữ phép cẩn-thận thì thưởng, trái lệnh thì phạt » (Định-pháp, XLIII). Những pháp-luật của một nước phải biên chép rõ-ràng và tuyên-

bổ cho công-chúng biết. «*Pháp giả biên trứ chi đồ tịch, thiết chi ư quan phủ, nhi bổ chi ư bách tính giả giã* 法者編著之圖籍, 設之於官府, 而布之於百姓者也: Pháp là biên rõ ra ở trong sách vở, bày ra ở chỗ công và tuyên-bổ ra chỗ trăm họ » *Nan-tam, XXXVIII*).

Hàn Phi theo cái chủ-nghĩa cực-đoan về đường hình-pháp, cho nên ngoại giả những điều gì không can-hệ đến hình-pháp, hay là những điều cao xa không có ích lợi ngay, là ông muốn bỏ hết. Ông cho việc ích lợi ngay là việc làm cho nước giàu binh mạnh, còn sự văn-học, nghĩa-hiệp đều là vô ích. Cho nên nói rằng: «*Những việc không tương dung là không tương đối với nhau được. Ai chém kẻ cừ-địch thì được thưởng, mà lại nâng cao những việc từ-huệ; ai lấy được thành-trị thì ban cho tước lộc, mà lại tin cái thuyết kiêm-ái. Làm cho bền áo giáp, mài sắc lưỡi gươm để phòng-bị lúc nguy-nan, mà lại trang-sức đồ mặc của quan văn. Dùng nghề làm ruộng để làm giàu cho nước, cậy ở sĩ tốt để chống quân giặc, mà lại quý những kẻ văn-học. Bỏ cái dân kính trên và sợ phép, mà nuôi bọn du-hiệp và kiếm-sĩ. Cách cử-hành như thế thì làm cho trị và mạnh không thể được. Nước yên thì nuôi bọn nho bọn hiệp; nước có nạn thì dùng võ-sĩ, cái lợi không*

phải cái dùng, cái dùng không phải cái lợi. Ấy thế cho nên kẻ làm việc thì bỏ sơ-sai sự nghiệp của mình, người du-học thì càng ngày càng nhiều. Tại thế mà hóa ra đời loạn vậy. Vả cái mà đời cho là hay là việc trịnh-tín, đời cho là khôn là lời nói vi-diệu. Lời nói vi-diệu, bậc thượng-trí còn khó biết vậy. Nay lấy những điều bậc thượng-trí cho là khó biết mà làm khuôn phép cho nhân-chúng thì dân không biết theo đâu mà biết vậy. Cho nên kẻ ăn tấm cám không no, thì được đủ ăn là sượng, không cần phải có cao-lương mới ăn được. Kẻ mặc áo ngắn rách không đủ ấm mà được đủ mặc là thích, không cần phải có gấm vóc. Phàm việc trị đời mà cái kíp không được, thì cái hoãn không phải là việc cần. Nay cái chính-sự đề trị nước, và những việc của dân-gian, mà cái gì kẻ thất-phu thất-phụ có thể biết rõ được thì không dùng, lại chuộng những luận-thuyết của bậc thượng-trí, thì trái với sự trị vậy. Cho nên những lời nói vi-diệu không phải là việc của dân vậy. Nay dân trong nước đều nói việc trị, những người chưa ở trong nhà những-chế-độ của họ Thương họ Quản thì có, mà nước thì nghèo; những người nói cây ruộng thì nhiều, mà người cầm cây đi cây thì ít. Người trong nước đều nói việc binh, những người chưa

ở trong nhà những sách của họ Tôn họ Ngô thì có, mà binh thì càng ngày càng yếu. Người nói việc chiến - đấu thì nhiều, mà người mặc áo giáp thì ít. Cho nên đáng minh-chủ chỉ dùng cái sức, chứ không nghe lời nói, thưởng cái công, trừng-trị và ngăn-cấm cái vô dụng » (Ngũ-đỗ, XLIX).

Đoạn này Hàn Phi nói rõ cái tệ học hư-văn của người đời bấy giờ. Song vì cái tệ đó mà muốn bỏ hết các cái học-thuyết có lý-tưởng cao xa, thì lại thiên về cái chủ-nghĩa cực-đoan, rất hại cho sự học-vấn. Ông cho là việc gì không hợp với công-dụng, thì dầu hay thế nào cũng là dở. « Phù ngôn hạnh giả dĩ công dụng vi chí đích cầu giả giả... Kim thính ngôn quan hạnh, nhi bất dĩ công dụng vi chí đích cầu, ngôn tùy chí sát, hạnh tùy chí kiên, tắc vọng phát chi thuyết giả 夫言行者以功用爲之的穀者也... 今聽言觀行而不以功用爲之的穀,言雖至察,行雖至堅,則妄發之說也: Hễ ngôn hạnh là phải lấy công-dụng làm cái đích... Nay nghe lời nói xem việc làm mà không lấy công-dụng làm cái đích, thì lời nói dầu tinh-vi, việc làm dầu kiên-cố, cũng là vọng-phát vậy » (Vấn-biện, XLI). Vọng-phát tức như là bán bậy ra ngoài bia. Bởi vậy người làm vua chỉ cần lấy sự thực mà thôi, chứ không mớu nghe những điều nhân nghĩa là điều vô-dụng. « Cổ minh chủ

cử thực sự, khử vô dụng, bắt đạo nhân nghĩa
 giả 故明主舉實事, 去無用, 不道仁義
 著: Cho nên bậc minh-chủ quý sự thực, bỏ
 cái vô-dụng, không nói nhân nghĩa» (Hiển-
 học, L). Hàn Phi cho sự thực là những sự có
 ích ngay trước mắt và vô-dụng là những điều
 có nghĩa lý sâu xa. Cái học của ông nông-nổi
 và hẹp-hòi như thế, cho nên mới nói rằng:
 «Nhân chủ chỉ thính ngôn giả, bất dĩ công
 dụng vi đích, tắc thuyết giả đa cửc thích 人主
 之聽言也, 不以功用爲的, 則說者多棘
 刺: Kẻ nhân-chủ, nghe nói mà không lấy công-
 dụng làm đích, thì thuyết-giả hay nói nhiều
 điều gai gổc» (Ngoại-chữ thuyết-lả thượng,
 XXXII). Lời nói có nhiều gai gổc tất là sinh
 ra biện-luận; biện-luận tuy có lợi cho sự
 văn-học, nhưng không lợi cho sự chuyên-chế
 của nhà vua. Hàn Phi cho là văn-học, mà
 nhiều ra thì trên có lệnh xuống, dân lấy văn
 học mà bẻ là trái; phép đặt ra, dân lấy việc
 riêng mà làm trái phép; ấy là loạn. Vậy nên
 ông rất ghét văn-học. Theo cái học của ông
 thì trong nước không cần có dư-luận, chỉ một
 mình ông vua có quyền được chế-định ra các
 phép tắc, bắt mọi người đều phải phục-tùng.
 Dầu những phép tắc ấy hay dở thế nào, cũng
 không ai được nghị-luận gì cả. Ông nói rằng:
 «Minh chủ chi quốc, lệnh giả ngôn tối quý
 giả giả, pháp giả sự tối thích giả giả. Ngôn

vô nhị quý, pháp bất lưỡng thích. Cổ ngôn hạnh nhị bất quý ư pháp-lệnh giả, tất cấm 明主之國：令著言最貴者也，法事者最適者也。言無二貴，法不兩適，故言行而不軌於法命者，必禁： Nước của kẻ minh-chủ thì lệnh là lời nói rất quý, phép là việc làm rất phải. Lời nói không có hai cái quý, phép không có hai cái phải. Cho nên lời nói và việc làm mà không theo pháp-lệnh, là cấm » (Văn-biện, XLI).

Đại khái cái học của Hàn Phi là chủ ở cái chính sách chuyên - chế độc - tôn, lấy pháp-luật mà trị nhân-chúng, chứ không cần đến nhân nghĩa và tài trí. Sở dĩ tại sao mà ông theo cái chủ-nghĩa cực đoan như thế, là vì thửa ấy ông thấy: « Nho phục đai kiếm giả chúng, nhi canh chiến chi sĩ quǎ 1... bách vô hậu chi từ chương, nhi hiến lệnh chi pháp tức 儒服帶劍者衆，而耕戰之士寡；堅白無厚之詞章，而憲令之法息： Những kẻ mặc áo nhà nho đeo gươm thì nhiều, mà những người cày ruộng và đánh giặc thì ít; những lời bàn về cái thuyết kiên bạch không có đức hậu thì rõ, mà phép theo phép-tác hiệu-lệnh thì bỏ » (Văn-biện, XLI). Bởi thế ông muốn phản-động lại để cứu cái tẻ đương-thời. Nhưng không ngờ cái học ấy về sau thi-hành ra ở đời nhà Tần lại thành những

hà-pháp gớm-ghe, rất thiệt-hại cho sự học-vấn và sự tiến-hóa của nhân-quần.

Xem sách Hàn-Phi-tử thì biết Nho-học đến cuối đời Chiến-quốc đã suy lắm rồi. Các học-giả chỉ giữ cái lối thủ-cựu, hơi có việc gì mới lạ, thì lấy chuyện thánh hiền đời cổ ra mà bài-bác, chứ không hiểu cái tinh-thần của đạo thánh hiền, cần phải tùy thời mà tiến-thủ. Bởi vậy mới gây thành cái vạ đốt sách và chôn nho ở đời nhà Tần vậy.

Sự đốt sách và chôn nho. — Hàn Phi sang sứ nước Tần rồi bị giam và chết ở trong ngục, vào năm 233 trước Tây-lịch kỷ-nguyên. Cách ba năm sau là năm 230 nhà Tần lấy nước Hàn, năm 228 lấy nước Triệu, năm 225 lấy nước Ngụy, năm 223 lấy nước Sở, năm 222 lấy nước Yên, năm 221 lấy nước Tề. Từ năm 221 trở đi nhà Tần nhất-thống cả thiên-hạ, bỏ cái chế-độ phong-kiến và đặt ra quận huyện, lập thành một đế-quốc trung-ương tập quyền rất mạnh.

Vua Thủy-hoàng nhà Tần bỏ hết cái chế-độ cũ, lập thành cái chính-thể mới, lấy hình-pháp mà trị thiên-hạ. Đời nhà Tần thừa ấy có 70 người bác-sĩ, số nhiều là những kẻ du-khách và biện-sĩ ở các nước chư-hầu đến. Năm 213 trước Tây-lịch, có bác-sĩ là Thuần-vu Việt tâu rằng : « Nhà Ân nhà Chu làm vua hơn một nghìn năm, phụng cho con em và

công-thần để làm vây cánh. Nay bệ-hạ gồm có bốn bề, mà con em không có chức tước gì cả. Nhờ có k³ làm tôi như bọn Điền Hằng và Lục Khanh (1) thì lấy ai mà cứu. Việc làm không theo cở mà lâu dài được, là chưa thấy bao giờ.» Vua Thủy - hoàng giao cho quần-thần hội - nghị. Thừa - tướng là Lý Tư tâu rằng : « Năm đời Đế không trở lại, ba đời Vương không bắt - chước nhau, thế mà vẫn trị được thiên - hạ, không phải đời nọ trái khác đời kia, chỉ vì thời biến khác nhau vậy, Nay bệ-hạ mở nghiệp lớn, dựng công muôn đời, vốn không phải là kẻ ngu-nho giám biết. thế mà người Việt nói những việc đời Tam-đại thì sao đủ theo được. Vừa rồi các nước Chư-hầu tranh nhau, hậu với những kẻ có học. Nay thiên-hạ đã định rồi, pháp-luật tự một chỗ mà ra, trăm họ ai làm ăn thì cở sức cày ruộng, ai theo nghề sĩ thì học tập pháp lệnh và hình cấm. Nay chư sinh không theo đời bây giờ, mà cứ bắt-chước đời xưa, để chê đương - thế, làm hoạc-loạn bọn dân ngu. Tôi, thừa-tướng, tên là Tư, dám liều chết nói để nhà vua biết : Thừa trước thiên-hạ tán-loạn, không có thống nhất, cho nên chư nho dấy lên, động nói cái gì là nói đời

(1) Điền Hằng cướp ngôi vua nước Tề ; Lục Khanh là sáu quan Khanh nhà Tấn sau cướp nước Tấn, chia ra làm nước Ngụy, nước Triệu, và nước Hâu.

cổ để làm hại đời kim, trang-sức những lời hư ngôn để làm rối mắt sự thực. Người nào cũng cho cái học riêng của mình là phải, mà chê-bại những điều kiến-lập của người trên. Nay Hoàng-đế đã gồm cả thiên-hạ, phân-biệt cái đen cái trắng mà định nhất tôn, thế mà những nhà có cái học riêng cứ cùng nhau bẻ-bác pháp-giáo của nhà vua. Mỗi một khi nhà vua có một hiệu-lệnh gì xuống họ cứ lấy cái học của họ để nghị-luận, vào thì trong lòng không cho là phải, ra thì tùm năm tùm ba lại để bàn-tán, khoe cái chủ-kiến của mình để lấy tiếng, cố lập dị cái cách thái thủ để làm cao, đem kẻ quần-hạ để đặt lời hủy-báng. Nếu thế như thế mà không cấm, thì ở trên thế vua kém đi, mà ở dưới đảng phái lập thành, vậy xin cho cấm ngay là tiện hơn cả. Tôi xin phát lệnh rằng: Sử-quan thấy sách gì không phải là sách của nhà Tần thì đốt hết cả. Sách gì không phải là quan bác-sĩ được phép giữ, mà trong thiên-hạ có chứa dấu như Thi, Thư, cũng Bách-gia-ngữ, phải đem đến quan Thủ-úy đốt hết. Ai dám nói thàm với nhau sách Thi, Thư, thì chém bỏ xác ngoài chợ, ai lấy đời xưa để chê đời nay thì giết cả họ. Kẻ lại có thấy hay là biết mà không tố-giác, đều phải đồng chịu một tội. Lệnh xuống ba mươi ngày mà không chịu đốt, thì gọt đầu bôi đen, bắt đi làm phu.

Những sách để lại là sách thuốc, sách bói, sách trồng cây. Ai muốn học pháp-lệnh thì phải lấy kẻ lại làm thầy». (1) Vua Thủy-hoàng xuống chiếu rằng: được. Từ đó mới thực-hành cái lệnh đốt sách.

Hậu-nho cho sách vở mất hết, là bởi cái lệnh ấy. Song xét ra dấu lệnh vua Thủy-hoàng có nghiêm thật, nhưng cũng chỉ đốt những sách ở các chỗ gần Kinh-đô mà thôi, còn những nơi ở xa như nước Tề, nước Lỗ, vị tất đã đốt hết được. Hãy xem như sử Tàu chép rằng khi vua Cao-tổ nhà Hán vây thành Lỗ, còn nghe chư nho giảng sách, và đàn hát, thì đủ rõ nho-học vẫn chưa hết. Và lại một nước lớn rộng như nước Tàu, làm thế nào mà cấm những người ở chỗ dân-gian không dấu sách được. Tuy nhiên những sách đời cổ đều là sách viết cả, tất không có nhiều, mà lại phải nghiêm-cấm, thì dấu có dấu-diểm được, rồi cũng hư-hỏng đi, thành-thủ về sau không còn được mấy nữa.

Còn việc chôn nho sầy ra năm 212 trước Tây-lịch, sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên chép rằng: «Hầu-sinh và Lư-sinh bàn với nhau rằng: «Thủy - hoàng là người có cái thiên-tính cương-lệ và không nghe ai cả. Tự nước Chư-hầu dấy lên mà kiêm-tính được thiên-

(1) Xem trong sách *Sử-ký* của Tư-mã Thiên.

hạ, ý muốn thế nào, thì được ngay thế, cho là tự xưa không ai bằng mình. Chuyên dùng kẻ ngược-lại, những kẻ ấy được thân hạnh. Các quan bác-sĩ tuy hơn 70 người, nhưng chỉ là bị-viên mà thôi, chứ không dùng đến. Quan thừa-tướng cùng các đại-thần đều chịu cái mệnh-lệnh sẵn đề làm việc, trên sai thế nào thì làm thế. Trên thì thích hình sát đề ra oai, dưới thì khiếp-sợ, mạn-khi, đề lấy lòng trên. Phép nhà Tần không được một người làm cả hai phương-thuật; nếu chuyên một phương-thuật mà không nghiệm cũng phải tội chết. Những kẻ chiêm hậu tinh khí, đến ba trăm người, đều là lương-sĩ, vị sự húy-ky, phải a-dua không dám nói thực. Việc thiên-hạ không cứ lớn nhỏ đều do trên quyết-định. Trên lấy cân đề cân giấy má, ngày đêm có hạn là phải nặng bao nhiêu, chưa đủ hạn là chưa được nghỉ. Còn tham quyền thế như vậy, thì chưa có thể cầu được thuốc tiên.» Bọn Hầu-sinh và Lư-sinh bèn rủ nhau trốn đi. Thúc-hoàng nghe thấy bọn ấy trốn đi, lấy làm giận lắm, nói rằng: « Trước ta thu những sách không hợp với sự dùng, đề bỏ đi hết, lại với cả những kẻ sĩ văn-học và phương-thuật rất nhiều, muốn đề đẩy cuộc thái-bình. Bọn phương-sĩ muốn tu-luyện đề cầu thuốc lạ, song bọn Hàn Chúng đi không thấy tin-tức gì, bọn Từ-thị phí-tồn

muôn kẻ, vẫn không cầu được thuốc, rồi trong bọn họ lại tố-cáo những cái gian của nhau. Bọn Lư-sinh là bọn ta đả rất hậu, mà lại phỉ-báng ta để tố những điều bất-đức của ta ! Chư sinh ở Hàm-dương, ta họ người đi dò xét, thì ra họ lại hay đặt ra dao-ngòn để làm cớ-hoặc dẫn ngu. » Thủy-hoàng liền sai quan Ngự-sử tra hỏi chư sinh, chư sinh tố-cáo lẫn nhau, bèn xét ra những người phạm cấm là hơn 460 người, đều đem chôn cả ở Hàm-dương, để thiên-hạ thấy thế mà răn sợ. Sau mỗi ngày càng thêm nhiều, đều bắt đi đày ra ngoài biển».

Khi Thủy-hoàng chôn chư sinh, Thái-tử là Phù-Tô can rằng : « Chư sinh đều học và bắt-chước Khổng-tử, nay lấy trọng pháp mà bắt tội, tôi sợ thiên-hạ không yên ». Thủy-hoàng giận lắm, bắt Phù-Tô đi giám-đốc quân của Mông Biên ở đất Thượng-quận.

Vua Thủy-hoàng nhà Tần dùng cái chính-sách bạo-ngược' để trừng-trị những người văn-học thời bấy giờ, thì thật là tàn-ác đến cùng-cực vậy. Nhưng ta phải biết rằng chư sinh thừa ấy chẳng qua phần nhiều là bọn phương-sĩ, mượn tiếng nho-học mà kiếm lợi lộc, kỹ-thực không có mấy người là thật nho. Mà dẫu có nữa, thì cũng chỉ là bọn học lối từ-chương mà thôi, chứ không có ai là người đã học đến bậc lập thành cái

ngiệp « khai vật thành vụ » như cái tôn-chỉ chính-đáng của Nho-giáo. Vậy nên, lúc ấy tuy cái lệnh đốt sách và chôn nho vốn là rất hại cho sự văn-học, nhưng không phải chỉ vì một cơ ấy mà cái học của Nho-giáo mất đi. Nho-giáo đến đó mà gián-đoạn, là bởi đã lâu từ trước, các học-giả hoài-bão cái chủ-nghĩa hoài-nghi, bỏ mất lòng tin-ngưỡng của chân-lý, và ai cũng chú-trọng ở sự công-dụng thiên-cận hẹp-hòi, cho nên giả sử nhà Tần không đốt sách và không chôn nho, thì Nho-giáo cũng không tránh khỏi được sự suy-đời vậy.

Vua Thủy - hoàng nhà Tần mất năm 210 trước Tây-lich. Bọn Lý Tư cùng với hoạn-quan là Triệu Cao mạo chỉ giết Thái-tử Phù-Tô và tướng Biền Mông, rồi lập con thứ vua Thủy-hoàng là Hồ-Hội lên làm vua, tức là Nhị-thế Hoàng-đế. Được ít lâu Nhị-thế giết Lý Tư và tru-di cả ba họ.

Lúc ấy các nước Chư-hầu bị hà-pháp nhà Tần làm cực khổ, đều nổi lên đánh nhà Tần. Nhị-thế thì hoang-dâm bạo ngược, việc nước để cho Triệu Cao quyết-đoán. Khi quân các nước Chư-hầu đánh nhà Tần nguy cấp lắm, Triệu Cao sợ tội, mưu giết Nhị-thế, rồi lập Tử-Anh lên làm Tần - vương. Nhưng chẳng được bao lâu quân Chư-hầu vào lấy được nước Tần.

Trong thời cực loạn như thế, người trong nước ai cũng mưu sự sinh tồn, việc học-thuật bỏ hết cả. Đến khi nhà Hán dẹp yên mỗi loạn, thống-nhất thiên-hạ rồi, dần dần chấn-hưng cái nền văn-học, Nho-giáo từ đó lại thịnh lên vậy.



THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

MỤC-LỤC

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

M Ụ C - L Ụ C

	Trang
THIÊN I. — Các học-phái của Nho-giáo	11
THIÊN II. — Mạnh-tử	35
THIÊN III — Tuân-tử	97
THIÊN IV. — Thời-kỳ trung-suy của Nho-giáo	217

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Sách này in xong ngày
15 janvier 1943 tại nhà
in Bắc-Thành (Imprimerie
du Nord)

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

THƯ VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM
BIBLIOTHÈQUE NATIONALE DU VIÊT NAM
NATIONAL LIBRARY OF VIETNAM

Những sách của Lê-Thăng xuất bản :

Phật Lục — Trần-trọng-Kim.

Việt-Nam văn phạm	}	Trần-trọng-Kim,
Grammaire annamite		Bùi-Kỷ và Phạm-duy-Khiêm.

* *

Tiểu-học Việt Nam văn phạm giáo khoa thư	}	Trần-trọng-Kim, Nguyễn-quang-Oánh và Bùi-Kỷ
--	---	---

Nho-giáo I	}	Trần-trọng-Kim.
Nho-giáo II		

Đang in

Nho-giáo III	}	Trần-trọng-Kim.
Nho-giáo IV		

Việt-Nam sử lược I	}	Trần-trọng-Kim.
— II		

